



NEUROTONIC

CÔNG HIỆU NHỊT THẦN

★ BỒI BỒ ÓC

★ TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ

★ BẢO VỆ SINH LÍC

PHỔ THÔNG

224

ĐẶC BIỆT

P
H
À
T
Đ
Ả
N

V. II.
June 1, 69
1-6-1969



Phật đực ngay vào đá trên núi Mi-ruk-am th

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XAY DUNG VAN HOA VIETNAM
PHO BIEN VAN HOA DONG TAY KIM CO

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn : 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XI — số 224 — 1-6-1969

1 — Lay Phật	N.V.	5 — 8
2 — Cửa Tam quan Phụng-Sơn-Tự	Tâm-Trí	9 — 10
3 — Bức thư của cụ Phan-chu-Trinh		11 — 20
4 — Hải Thượng Lãn Ông	Ng-tư-Hồng	21 — 27
5 — Cuộc hội thảo về Dầu Hỏa ở V.N.	P.V	28 — 32
6 — Thơ chữ Việt ngữ ở Cao Miên	Lê Hương	33 — 38
7 — Điệu buồn xa Huế (thơ)	Diệp-thế-Phiệt	39
8 — Vùng đất cấm dân bà	Cao-nguyên-Lang	40 — 46
9 — Thiết lộ tử thần	Đặng-hữu-Hỗ	47 — 53
10 — Một đêm trăng khuyết (thơ)	Thùy-Linh	54
11 — Giang sơn Việt Nam	Bùi thế Cang	55 — 63
12 — Bức thơ Paris	Ng-văn-Cồn	64 — 71
13 — Thơ chữ Hán của Nguyễn Du Khánh Xuyên		72 — 79
14 — Staline...	Lâm-tùng-Sinh	80 — 91
15 — Mộng về quê cũ (thơ)	Mạch-quê-Hương	92
6 — Minh ơi !	D.H.	93 — 100
7 — Paris dưới mắt một du khách V.N. (t.t.)	Trương Thế Phiêu	101 — 107

18 — Tiếng nói của thế hệ	1) Lê-văn-Huy	108 — 109
19 — Tình quê (truyện ngắn)	2) Huyền-Nga	110 — 111
20 — Sinh-khi Văn-nghe	Ng-mậu-Lâm	112 — 120
21 — Con chim non (thơ)	Văn-Công	121 — 126
22 — Cáo phó	Võ-thanh-Tân	127
		128

- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-lẻ).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỒ-THÔNG**, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỒ-THÔNG**» và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by **PHỒ-THÔNG**, printed in Viet-Nam.

Tổng phát hành **PHỒ-THÔNG** toàn-quốc :
ĐỒNG NAI 270 Đê-Thám — Saigon

- Tổng-phát-hành **PHỒ-THÔNG** ở Âu-Châu và Phi-châu
- Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
- Our general agent in Europa — Africa
LONG-HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
Vente — abonnements — Publicité)

Lạy PHẬT!

- Ma-quỷ đang hại Phật.
- Phù-thủy đang bán Phật
- Gian-tăng đang phản Phật.
- Ác-tăng đang giết Phật.



Bảy con

PHẬT
đang khóc

PHẬT
!!!



Lạy Phật !

● **Ma quỷ** đã phá cửa địa ngục, tràn lan khắp ta-bà thế giới. Chúng càng ngày càng lộ ng hành, dùng đủ mưu chước xảo trá để làm hại Phật. Chúng xuất hiện đủ loại, trên khắp các nẻo đường tu giới : Ma Tham lam, Ma Sân si, ma Tà dâm, ma Dục tình, ma Danh lợi... Vênh vênh vào váo, ngạo nghễ giữa trần gian, chúng tưởng rằng chúng đang thắng được Phật, và toan tính diệt Phật !

● **Phù Thủy**, đầu cơ chính trị, « cách mạng » xói thịt, mang mặt nạ « Dân tộc », « Đạo pháp », giả danh « Phật tử », chúng dùng đủ loại bùa ngãi : Nam nữ dân biểu, luật sư, giáo sư, bác sĩ, sĩ phu. Chúng tưởng rằng chúng - sanh mù quáng hết, không thấy chúng

đang mắc cả vôi bọt quỷ sứ ma vương, để bán đứng Phật.

Chúng giả vờ nấp bóng Phật để mưu đồ địa vị cá nhân, đeo đuổi lợi quyền, đồ lu, danh vọng. Nhưng vô tài, vô lâm, vô đức, chúng xâm nhập vào Thiên Môn, dở trò quỷ thuật, để âm mưu dùng Phật làm món chiêu hàng, mà mất chúng sinh. Chúng chỉ có một Thần tượng là Dollar, như con Bò vàng ở thời Moise.

● **Gian tăng** càng ngày càng nhiều. Trong 10 chư tăng, đã có đến 4, 5 ngụy tăng, họa may còn 5, 6, chơn tăng mà thôi.

Đám ngụy tăng, gian tăng, giả tăng ấy cũng mệnh danh Thượng Tọa, Đại đức, đầu ra âm thầm, hay công khai, phản bội Phật, phản bội Pháp, phản bội Tăng, chà đạp Ngôi Tam Bảo.

Chúng đầy rẫy khắp nơi, trà trộn với Ma Vương quỷ sứ, với phù thủy pháp sư, để hủy hoại uy tín và Uy quyền của Đạo Pháp. Chúng phá dần dần hết các giới luật của Phật. Chúng đập đổ các tín điều của Phật. Chúng dấn lên truyền thống tôn

*nghiêm của Phật. Chúng đang đi đến sự phủ nhận
cả Giáo lý căn bản của Phật.*

● *Ác tăng càng nguy hại hơn nữa. Chúng đang
giết Phật ! Lạy Đấng Chi Tôn, bọn ác tăng đang
cầm dao đâm vào Tim Phật ! Chúng là Devadatta
hồi sinh dưới lớp áo Phật. để xua bầy voi ra chà
nát Phật, để xô tảng đá xuống để chết Phật. Chúng
khao khát máu của Phật ! Lạy Đấng Từ Phụ Đau
Khổ của Loài Người !*

*Bầy con của Phật tin tưởng Phật không bao
giờ chết, Phật không bao giờ diệt, Phật không bao
giờ biến. Nhưng bầy con của Phật, lỗ nhỏ lút nhút,
đang nức nở khóc Phật ! Lạy Đấng Cha Lành
Thích Ca Mâu Ni !*

Phật Lịch 2513

TÂM TRÍ



CỬA TAM-QUAN PHỤNG-SƠN-TỰ

Chùa cổ-tích được liệt hạng Sài Gòn — Việt Nam.

Chùa Phụng Sơn, tục gọi là Chùa Gò, (vì ở trên một cái gò cao ráo, mát mẻ, thanh tịnh) số 676 C đại lộ Trần quốc Toản, Quận VI Sài Gòn, được chính phủ liệt hạng vào cổ tích Việt Nam, đã được xây cất gần 200 năm nay.

Vị trụ trì hiện nay, là Hòa Thượng Thiện Phước Quang, một bậc chơn tu cao dày đức độ, đã tái thiết cổng Tam Quan trước mặt Chùa, nay vừa xong.

Lễ khánh thành được tổ chức trọng thể lúc 8 giờ 30 sáng ngày Phật Đản, Rằm tháng Tư (30-5-1969), do sự chủ tọa của ông Đồng lý Văn phòng Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn hóa, với sự hiện diện của ông Giám đốc Viện Khảo Cổ Việt Nam nhiều nhà Báo Thủ đo, và một số đông đồng bào Phật tử.

Chùa cổ tích Phụng Sơn có một lịch sử khá ly kỳ hấp dẫn từ thời Chúa Nguyễn Ánh. Hiện Hòa Thượng muốn sửa sang lại Bao Chuông, và tu bổ lại những nơi bị đạn lạc làm đổ vỡ trong vụ Tết Mậu Thân do V.C. đánh phá vùng Bình Thới, ngay sau Chùa.

Rất tiếc, nhà Chùa thiếu phương tiện để trùng hưng một thắng cảnh cổ tích rất quý báu của Thủ đo Miền Nam.

Rất mong Phật tử bốn phương đến chiêm bái cổ tích Phụng Sơn tự, hoan hỉ giúp Nhà Chùa thực hiện những công tác ấy.

TÂM TRÍ

Một tài liệu ít người biết

Bức thư của Cụ Phan Chu Trình trả lời một sinh viên ở Pháp

Trong quyển PHAN-TÂY-HỒ di thảo xuất bản ở Hà Nội năm 1926, có đăng bức thư sau đây của cụ Phan Chu Trình trả lời một sinh viên ở Pháp, tên là Đông.

Chúng tôi xin đăng nguyên văn để làm tài liệu lịch sử.
P. T.

Paris, le 23 Janvier, 1925.

Anh Đông,

Tôi có nhận được cả hai cái thơ của anh, nhưng tôi chậm trả lời, là vì tôi muốn nói cho anh hiểu thì phải nói dài, mà muốn nói dài thì tôi ít thì giờ lắm. Nay đã rảnh bớt việc, nên biên cái thơ này để cất ngĩa hết cho anh nghe :

Về cái thơ thứ nhất của anh, anh muốn tôi nói những chuyện văn minh của nước Pháp, để cho anh em thiếu niên nghe, sự đó là hay thực, nhưng đợi khi nào

tôi về bên ta, mới có thì giờ thông thả mà nói cho rõ ràng được, nghĩa là làm sách ra để so sánh hai cái văn minh Âu, Á hơn kém thế nào, và ta nên thay đổi thế nào cho ta có thể theo được văn minh đời này, mà lại không mất cái sự tốt của ông cha để lại từ xưa nay. Sự đó nói dễ mà khó lắm, vì phải hiểu cái gì là cái tốt của ta thực mới được, còn như các nhật báo bên ta thường gọi là quốc túy đó, ấy là nói nhảm cả (1).

(1) Trong sách, in đậm, cũng như những câu sau, chúng tôi xin giữ đúng theo tinh thần câu văn.

Thương thay *những lũ ruồi mòng, thừa cơ mua tri giết lòng người ta* ! Cựa lòng nên phải nói ra, nào ai có muốn ngày ngà làm chi !

Đây, tôi chỉ nói tóm lại cho anh em hiểu : trong 14 năm tôi hết lòng cam khổ, xem xét so sánh từng phần từng li, nay trong lòng chẳng còn một tí gì hồ nghi nữa.

Phong tục ta còn giữ lại được, là chỉ có gia đình luân lý mà thôi, còn ra từ Triều đình cho chí Hương thôn, là bởi mình đi làm đi lạc hết cả. Những thói tục đó là bởi cái *chính trị chuyên chế* kết quả mà ra hết cả, ấy là cái chứng bệnh cội gốc mất nước của ta đây, nếu không thay đổi, thì chẳng những là mất nước mà nội giống có lẽ cũng không ngày nào ngóc đầu lên được. Cái hại đó to quá, sâu quá, nặng quá, những thiếu niên như các anh vừa nói và những người vừa mới đi trước anh một tí, mà nay các anh tâm phục và klen ngợi đó, là nay còn mắc phải bệnh cả, càng

thông minh bao nhiêu, bệnh ấy lại bị nặng bấy nhiêu, và lại khó chữa bấy nhiêu. (Ấy là tôi nói người có lòng với nước thực, còn quân giả dối tôi không kể đâu). Mà bệnh đó là do những lỗi học khoa cử 5, 6 trăm năm đi độc lại, nên học nghề gì, làm việc gì, cũng không chịu tìm cho đến cội rễ, cho đến thấy sự thực, chỉ biết qua một tí, mới nhắm mắt qua một mòng, tưởng đã đủ rồi, cứ nói phăng đi, làm phăng đi, còn sau ra kết quả thế nào, thì chẳng hề để tâm đến. Vậy nên từ lúc nước Pháp bảo hộ nước ta đến nay, chỗ thì 70 năm, chỗ thì 50 năm, mà chưa thấy một người nào học hiểu cho đến chỗ cội rễ văn minh của người Âu cả. Bây giờ đến phiên các anh, vậy tôi xin các anh đừng vội vàng, đừng ham nhiều, đừng khoe rộng, chỉ cứ tùy theo sức mình, bước một bước cho chắc một bước, nghĩa là học nghề nào thì học cho đến nơi đến chốn, lúc về bên ta làm thực sự học ra cho người thấy, để làm gương cho người sau, để giục lòng người

đang thực học, ấy là trong nước đây, ấy là thương giống đây, chứ bất chước người thiếu niên bên ta giờ, việc gì cũng biết cả, gì cũng nói cả, một bài diễn văn có 4,5 giờ, một bài luận văn mấy chục trang giấy, mà kỳ kỳ biết hão huyền, nói xằng nói trái, trăm voi không được bắt lại làm cho lộn hết cả cái trong treo của kẻ thiếu niên.

Đây, trả lời câu hỏi của anh, cái thơ trước, tôi chỉ có nói thế, còn nói lẽ loi từng vế, thì không thể nào nói hết.

Còn về cái thơ sau của anh, tôi xem đi xem lại thì biết : Lúc anh ở bên ta, họ đã lạc cái trí khôn của anh đi xa rồi, anh đã bị cái bệnh chung những người thiếu niên tôi nói trên, và lại bị *cảm nhiễm những bệnh mới* từ *ta truyền bá trong* *phong*, bây, tám năm nay ; nay thay tôi đã gặp anh trước, có nói chuyện với anh, tôi biết anh là người có lòng yêu

nước như, ham học thực, chỉ vì ít tuổi nên hiểu lầm thôi. Nên đây tôi mới gắng mà cất nghĩa cho anh hiểu, anh xem lời tôi rồi, anh nghĩ thế nào viết thư cho tôi biết, lúc viết thư phải nghĩ đi nghĩ lại cho kỹ, chứ nói bằng chẳng như cái thơ này, ấy là hỏng cả.

Đây tôi cắt ra từng đoạn mà trả lời cho anh dễ hiểu :

1.— Về sự trong Hạ nghị viện nước Pháp giúp đỡ tôi về xứ sự đó anh chúc mừng tôi là phải, anh cũng biết tôi ở bên này lâu, tôi quen biết nhiều ông Nghị viên, và hội « Nhân quyền » cũng có giúp tôi, vậy anh nghĩ thử tại có sao 14 năm nay, tôi không về ? Và các ông ấy cũng không nói ? Nay sự đó đem ra Hạ nghị Viện là tại lẽ gì, sự đó tôi có vận động gì không ? Và sự đó sau này hóa ra thế nào ? Còn tôi muốn gì ? Còn các quan thuộc địa ở bên ta, đối với sự tôi về, ý kiến thế nào, bằng lòng hay không ? Nay tôi về bên ta, tình cảnh khó

để thế nào? Anh đã nghĩ đến chưa? Hay là anh thấy có người bênh vực tôi, thì anh mừng tôi đấy thôi? Nếu như vậy, tôi cũng như một cái đồng hồ, khi người ta không lên dây, thì nằm chết đó, khi có người vặn máy, thì lại chạy xịch xịch thôi. anh nghĩ một cái máy đó thì có thể làm ích gì cho nước ta không?

2. — Anh nói về sự vua Khải Định, một là anh nói vua Khải Định không giữ quyền chính, hai là việc vua Khải Định làm đáng chê, nhưng không lấy gì làm quan ngại lắm, ba là anh khuyên tôi về để lo mở trí dân, đừng chăm chỉ trích nhả vua lắm. Đây tôi không muốn nói nhiều, tôi chỉ hỏi anh rằng: cái thơ trước anh nói tôi học thực rộng lịch duyệt nhiều, câu đó là anh khen nịnh tôi, hay là anh nói thực? Nếu anh đã biết tôi, mà thực lòng khen tôi, vậy tôi lỗi anh rằng một người có học thức, có lịch duyệt, có lẽ nào lại không biết vua Khải Định là không giữ

quyền chính, lẽ nào lại không biết sự vua Khải Định làm đáng chê mà không quan ngại lắm? Vậy xin anh thử nghĩ tại sao mà tôi bèn thơ chống vua Khải Định? Tôi điên khùng sao? Tôi ghen ghét sao? Hay là tôi buồn rầu mà tôi quàu rầu dưng đâu nói đó sao? Trong nước còn nhiều việc cần kíp hơn, tôi không biết, tôi dốt nát, nên tôi lấy chuyện nhỏ làm chuyện lớn lấy chuyện hoàn làm chuyện cấp bách? Xin anh nghĩ thử xem, tại có gì mà tôi chống vua Khải Định? Không giữ chính quyền, không quan ngại gì lắm, trẻ tuổi như anh còn biết, huống người mà anh cho là có học thức, lịch duyệt, sao lại ngờ ngác làm như chuyện vô ích thế? Những câu tôi hỏi đó, anh đã nghĩ đến chưa? Nếu nói đã, xin cái nghĩa cho tôi nghe, nếu chưa, thì sao anh đã vội ... như thế?

Sao anh lại bảo tôi ở yêu cầu hai chánh phủ giả tạm diu đất nước Nam, vậy tôi hỏi anh rằng: ở đâu mà có hai chính phủ? Trên

đã nói vua Khải Định không giữ quyền chính, vậy thì ai giữ, như lời anh nói, thì chắc là chính phủ Bảo hộ giữ cả; vậy bảo tôi yêu cầu cái chính phủ quyền đó làm gì? Và lại anh hiểu rằng: sao mà gọi là chính phủ không? Một nước sao lại cần có chính phủ không? Cái nghĩa vụ chính phủ là làm những gì không? Nếu anh hiểu thấu đến đó, thì cần tôi phải nói nhiều, còn anh nghĩ chính phủ như trò tuồng, có ngời trên dưới. quân văn, quân võ, có áo mũ, lễ châu người chực, có thúng có bổng quý, có người mở cửa trước, luồng cửa sau, nay có một bài dụ, ngày có một bài chiếu, có lẽ Nam dân thì chẳng biết gì đến. bảo tôi đi yêu cầu cái chính phủ phường chèo làm chuyện

thiên hạ hay cười những người ngu đi lạy tượng gỗ để phước, tượng đất tượng gỗ không làm phước được,

nhưng nó không làm hại ai bao giờ; nay anh bảo tôi đi cầu phước với cái chính phủ trong ý của anh, anh tưởng một người có học thức, có lịch duyệt lại làm những sự ngu ngốc hơn lũ đàn bà trẻ con quê kệch dốt nát hay sao? Anh nghĩ 20 triệu con người tự xưng là có Văn minh Nho học, không thể đứng ra mà dựng lại cái bờ cõi của ông cha đã gây hơn mấy nghìn năm nay sao? Anh nghĩ một cái triều đình hèn hạ, không tâm can, không liêm sỉ, cả năm chỉ tối chỉ lo cái xác thịt, và vợ con của chúng nó, vậy mà anh bảo phải nhờ nó mới đem nòi giống Việt Nam lên đảng tấn bộ được, nên những người có lòng với nước mà nghĩ như anh cả thì tôi lấy làm lo lắm, buồn lắm, nếu thực ai cũng nghĩ như thế, thật là một dân trụy lạc, không thể cứu chữa được nữa.

3. — Anh lại sợ tôi tranh danh tiếng, tranh công cán với các đảng thiếu niên như Phạm Quỳnh, v.v., nên anh khuyên tôi đừng lo mất danh tiếng, công cán, mà

đề huê với các anh ấy để lo việc công ích, câu này thì tôi phải lấy làm lạ mà tôi phải nói ngay cho anh biết rằng : câu đó chẳng những là kiến thức của anh còn kém lắm, mà tâm thuật anh, tôi cũng phải hồ nghi. Tôi không biết anh nghĩ tôi là người thế nào mà anh dám hạ bút mà biên những câu như thế ? Nay tôi đã gặp anh, tôi biết anh trẻ tráng, nên tôi trả lời ; nếu tôi không biết anh mà được cái thơ như thế, là tôi chẳng muốn cãi cò một câu. Đây tôi lại gởi cái thơ anh để anh xem đi xem lại cho kỹ, rồi anh sẽ hiểu vì lẽ gì mà anh nói thế ? Hay là văn chương anh còn kém, anh nói ý thực mà lúc biên không nghĩ, nên hóa ra một câu rất sơ xuất và ngạo mạn vô cùng ? Anh có hiểu chắc làm sao mà gọi rằng người có lòng với nước không ? Nếu chưa hiểu thì xin anh đem những người nào mà anh gọi là có lòng với nước, anh so đi sánh lại cho kỹ, chớ đừng có nghe người ta nói mà nói theo là hỏng cả, rồi có lẽ anh sẽ

lầm lấy anh nữa.

Người có lòng với nước chẳng khi nào bắt cả hai tay được cả công cả lợi, và cả danh tiếng nữa, nếu thế thì là quân giả dối cả. Vì người có lòng với nước thì chỉ biết có nước mà thôi, sự lợi cho nước thì làm, sự hại cho nước thì tránh, sống chết lợi hại là bỏ ra ngoài vòng cả ; nhưng cũng phải tùy tài tùy sức, biết đến đâu làm đến đấy, chuyện mình không biết thì không làm được, để mặc cho người khác làm, mặc cho người khác nói ; còn ai thưởng gì, phạt gì cũng cứ giữ khư khư một lòng mà thôi, ấy là người thực có lòng với nước đấy. Anh nghĩ thử như tôi về nước nhà bây giờ, gặp những người như thế, cần đến nỗi phải đợi anh khuyên bảo, rồi tôi mới biết đem lòng đề huê với họ sao. Còn nếu nói ngược lại, gặp những người lơ đãng, đen không ra đen, trắng không ra trắng, bên nào cũng chẳng mất lòng ai cả, nói trảm điều trượt đến chín mươi chín

anh bảo tôi lại đề huê với những người đó để nhận chìm 20 triệu đồng bào xuống địa ngục sao ?

Ấy là tôi cắt nghĩa cho anh hiểu đấy thôi, còn như các anh như *Phạm Quỳnh* thì tôi thấy một hai bài trong nhật trình, không những là giả dối về vờ mà lại nói lắm điều hại cho thanh niên nhiều lắm, nên sau khi tôi về, tôi sẽ lấy cách biện lý mà bàn, nếu các anh ấy không đủ lễ để trả lời mà lại không muốn theo tôi, vậy thì anh có thể đề huê được không ?

4. — Là anh sợ tôi chống báng sinh ra nhiều đảng làm hại cho nước, sau không kết quả tốt được, xem câu anh nói rằng : « Một mình cụ có lòng nhiệt thành và nhà nước Pháp gia tâm trợ lực, cũng không thể có sự kết quả hay được ». Ý anh nói đó, tôi hiểu ngay, anh nói nếu tôi đem cả dân Việt Nam trực tiếp với chính quyền nước Pháp để lo sửa việc nước nhà, đừng có lu hủ bại can dự vào, thì anh chắc nước Pháp sẽ gia tâm trợ lực

cho tôi; nhưng các đảng khác chống lại thì tôi cũng không làm gì được.

Tuổi anh còn trẻ, kiến thức anh còn hẹp, sức anh còn kém, anh nói thế cũng phải, tôi chẳng lấy gì làm lạ, nhưng anh đã hiểu cách tôi nghĩ thế nào, tôi làm thế nào chưa, và nhà nước Bảo hộ chắc đã vui lòng mà giúp đỡ cho tôi chưa ? Nếu chưa hiểu, thì chẳng nên nói phỏng ước lù mù như thế. Anh phải hiểu nước lấy dân làm gốc, ấy là câu chữ Nho nói rành rành, mà như là các anh thủ cựu, lại càng nhớ câu đó lắm. Tôi chưa dám nói chắc rằng : tôi làm cách nào cũng bảo người ta phải nghe theo tôi cả, nhưng tôi dám nói chắc rằng : sự gì mà lòng dân vui theo thì sự đó sẽ làm nên được, nếu dân đã bằng lòng mà lại lợi cho nước, thì sao mà không làm được. Còn anh lo trong nước sinh ra nhiều đảng mà hại, ấy là hiểu lầm ; trong nước nhiều đảng thì cãi cò nhau nhiều, cãi cò nhiều thì sự lợi hại mới biết, dân mới

có thể lựa đảng nào phải mà theo ; anh xem các nước văn minh, nước nào mà không có bè đảng, chỉ có nước dâm man thì chỉ có một lệnh vua mà thôi. Như nước ta, anh bảo làm sao có đảng, tôi tưởng anh nói chữ «đảng» mà trong trí anh chưa chắc hiểu nghĩa chữ «đảng» là thế nào. Đảng là những người có ý kiến chung, có lợi hại chung, hợp nhau lại để lo liệu làm cho đến một cái mục đích chung, trong để giữ cái lợi quyền đảng mình ngoài để đối địch với đảng nào khác ý kiến khác. Đây tôi cắt nghĩa lượt qua, nhưng đại khái nghĩa chữ «đảng» là thế, anh có chịu không ? Nếu anh chịu nghĩa đó, thì anh xem lại nước nhà có đảng không ? Tôi chắc anh trả lời rằng : Không, vì là thực không. Vậy thì anh nên đốt hương cầu chúc cho nước ta có đảng đã, ít nhiều cũng được sao anh đã vói vàng lo nước ta nhiều đảng là lẽ gì ? Hay là anh nói như hội Khai trí tiến đức, và hội Quan trường, v.v. .. anh cho là đảng sao ? Nếu không phải vậy thì đảng nào ?

Nước ta không có đảng nào cả, chỉ có một lũ dựa theo nhà nước Bảo hộ để kiếm ăn, ghen ghét đua nịnh chẳng còn có giá trị tư cách gì nữa, góm thây một lũ hồ tinh, nường hơi dựa bóng tập tành đã quen ! Nói rộng ra, còn các ông cách mạng ở Tàu, ở Nhật, các ông ấy cũng tự xưng là đảng, nhưng chỉ có chủ nghĩa báo thù mà thôi ; có mấy anh thông minh can đảm thì dâm đầu vào lửa chết, vô ích như lũ phù vụ, còn dân thì có lợi ích gì ? Và lại mỗi một lúc dậy giặc, thì dân lại khổ nạn thêm, làm cho sung sướng mấy thằng tham tàn, phao cho kẻ này, trét cho người kia, làm cho thiên hạ tan, nhà nát ứ, chết sau tù ứ, các ông có biết cho không ? Nhưng các ông ấy phần nhiều là anh em bạn tôi.

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA

MỀ DẠY, HO, SUYỀN

năm 1906, tôi đi Tàu đi Nhật, để bàn bạc với các ông ấy, các ông ấy không nghe, đến bây giờ hiệu quả đã rành rành mà người ta còn không biết sao ? Nên đảng đó tôi cũng không cho là đảng. Vậy tôi hỏi anh còn đảng nào anh sẽ chỉ cho tôi xem. Than ôi ! các anh thiếu niên ta ơi ! xin các anh sẽ giữ cái trí thông minh, lòng ái quốc, chậm chậm mà đi, thủng thủng mà xét, biết một việc cho chắc một việc, nói một câu cho trúng một câu : số phận nước nhà là ở trong tay các anh. Các anh chịu khó một tí, gia tâm một tí ; tin cho đến ngọn nguồn : trước phải coi phong trào. Thế giới, làm sao là khôn, làm sao là dại, sao là Quốc túy nên giữ gìn, sao là tệ hại phải chèn đút ; các anh bước tới một bước là dân nhờ một bước, các anh lạc một khoảng đường, thì nước nhà lại nhận chìm mấy lần địa ngục.

Sợ các anh không mở mắt mà trông gương Á đông ta. Nhật Bản là kẻ ngoan, nó gắp Văn minh Âu châu, nó chặt một dao

với phong tục cũ, nó đi theo ngay lối mới, nó kêu người Cao ly, nó kêu người Tàu, hai nước ấy cứ xằng văng mãi, tiếc cái phong tục cũ, không chịu theo mới, đến khi nó đến nơi rồi, nó trở lại nó đi đầu, mới chịu thức dậy, nay hãy còn bối rối. Còn mình bị cỡi đầu cỡi cổ, cứ nhắm mắt lại giữ khư khư lấy phong tục mất nước, đến bây giờ mới mở mắt ra, lại không chịu đứng dậy tìm kiếm cho rõ sự đời rồi sẽ nói, cứ nói mơ màng tưởng tượng nước người chiêm bao thì nước nhà trông vào đâu, nói giống trông vào đâu, chẳng lẽ còn đợi đến lớp cháu chắt nữa sao ?

Các anh ơi ! Cuộc đời rộng như trời như biển, thiên hạ đã đi đến mấy ngàn dặm trước mình rồi. Tôi xin nói thực với các anh, tôi đã bỏ hai phần đời người tôi để đi tìm lấy thuốc mà chữa nước nhà thông minh tôi tuy kém, tài trí tôi tuy hèn, nhưng trong lúc giao thừa này, tôi có thể dám nói rằng : cái trách nhiệm nói giống của dân tộc Việt Nam,

tôi không nhường cho ai được cả, tôi xin các anh thanh niên sẽ lo ăn học cho đến nơi đến chốn, rồi lần lượt các anh sẽ đến nơi này, tôi e các anh không có lòng, không có sức mà gánh lấy việc đời thôi.

Còn ngày nay, các anh chưa đủ tuổi, chưa đủ sức học, nếu các anh đem những cái tư tưởng cũ của các cụ chẳng Nho chẳng Phật, mai chiểu nhu nhĩn cho các anh lúc còn bé, lại thêm vào một ít cái học thức nửa Âu, nửa Á của các anh lúc vào trường bên ta, muốn dựa vào đó mà xét đoán cuộc đời thì sai một ly, đi một dặm, buồn bã biết chừng nào ! Đây, tôi nói thực với các anh, ấy là bệnh của các anh thiếu niên bên ta nhiễm cho anh đấy ; bệnh ấy là khó chữa nhất, xin các anh có lòng với nước, thì phải cần thận cho lắm, phải dùng một cách rất dõng mãnh, rất nghiêm nghị mà trừ bệnh ấy đi nếu lười thôi thì hỏng ngay. Tôi xem anh là người thông minh, và các anh em ở Montpellier nhiều anh ham học

lắm, nhưng khổn nạn thay, nời giống ta bây giờ như giống tằm bị bệnh đã lâu năm, con hừ thì hừ rồi, còn con có thể làm kén được, cũng bị độc đó mà tơ chỉ chẳng ra gì, hại thay ! Thực tế, tôi xem anh Quốc (1), anh Truyền (2) và ông Trường (3), rất là người thông minh bậc nhất ở xứ ta, nhưng xem ra ông nào cũng bị một chứng bệnh nặng cả, chẳng biết ngày sau có làm ra công hiệu gì cho nời giống ta được nhờ không ? Hay là trước học Tàu là ông đồ hủ Nho, nay học Tây lại đổi lại là ông đồ hủ Âu mà thôi.

Đây, tôi đã nói nhiều quá, còn sự anh hỏi về tìm việc làm ở Paris, thơ sau sẽ trả lời.

Sau chúc mừng anh được mạnh giỏi và nhờ anh gửi lời thăm anh em du học ở dưới đó đều được bình yên.

PHAN-CHU-TRÌNH



- (1) Nguyễn ái Quốc.
- (2) Nguyễn Thế Truyền.
- (3) Phan văn Trường.

HẢI THƯỢNG

LÂN ÔNG

nhà Đại danh y

VIỆT-NAM

Bài của Nguyễn tư Hồng,
nguyên huấn luyện viên
của Trung Kỳ Y học hội
khu Thanh nghệ Tĩnh
ở Vinh (thị xã Nghệ An)

TIÊN sinh chính tên là Lê Hữu Trác, có thời gian đổi là Hữu Huân hay Hữu Chấn. Sinh ngày 12 tháng 11 năm Giáp Thìn (1724) năm hiệu Bảo Thái, năm thứ triều Lê mạt.

Thân phụ là Lê Hữu Mưu, cũng gọi là Lê Hữu Kiêu, người làng Liên Xá (Cổ biên), huyện Đường Hào, phủ Thương Hồng, tỉnh Hải Dương nay thuộc huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên (Bắc Việt).

Cụ Lê Hữu Kiêu đậu Tiến sĩ.

làm Thượng Thư hồi Lê mạt, sinh hạ Hải thượng Lân ông ở Hoan châu (tức Nghệ An bây giờ) khi Cụ Kiêu làm quan ở tỉnh này, mẹ người ở huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Vì lẽ đó mà có người bảo Lân Ông là người Hà Tĩnh.

Hải Thượng Lân Ông là một danh Nho đồng thời là một Đại danh y Việt Nam vào thế kỷ 18.

Là một nhân vật thông minh

đỉnh ngộ, nghị lực càng cường, đầu Hương Cống triều Lê, tức Cử nhân triều Nguyễn, nhưng không xuất chính, lý do vì Lịch sử V.N. lúc đó hết sức bề bộn, rối rắm vua Lê, chúa Trịnh. Nếu ra làm quan lúc bấy giờ chỉ là tự ý dẫn thân vào đám quan trường ô trọc chớ chẳng ích gì cho dân cho nước cả.

Bước xuất thân đầu tiên của Tiên sinh là muốn dùng quân sự để bình định xứ sở. Tiên sinh nói :

«Can qua mẫn mục nam nhi
hà tất sự thư song»

Nghĩa là : Gươm đao đang ngập trời, không phải là giờ phút bọn thanh niên tự nhốt mình vào phòng sách !

Thế rồi Tiên sinh bỏ cử nghiệp tìm tới một vị ẩn sĩ tên là Hoài Âm ở làng Tĩnh Diêm, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, để học binh thư, binh pháp.

Trong khi công việc đang tiến hành, thì chẳng may Tiên sinh bị

đau nặng, phải tìm tới một vị lang y tên là Trần Độc ở xã Trung Cầm, Tổng Nam Kim, nay thuộc huyện Nam Đàn (Nghệ An) vừa đề chữa bệnh và cũng vừa để nghiên cứu y lý.

Trong thời gian ở Trung Cầm, Tiên sinh đọc nhiều sách thuốc, nhất là bộ sách Phùng Thi. Cái định lý Tiến vi khanh, thoái vi sư của một nhà Nho sinh bất phùng thời nó bám chặt lấy Tư tưởng và làm chị Nam xa cho cuộc đời Tiên sinh.

Ba năm sau, Tiên sinh lại trở về hạt Hương Sơn (quê mẹ) làm nhà trong núi, nghiên cứu y được học, sau đó Tiên sinh hành nghề, không bao lâu nổi tiếng là một danh y, bay khắp trong triều ngoài quận.

Năm Cảnh Hưng thứ 44 (1774) Chúa Trịnh Sum mời Tiên sinh ra Thủ đô Thăng Long để chữa bệnh cam tích cho tiểu chúa Trịnh Cán.

Nhận được giấy mời, nếu là một kẻ tầm thường thì có lẽ

đứng quỳnh lên, trái lại một người cao khiết như Tiên sinh lại cho là phiền, cho nên Tiên sinh đã viết :

Lâm tuyền dục liệu tam
sinh đạo
Luân bột nanh từ văn lý
thân

Dịch nghĩa :

Ru bụi tưởng cho xong
một kiếp
Ngựa xe ai biết lệnh vua
mời

Chữa xong bệnh cho tiểu chúa Trịnh Cán, Chúa Trịnh Sum muốn mời Tiên sinh ở lại làm quan trong triều bằng chức vụ Ngự Y. Nhưng Tiên sinh cố tìm đủ mọi cớ để từ chối. Khi được chúa Trịnh chuẩn hứa cho về, tiên sinh khoái trá vết :

Mã am cư tộ hồi trình dị
«Chau khứ trung lưu phản
trạo nan»

Dịch nghĩa :

Ngựa quen đường cũ không

ngừng vô
Thuyền giữa dòng sông khốn
ngược chèo.

Thiệt vậy, một triều đình mục nát : Cảnh Hưng, Chiêu Thống, vua Lê, chúa Trịnh, nếu như có dẫn thân vào đám áo mũ cân đai đó, chỉ là huyên chèo thuyền đi ngược dòng, làm sao mà không phủ giang san, Xã Tắc được, chỉ bằng lại cứ trở về ẩn dật Lâm tuyền thực hiện sở nguyện, trau dồi nghề làm thuốc, một công tác xã hội quan trọng thuộc lãnh vực dân sinh. Trong chuyến đi này, Tiên sinh có viết tập Bút ký nhan đề «Thượng kinh ký sự».

Sau đó Tiên sinh lại trở về Hương Sơn mở trường dạy học trò làm thuốc.

Sau bao năm dạy học và hành nghề, Tiên sinh tham khảo nhiều Cổ y thư, đúc kết thêm kinh nghiệm bản thân, viết lên bộ sách thuốc nhan đề : «Hải Thượng Y tông Tâm lệnh» gồm 28 bộ, 66 quyển đầy đủ Y lý, dược lý, luận chứng, luận trị, chẩn đoán.

trị liệu, Mạch lý v.v.v..

Bộ sách thuốc của Tiên sinh tương đương với những bộ sách thuốc lớn của người Trung Hoa, như Phụng Thị, Cảnh Nhạc, Y Tông Kim Giám, Trần Tu Biên. Y học nhập môn, Hoàng Hán Y thư v.v.

Đối với người Việt Nam thì bộ sách thuốc của Tiên sinh có hai đặc điểm ưu việt đó là :

A) Về y khoa cũng như công thức bài thuốc có quyền «Hải thượng Tâm đắc» quyền sách đúc kết những kinh nghiệm trong đời làm thuốc của Tiên sinh để truyền lại cho hậu thế. Nội dung quyền sách này, Tiên sinh đã vượt xa quyền «Tân phương bát trận» của Cảnh Nhạc, một đại y của Trung Quốc.

B) Về phần dược, ngoài những vị thuốc Bắc đã có trong sách cũ của người Tàu, Tiên sinh còn phát kiến thêm nhiều vị thuốc và viết bằng chữ «nôm». Ví dụ «Thỏ phục linh» thì Tiên sinh

viết là «Củ khúc khắc». Xuyên khung» là «U giầy chiu». «Thảo đầu khấu» là quả «me té», «Hậu phác» là «vỏ chè trám». «Hồng bá» là vỏ «Cây nục nác». «Tiêu hồi» là cây «xi là» «Xích trạch lan» là cây «ba dót» «Sơn đầu Cẩn» là rễ «cây đầu săng». «Tất bát» là «cây rau lốt». «Mã xỉ hiện» là cây «rau sam», «thương nhĩ tử» là «trái ké».

Tiên sinh đã phát kiến ra hàng mấy trăm vị thuốc Nam như thế có những vị thuốc Bắc mà ở Việt Nam cũng có, lại cũng có một số vị Tiên sinh tự phát kiến ra mà chưa hề thấy trên sách thuốc của người Tàu.

Tiểu thay ? Một bộ sách thuốc hoàn bị như thế, Tiên sinh hoàn thành bản thảo từ năm 1770 (đời Lê Cảnh Hưng) cho mãi tới năm Bình Dân (1866) triều Tự Đức nhà Nguyễn, thì ông Võ viết Hầu mới đem in ra được, thành ra bản thảo bị thất lạc mất 8 quyền chỉ còn 58 quyền.

Tại sao một bộ sách giá trị như thế mà cứ để mãi hàng thế

lý (96 năm : 1770-1866) mới ấn hành được. Ở đây ta có thể tìm ra hai lý do :

1) Từ năm 1770 tới năm 1802 Gia Long tức vị thời gian 32 năm này, nước ta đang trong tình trạng của một cuộc nội chiến kéo dài, vì vua Lê Chúa Trịnh, Nam Bắc phân tranh, cộng vào đó là cuộc khởi nghĩa của Quang Trung vừa dẫu được giặc Tàu thì Ngài đã chết, cho nên mọi việc hay (In sách chẳng hạn) Ngài chưa kịp làm.

2) Năm 1802, khi Gia Long đã xây dựng được chiếc ngai vàng của giòng họ Nguyễn Phúc. Nhưng rồi 20 năm trị vì, Gia Long cũng như mấy ông vua kế vị : Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức vẫn không ngừng xây dựng triều đại phong kiến. Chứ đối với Văn hóa nói chung, Y học nói riêng dường như không biết để ý. Cho nên nhà Nguyễn làm vua V.N. tới năm thứ 64 (1802-1866) thì bộ sách «Hải thượng Y tông tâm lệnh» mới ấn hành được, mà sự ấn hành đó lại là

chủ trương của một tư nhân. có nhiệt tình đối với vấn đề dân sinh của dân tộc, đó là Ông Võ Viết Hầu, như đã nói ở trên.

Chúng ta có thể đặt một giả thuyết rằng : Bọn vua Lê chúa Trịnh ngoài Bắc, chúa Nguyễn và triều Nguyễn ở Trung Nam là những nhà cầm quyền biết đề tâm tới vấn đề Y tế dân sinh như Hồ Quý Ly, Nguyễn Huệ mà cầm quyền được lâu, thì bộ sách thuốc của Hải Thượng Lân Ông đã được ấn hành từ lâu, mà nhất định không có sự thiệt thòi sách bị mất bản thảo những 8 quyền.

Năm xưa, Trung Kỳ Y học hội, phân khu Thanh Nghệ Tĩnh đặt ở Vinh (thị xã Nghệ An). Khi Cụ Cử nhân Đinh văn Thề phụ trách huấn luyện Đông Y Sĩ, trong một tài liệu trình bày về Lịch sử Hải Thượng Lân Ông, Cụ Thế có viết :

«...Theo chỗ chúng tôi khảo cứu được : bản ấn bằng gỗ mà Cụ Võ Viết Hầu in ra 58 cuốn sách kia, hiện nay còn tàng trữ ở chùa Đồng nhân, thuộc xã Đại

Tùng, phủ Từ Sơn huyện Võ Giang, tỉnh Bắc Ninh (Bắc Kỳ).

Trương truyền sau khi hoàn thành bản thảo bộ sách vĩ đại kia được 19 năm (1791) thì Tiên sinh qua đời hưởng thọ 68 tuổi.

Hiện nay tại làng Yên Trung, xã Ban Thượng, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, còn có đền thờ Tiên sinh.

Theo tục lệ cổ truyền ở Trung Bắc, những ông làng hành nghề, những Tò chức Y học hội, những hội buôn thuốc Bắc, thuốc Nam đều thờ Tiên sinh làm Tiên sư; cũng như nghề thợ mộc thờ Lộ Ban các thầy bùa phép, đồng bóng thờ Thái Thượng Lão Quân Lão Tử vậy.

Nhưng Hải Thượng Lân ông có phải là «Đông Y Tò» không?

Sở dĩ chúng tôi nêu lên câu hỏi này, là vì cách đây chưa bao lâu, ở Saigon đã có kẻ—trong giới Đông y—viết lên tài liệu: «Hải Thượng Lân ông là Đông y tò».

Đây là một điều sai lầm nghiêm trọng về sử học, mà có lẽ hương hồn Lân Ông ở trên Nết bàn Thiên cung, hay tuyền đài hạ phủ không khỏi tủi hờn mà cho rằng: Không ngờ hậu thế lại có kẻ gán ép cho mình cái vinh dự không ưng dể ấy (?)

Vì Tò nghĩa là gì? Nếu không phải là «Tì Tò» hay «Thủy tò» là người sinh ra đầu tiên. Trong khi lịch sử hình thành của Đông Y: «Thần Nông thường bá thảo» (Đông dược tò) «Hoàng Đế chú nội kinh» (Đông Y tò) và Hiên Viên, Kỳ Bá, Lôi Công chú giải, nếu bảo rằng đó chỉ là thời đại tiền sử, có tính chất thần thoại đi nữa, thì lịch sử Đông Y Trung Quốc đã được hệ thống hóa, từ triều Tây Hán (204 năm trước Tây lịch). Cực thịnh vào triều Đường (618 năm sau Tây lịch) Tống (950 sau Tây lịch) Trong khi Hải Thượng Lân ông ở Việt Nam có thể nói là rất cận đại, tới nay chưa quá 200 năm.

Có người sẽ cãi lại rằng: Hải

Thượng Lân ông là Đông Y Tò của Việt Nam. Nói vậy lại cũng không ổn. Vì lịch sử Đông Y tại Việt Nam đã được kện toàn từ đời Trần, cách đây đã 7 thế kỷ trước Trần đã mở trường quốc học chuyên khoa cho Đông y, đã biết phỏng theo nhà Hán bản Tàu đúc hình nhân bằng đồng, điểm huyết, vẽ đường kinh, lạc để làm tài liệu giảng dạy cho trường quốc học Đông y. Xướng tiêu đại nhà Hồ, Hồ Quý Ly đã có chủ trương lựa chọn những ông Lang giỏi để phụ trách việc thuốc cho nhân dân các địa phương.

Trong khi Hải Thượng Lân ông thuộc thời gian Nguyễn Trịnh phân tranh vào đoạn chót (1782) như sử liệu chúng tôi vừa trình bày ở trên.

Hơn thế nữa? Trong bài đề tựa cho bộ sách «Hải Thượng Y Tông Tâm lện» Tiên sinh cũng viết:

«Ngoài quyền tâm đắc là tông hợp một số kinh nghiệm trong đời làm thuốc của tôi, dư giả tôi

đều tô thuật (bắt chước theo) theo nhà Đại y Phùng Thị.

Sự kiện lịch sử về Đông y ở Trung Quốc như thế, ở Việt Nam cũng như thế và tự Tiên sinh lại cũng nói như thế, mà nay bảo Tiên sinh là Đông y Tò, thì quả là một sự sai lầm khá nghiêm trọng.

Chúng tôi nghĩ rằng: Xác nhận lại sự kiện lịch sử như trên không có gì làm tổn thương tới thanh danh, giá trị «Hải Thượng Lân Ông» một vĩ nhân có đại công cho dân tộc giống nòi, về phương diện y dược học, một bộ môn quan trọng thuộc nhân sinh.

Cho nên ta chỉ nên tôn thờ Người làm Tiên Sư thì đúng hơn, còn nói là Đông Y Tò, thì không đúng với lịch sử.

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG

ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

Cuộc Hội thảo về DẦU HỎA ở V.N.

tầm quan trọng của vấn đề cộng tác giữa
Đại học và Kỹ nghệ để phát triển kinh tế.

NGÀY 8-4-69, lúc 8 giờ rưỡi, tại Đại Giảng đường Trường Đại học khoa học Saigon, Trung-tâm Cộng tác Đại học và kỹ nghệ đã tổ chức một cuộc Hội-thảo về dầu hỏa ở Vietnam.

Cuộc Hội-thảo đặt dưới quyền Chủ-tọa của Giáo sư Nguyễn Chung-Tú, Khoa-trưởng Đại học Khoa học Saigon, đã quy tụ trên 500 người gồm nhiều Giáo sư Đại học, Nghị sĩ, Dân biểu, Kỹ-Sư và Chuyên gia mọi ngành, đại diện các Bộ, Nha Sở chuyên môn và các công ty Dầu Hỏa SHELL

ESSO, cùng một số đông sinh viên Khoa học.

Giáo Sư Hoàng Ngọc Cẩn, Tổng Giám đốc Trung tâm cộng tác Đại học và Kỹ nghệ, Tổng thư ký Ủy ban Tổ chức Hội thảo, đã nhấn mạnh đến vai trò quan trọng của sự cộng tác giữa Đại học và kỹ nghệ trên bình diện quốc gia và quốc tế, nhằm thực-hiện hữu hiệu mọi công cuộc phát triển, mà trong đó, Dầu Hỏa là một vấn đề đang được các kinh doanh khoa học gia trong và ngoài nước

CUỘC HỘI THẢO...

quan-tâm đến. Ông nói « Trong khuôn khổ phát-triển kinh tế và kỹ nghệ Vietnam thời hậu chiến, một trong các phương-thức chính yếu là sự cộng tác giữa Đại Học và kỹ nghệ trên bình diện quốc gia và quốc tế ». Do đó, cuộc Hội-thảo về Dầu Hỏa hôm nay, với sự hiện-diện đầy đủ của giới Đại học và kỹ nghệ VN, trong chủ tịch đoàn, Thuyết-trình đoàn cũng như hội thảo đoàn, đã đánh dấu một bước tiến quan-trọng cho phong trào cộng tác thiết - thực giữa Đại học và kỹ nghệ, mà các hoạt-dong khá hữu hiệu đã bắt nguồn từ 1963, với chương-trình Hợp tác khoa học Quân Dân sự. Trung tâm Cộng tác Đại học và kỹ nghệ, với chủ trương tập hợp tất cả những tài năng thiện chí trong ngành Đại học và kỹ nghệ, để biến những Dự-án và nguyện vọng thiết tha của mọi giới liên hệ thành những công cuộc tích cực góp phần cho việc xây dựng một quốc gia cường-thịnh trong giai-đoạn sắp đến...

sẽ cần phải phát-triển mạnh mẽ đóng đóng vai trò giải-quyết những vấn đề trọng đại của quốc gia, mà trong đó tất nhiên phải có vấn đề tìm kiếm và khai thác Dầu Hỏa tại miền Nam Vietnam, đề tài của buổi hội thảo hôm nay ».

Tiếp theo đó Giáo sư Trần Kim Thạch Trưởng Ban Địa chất Đại học Khoa học Saigon thuyết trình về : « Khai thác căn bản về địa chất dầu hỏa » ; Kỹ sư Hồ mạnh Trung Giám đốc Nha Tài nguyên Thiên nhiên Bộ kinh tế, về « Triển vọng về dầu hỏa ở Miền Nam VN » ; Giáo sư Hoàng Huân Định, Giám đốc Trường Cao đẳng Hóa học Phú Thọ, về « Kỹ nghệ lọc dầu, và hóa học dầu hỏa » ; Kỹ sư Trương Văn Thuận nguyên Tổng-Trưởng Giao, Thông, Tổng Quản trị Khu kỹ nghệ An Hoà Nông Sơn về : « ứng dụng dầu hỏa ở miền Nam. »

Phần thảo luận, do Giáo Sư Hoàng-Ngọc-Cẩn, phối trí

viên Hội thảo điều khiển đã diễn ra trong một không khí «Đại học» nhưng hào hứng, với những câu hỏi rất khúc mắc của các Giáo Sư, kỹ nghệ gia và sinh viên đặt ra, liên quan đến các cạnh khía kỹ thuật của dầu hỏa và các phó sản, sự hiện diện hay không của dầu hỏa nơi thêm lục địa VN, những biện pháp thích ứng mà các giới hữu trách cần khả năng định trong trường hợp có hay không có dầu hỏa ở Miền Nam VN...

Thuyết trình đoàn đã luân phiên giải thích thỏa đáng, rất cởi mở và bay bướm. Cuộc Hội Thảo đã thu lượm được nhiều kết quả tốt đẹp, với phần được kết gồm 4 điểm như sau :

1) Đẩy mạnh công cuộc nghiên cứu căn bản về tính chất đá trầm tích và kiến trúc bể dầu hỏa. Muốn thế, phải kết hợp Đại học Huế, Viện khảo cứu với kỹ nghệ.

2) Tổ chức ngay các cuộc thăm khoáng qui mô. Muốn thế phải dự trù ngân quỹ thêm nữa và đào tạo chuyên viên VN.

3) Thảo các kế hoạch liên hệ đến việc lọc dầu và biến chế phó sản bằng cách đẩy mạnh hóa học ứng dụng.

4) Lập các luật lệ rõ ràng liên hệ đến việc đầu tư và Khai thác dầu hỏa.

Sau khi chiếu 2 phim tài liệu do Shell và Esso cung cấp, cuộc Hội thảo trên đã kết thúc lúc 12 giờ 30.

Theo Nghị sĩ Trần Hữu Phương, Chủ tịch Ủy ban Kinh tế Thượng nghị Viện, đã tham dự buổi Hội thảo, thì đây là một bước tiến quan trọng cho Phong trào Công tác thiết thực giữa Đại học và Kỹ nghệ, một điều đáng mừng và rất cần thiết cho công cuộc xây dựng một nền kinh tế Quốc gia phú cường.

Hơn nữa trong vấn đề tìm kiếm và khai thác dầu hỏa đòi hỏi một khả năng tài chánh và kỹ thuật lớn lao, nên việc cộng tác Quốc tế là một phương thức không thể tránh được. Do đó,

một số Nghị sĩ gần đây đã đề nghị tại Văn phòng Hội nghị Viện 1 Dự luật liên qua đến vấn đề «Đầu tư». Ngoài ra, Hình pháp cũng đã hoàn tất một Dự luật về việc tìm kiếm và khai thác dầu hỏa ở DN, để chuẩn bị và mặt pháp lý cho công cuộc mở mang một ngành Kỹ nghệ mới và có nhiều triển vọng tốt đẹp tại Việt Nam Cộng Hòa.

Buổi Hội thảo về Dầu Hỏa này ít nhất đã làm sáng tỏ 2 vấn đề :

1) Tại miền Nam có thể có dầu hỏa. Sự có thể này căn cứ vào sự hiện diện của các vùng Thủy tra thạch tương đối rộng lớn, không bị biến thể, một phần được tạo thành ở ngoài bể, hay trong các vùng và cũng gồm các lớp trầm tích được và không trầm tích.

Căn cứ vào những kết quả của các cuộc thăm khảo đã thực hiện trong thời gian qua, thì Vietnam có hy vọng có dầu hỏa ít nhất là ở thêm lục địa biển Nam Hải.

Miền Nam Vietnam, với các

điều kiện nêu trên, có đủ thuận lợi khiến kỹ nghệ dầu hỏa sản xuất, chịu sự rủi ro lớn lao trong việc tìm kiếm nguyên liệu quý báu này.

2) Trong trường hợp mà rút cục Việt Nam không có dầu hỏa, hoặc có nhưng ít quá, cho nên chẳng có Cơ quan kinh tài nào chịu bỏ vốn ra khai thác, thì kỹ nghệ các phó sản dầu hỏa, vẫn sẽ chiếm được một địa vị khá quan trọng tại nước ta, và cần được phát triển, ví dụ như các dung môi, các hơi khí, dùng để tạo nguyên liệu cho các kỹ nghệ sơn dầu, bột giặt, nhúng chất hay nhựa dẻo, v.v..

Nhưng Vietnam vốn là một nước chậm tiến, kém sút về phương tiện tài chánh và kỹ thuật, nhất

Neurotonic

BỒ OC

THÊM TRÍ NHỚ

là sau 25 năm chiến tranh. Cho nên muốn phát triển kinh tế và kỹ nghệ để đuổi kịp trào lưu tiến hóa hiện tại trên thế giới, ví dụ trong vấn đề tìm kiếm và khai thác kỹ nghệ dầu hỏa, công tác quốc tế là một phương thức cần thiết, ít nhất trong các lãnh vực tài chánh và kỹ thuật cũng như sự qui tụ và phối hợp các tài năng và thiện chí của quốc gia, để tránh sự phung phí các hoạt động lẻ tẻ của từng cá nhân và Cơ quan.

Do đó, chúng tôi rất đồng ý với Giáo sư Hoàng Ngọc Cẩn, Tổng Giám đốc Trung tâm Cộng tác Đại học và Kỹ nghệ, mà cho rằng: Sự đẩy mạnh Phong trào Cộng tác giữa Đại học và Kỹ nghệ là cần yếu, nhất là trong giai đoạn giao thời và hậu chiến.

● Chúng tôi mong rằng đây chỉ là bước đầu, trước là để khơi mào cho nhiều cuộc Hội thảo hữu ích khác, sau nữa, và đây là vấn đề quan trọng nhất là để các cuộc bàn luận hôm

nay không chỉ là những cuộc nói chuyện phiếm mà sẽ mở rộng cửa cho việc thực hiện những dự án khuyến khích kinh kỹ.

Sau khi Đại học đã đóng đủ vai trò nghiên cứu và thuyết trình kỹ nghệ phải tiếp tay để thực hiện và kinh doanh.

Ước mong rằng Trung Tâm Cộng Tác Đại Học và Kỹ Nghệ sẽ giữ đúng vai trò trung gian của nó, để thúc đẩy mọi người, mọi giới góp phần đắc lực trong công cuộc xây dựng một nền kinh tế phồn thịnh của quốc gia, và sớm đặt Vietnam trên đường Kỹ Nghệ Hóa!

PH.V.



KỶ SAU. - Bài nói chuyện của G.S. Hoàng Ngọc Cẩn trên Diễn đàn Tự do về những triển vọng cộng tác kỹ thuật quốc gia và quốc tế.

Lịch-sử Báo-Chí Việt Ngữ ở Cao-Miên

● LÊ-HƯƠNG ●

Lúc ấy, tình hình chánh trị thay đổi và xoay chiều khác. Cao Miên độc lập, chọn chánh sách Trung lập và có vẻ ngã về phía Công Sản nhiều hơn. Chánh phủ miền Bắc theo chân Chu ân Lai vào Cao Miên hồi tháng 10 năm 1956 và vận động xin xuất bản tờ nhật báo *Sống Chung* do ông Lý Hữu Dư, một thương gia Việt kiều kỳ cựu làm chủ nhiệm. Tờ *Sống Chung* ấn hành 4 trang khổ nhỏ hơn tờ *Hồn Việt*, chuyên về chánh trị và thiên hẳn theo Công Sản. Đó là tiếng nói của Hà nội được Chính phủ Cao

Miên ngầm giúp đỡ về mọi mặt. Báo này bán chạy hơn báo *Hồn Việt*, mặc dầu trên phương diện văn chương, nghệ thuật còn kém xa. Điều này chứng tỏ Việt kiều thích xem báo và thích làm chánh trị miêng.

Cũng trong năm 1956, một chủ nhà in tên Trần văn Bảo xuất bản tờ nhật báo *Trung Lập*, khuôn khổ bằng tờ *Sống Chung*, tôn chỉ cũng giống nhau nhưng nội dung, bài vở, văn chương, cú pháp thì hạ cấp hơn, thấy kém hơn. Báo này bán không ai mua, nên tự động

rút lại hằng tuần mà cũng không thấy có vẻ gì khả quan.

Bấy giờ, tình hình chính trị tình miền Nam và miền Bắc bắt đầu gay go, hai bên dùng báo chí «đánh nhau» mỗi ngày. Từ *Hồn Việt* đương đầu với hai tờ *Sống Chung* và *Trung Lập* ngày thêm quyết liệt. Chính phủ Cao Miên phải làm trọng tài xử kiện cả hai phe luôn luôn. Trên mặt pháp lý và đối với quốc tế, chính phủ nước bạn phải chấp thuận cho cả hai phe hoạt động trên lãnh thổ mình, nhưng ngầm ngầm bên trong thì họ bình phía Cộng Sản nhiều hơn. Vì thế dễ diệt hân bên Quốc gia và tỏ rằng ta nâng đỡ khối Cộng. Bộ Thông tin Cao Miên đóng cửa một lúc 2 tờ *Hồn Việt* và *Sống Chung* vào cuối năm 1957. Thế là chỉ còn tờ *Trung Lập* một mình múa gậy vườn hoang. Bộ biên tập *Sống Chung* nhảy qua cải thiện tờ lá cải này, biến thành tờ *Sống Chung* thứ nhì. Độc giả ào qua mua tờ *Trung Lập* số báo xuất bản mỗi ngày tới 4000 tờ.

Ông Phan Vinh Tổng giải nghệ trở lại nhà in. Vài tháng sau, ông bị một con hầu của Hoàng tộc Cao Miên nhào mặt giống như người đem chất nổ định giết Nhà Vua và Hoàng hậu! Ông bị giam nhiều năm và xử tử hình mấy lần nhưng đến ngày nay (1969) bản án vẫn chưa thi hành Ông Tổng còn sống trong chuồng rệp mỗi ngày dạy mấy cậu Công tử con quan Cao Miên học tiếng pháp.

Ông Lý hữu Dư bị mất chức chủ nhiệm «hàm» xoay qua nghề đi tuyên truyền kêu gọi Việt Kiều đi làm xâu cho Cao Miên, đảo mương đắp đường. Một năm sau ông từ trần với tuổi ngoài bảy mươi.

Ông Dư chết ông Tổng vào tù. ông Bảo tha hồ bốt bấc với tờ *Trung Lập*. May mắn cho ông gặp lúc báo chí, sách vở ở Saigon bị chính phủ Cao Miên cấm lưu hành, Việt Kiều muốn biết tin tức phải mua xem cho đỡ nghiến.

Tình trạng một mĩ h mất h ấy kéo dài đến ngày 23-12-

nhóm tị nạn chánh trị họp lại xuất bản tờ tuần báo *Từ nghị* do Thiếu tướng Lê văn Tấn (Cao đài), ông Thành Nam (Hòa Hảo) ông Phạm Thái (Đại Việt) chủ trương. Vì người tị nạn không được phép đứng tên xin ra báo nên các ông phải nhờ Lý Len, một cựu công chức Việt gốc Miên ở Ba Xuyên, chống chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa lên ở Nam Vang đứng tên chủ nhiệm. Ký giả Giang Kim được mời làm quản lý. Tiền bạc do 3 ông bỏ ra, có thể nói là tiền riêng chứ không được sự trợ giúp nào cả. Chủ trương của tờ báo là chống Cộng và chánh phủ Ngô đình Diệm, và đặc biệt thỉnh thoảng lại nói theo vài lời tuyên bố của Sihanouk đối với người Việt gốc Miên trong chiến dịch đòi đất, đòi dân. Trong nghề gọi đó là che đậy việc làm chánh thức hầu lấy lòng nhà cầm quyền để dễ dàng hoạt động trên lãnh vực tuyên truyền.

Đối với Cộng sản, báo này vạch trần tất cả hoạt động của chúng trong các giới Việt Kiều.

Đối với chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa thì chống hân chế độ Gia đình trị và chánh sách của họ Ngô cùng các tay sai.

Đối với chánh phủ Cao Miên thì tỏ ra ủng hộ các chiến dịch của Sihanouk nhằm vào người Việt gốc Miên mà họ gọi là người Miên miền dưới (Khmerkrom). Dù đó chỉ là một mảnh khoe trong nghề nhưng không tránh được sự phán đoán của độc giả là báo ủng hộ Sihanouk chống Việt Nam Cộng Hòa nói chung chứ không phải chỉ riêng chế độ Nhu, Diệm. Huống chi ông chủ nhiệm là người Việt gốc Miên tị nạn mà lại viết những lời hân học của chánh phủ Cao Miên đối với Chánh phủ Việt Nam. Ngoài ra, ông ấy là một viên chức của Cao Miên trong cơ

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỪNG ĐAU
VÀ LỞ LOẾT BAO TỬ

quản phụ trách về người Việt gốc Miên tị nạn lên Nam Vang !

Số độc giả ban đầu chỉ có lời 500, sau lần lần lên tới 3000. Để đạt tới mức này, báo Hữu Nghị đã phải qua nhiều phen dầy chết vì hết tiền ! Nhưng điểm thắng lợi của tờ báo là vạch trần cho Việt Kiều biết rõ âm mưu của Việt Cộng qua tờ Trung lập. Mũi dùi muốn nhằm tấn công là tờ Trung lập. Tờ báo này liền nhờ Công An Miên làm khó để đăm ký giả, tung tiền ra mảy sạp báo không nhận bán báo Hữu Nghị hoặc bán rồi giứt tiền luôn. Mỗi tuần các ký giả báo Trung lập đọc tờ Hữu Nghị xem có lời nào sơ hở thì dăm thọc với Công An Cao Miên. Những thủ đoạn ấy vẫn không hạ nổi tờ Hữu Nghị vì ông chủ nhiệm Lý Len là đảng viên đảng Cộng đồng Xã hội bình dân (Sangkum Reastr Niyum) của Thái tử Siha nouk và là Tổng Thư ký của Hội Bạn người Miên hạ ở Cao Miên (người Miên hạ là người Miên ở miền dưới, chỉ vào người Việt gốc Miên ở miền

Nam Việt Nam). Báo Trung lập không phải là đối thủ của tờ Hữu Nghị vì thế, một âm mưu ngấm ngấm, vẫn tiến hành để chờ cơ hội bóp nghẹt đối phương. Trưa lúc ấy, tờ Hữu Nghị ngang nhiên đã kích thật khoái mồm, tấn công địch thủ tới bời. Việt Kiều thấy có người dám nói sự thật khoan khoái vô cùng. Nhưng có lẽ đây là một sự kiện duy nhất xảy ra trên thế giới, những người đọc báo Hữu Nghị bị Việt Kiều đọc báo Trung lập theo dõi và báo cáo không công cho Công An Miên ! Nhiều người sợ bị làm phiền vô cớ không dám đọc, hoặc phải đọc lén trong...mùng !

Với chủ trương này, báo Hữu Nghị «được lòng» Chánh phủ Cao Miên và «mất lòng» báo

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ DÂY, HO, SUYỄN

Trung lập. Một cái bẫy giăng sẵn cơ hội.

Đầu năm 1964, nhĩa là cuối Âm lịch, báo Hữu Nghị ấn hành số đặc biệt Xuân vào ngày tháng 2, Báo in xong chưa kịp phát hành thì nhà chức trách áp ra tòa soạn bắt hết các ký giả, sắp chữ, quản lý, đồng thời thu tất cả 20,000 số báo 36x27 gam 60 trang. Tòa báo không được thông báo vì đâu mà mắc tội như thế vì lẽ bao nhiêu bài vở đều được kiểm duyệt trước ! Ngay hôm ấy, giấy in báo Hữu Nghị, bị rút, các nhân viên ăn Tết trong tù qua ngày Xuân mới được tự do !

Trong các giới Việt Kiều, nhiều người cho rằng trong số Xuân ấy có một bài chỉ trích Việt Cộng hô hào Việt Kiều xung phong vào quân đội Cao Miên đánh Việt Nam Cộng Hòa nếu chánh phủ Saigon gây hấn với Nam Vang.

Tờ nhật báo Trung lập lại trở về cảnh một mình một chợ.

Ngoài bản ấn hành hàng ngày, mỗi tuần báo này ra một tập san đặc biệt khổ nhỏ đăng các tác phẩm văn chương Hànội. Ngoài bìa là ảnh thời sự chiến tranh của Mặt trận Giải phóng Miền Nam.

Giữa năm 1964, Bác sĩ Đoàn Văn Lượm, một cử phụ Việt Kiều xuất bản tờ tuần báo *Hòa Bình*, chủ trương ủng hộ, cổ vũ tán thành thuyết Trung lập một chiều của Cao Miên. Mục đích của ông chủ nhiệm là mua danh, lấy tiếng chứ không phải vì chánh trị hay xã hội hoặc nâng đỡ, chăm sóc đến Việt Kiều. Để có mảnh giấy phép ra báo, ông phải dâng tặng chánh thức một số tiền cho các Đoàn thể Xã hội của chánh phủ Cao Miên, chưa kể các món đi cửa sau.

Tờ báo ra đời đề bày trên

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

ác sếp báo hững bụi chớ không ai buồn đọc đến. Tuy vậy mà trong một bài bình luận, không hiểu ông ký giả nào hăng tiết dám chỉ trích Thái tử Sihanouk I Báo phát hành rồi Bộ Thông Tin đọc thấy vội trình vào Hoàng cung. Tức thì ông Lữm được mời đến văn phòng nghe mấy lời vàng ngọc rằng :

— Chú mày đừng tưởng rằng chú mày «cứng» cho chánh phủ một số tiền để ra báo rồi muốn nói gì thì nói. Coi chừng ! Tao bỏ tù chú mày !

Báo Hòa Bình bị rút giấy phép. Ông chủ nhiệm bị một đòn đau như hoạn. Nhưng chưa hết đâu. Phụ họa theo lời vị Lãnh tụ, các quan «săn sóc» Bác sĩ hết sức cần thân, nay mời đến sở hỏi vài câu gay gắt, mốt đèn nhà cười cười nói mấy lời băng quơ đến nỗi Bác sĩ phải cạo đầu đi tu cho yên thân.

Năm 1967, sau mấy lần Cộng Sản Cao Miên nổi dậy giết các viên chức, đốt nhà dân chúng,

đồng thời Hội thân hữu Miên — Hoa chỉ trích chánh sách của Thái tử Sihanouk, nên Chánh phủ Hoàng gia cấm hẳn tất cả báo ngoại ngữ xuất bản ở Nam Vang, trừ các báo do Chánh phủ xuất bản. Tờ báo Việt ngữ duy nhất *Trung Lập* của Việt Cộng cũng bị rút giấy phép.

Sau đó, Chánh phủ Cao Miên ấn hành nhật báo Việt ngữ «*Kampuchéo Krom*», nghĩa là Cao Miên miền dưới chỉ vào miền Nam Việt Nam. Báo này do ông Trần văn Xương một công chức Việt gốc Miên kỳ cựu ở Bộ Thông tin Cao Miên đứng tên Chủ nhiệm. Đường lối : thông tin, tuyên truyền chánh sách của Cao Miên.



Điệu buồn xa Huế

Trao về L.Hương — Huế.

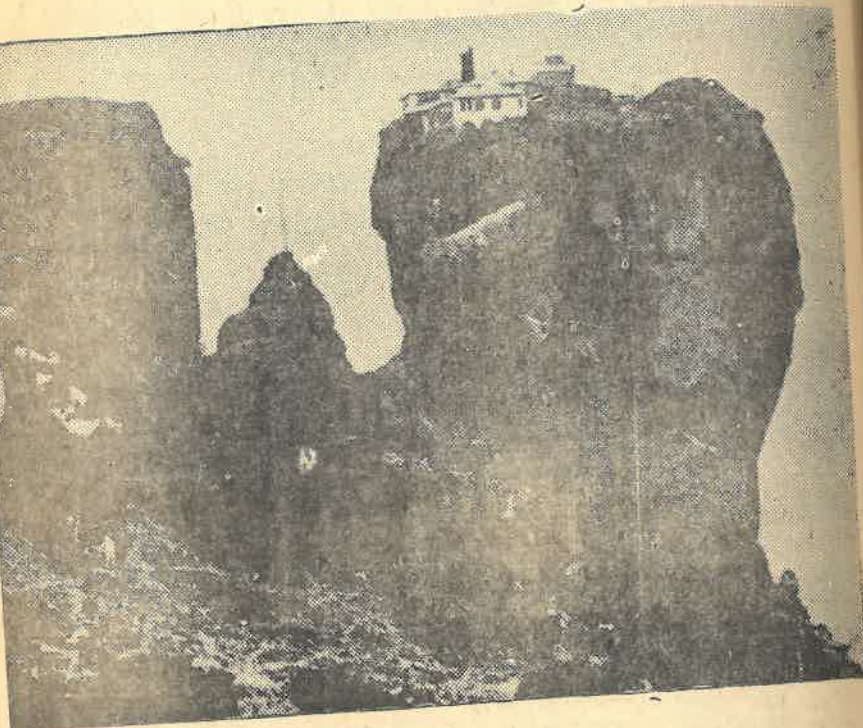
Phố Huế chiều nay mưa, mưa không em ?
Là vẫn rơi rơi mãi bên thềm.
Đại lộ cũ em bước dài qua đó.
Em có u hoài, và thương nhớ thêm.
Đường Lê Lợi còn rợp hàng me cũ.
Sầu lẻ loi trong ngày tháng u buồn.
Phố nhộn nhịp em có vui không đó.
Hay độc hành trong nỗi nhớ băng khuâng ?
Anh ở miền xa ôm tròn súng trận.
Mong ngày về trong làng lá me xanh.
Dù em đi bằng tiếng nói ân tình.
Khe khẽ hát bài tình ca bất tận.
Nhưng đường còn xa, mình còn ngăn cách.
Nước em vào anh mắt hỏa châu rơi.
Bài tình ca, anh xếp vào áo trận.
Vị chưa tròn ước mộng em ơi.
Xin hẹn em ngày bình yên tiếng súng.
Áo phong trần thay nếp áo thư sinh.
Đêm chờ giấc thay vào đêm yên ngủ.
Mắt hỏa châu buồn thay mắt em xinh,

DIỆP-THẾ-PHIỆT
KBC 6126

Vùng đất

«CẨM ĐÀN BÀ»

● CAO-NGUYỄN LANG



★ Một Quốc gia chỉ vẻn vẻn có 3000 dân. Với 2000 ông Thầy Tu — Luật cấm đàn bà. Kề cả những gia súc giống cái !..

VÙNG ĐẤT CẨM...

Thật là chuyện mơ hồ. khi một người đàn bà tuồng : Có thể lợi dụng chuyến viễn du Hy Lạp lọt vào «vùng đất cẩm». Giang sơn Athos.

Nữ du khách, nếu có đủ kiên nhẫn, vượt con đường «vạn đạo» đặt chân đến đây, thì chắc chắn cũng sẽ bị sua đuổi, và bị coi như một thứ sinh vật nhơ nhớp, ghê tởm nhất.

«Cấm đàn bà» — Đó là một luật lệ được kẻ như bắt di bắt dịch, tự ngàn xưa, của chế độ Athos.

Cách đây mấy năm, vào dịp lễ Thánh Mẫu Núi Bà, Những khách hành hương người Hy Lạp — Lê tất nhiên, toàn đàn ông, đều công nhận : Đó là mảnh đất cổ sơ, và hiu quạnh nhất hoàn cầu, giữa thời đại văn minh khoa học và kỹ thuật.

Theo hình thể địa dư, Núi Bà chỉ là một, trong ba mũi nhọn của bán đảo Chalcidique — Bán đảo mang hình cái lưỡi nhô ra biển Egée, chạy dài bốn mươi

lăm cây số. Chiều ngang chừng tám cây số.

Giang sơn Athos, không phải chỉ là vùng đất cấm đàn bà. Mà, cả những sinh vật thuộc giống cái. Do đó, ở đây không đào đâu ra một giọt sữa. Những vật chăn nuôi, chỉ toàn một giống đực : Bò đực, ngựa đực, cừu đực, gà... trống — Nghề chăn nuôi thực sự, không thể gọi là nghề. Bởi vì nó có tính cách : Nuôi để mà có, để «làm cảnh», hơn là để sinh sống, làm giàu.

Duy chỉ có... mèo cái được hưởng đặc quyền ưu tiên, nuôi thả đàn. Luật không cấm. Bởi vì, theo những «giới chức» có thẩm quyền ở đây giải thích : Mèo cái cũng... «có ích» như mèo đực. Nếu chỉ có mèo đực không, không có mèo cái để sinh sôi nẩy nở, lấy gì đối phó với chuột, với sự sinh con đẻ cái của chuột ?

Những ông Thầy Tu, bốn phần chủ yếu là khuyến dụ giáo

chúng gìn giữ giới luật, và sùng kính các pho tượng thờ. Ngoài ra, mọi cách hấp thụ ảnh hưởng nền văn minh bên ngoài, cũng như mọi phương tiện thông tin, liên lạc với những phần đất khác kể cả Hy Lạp, đều rất hạn chế.

Từ bên ngoài, người ta chỉ có một con đường độc nhất đi vào Athos bằng lửa, hoặc đi chân.

Ở đây, thời gian, sự trường cửu, những niên kỷ, không thành vấn đề. Ngày được cân bằng mặt trời. Năm chỉ là biểu trưng, và nó chậm hơn năm của chúng ta 13 ngày. Bởi vì có ai cần quan tâm đến ngày, đến năm, đến tháng, trong cái xã hội mà mọi người hầu như đã bỏ rơi ý niệm thời gian.

Du khách viếng thăm Athos. Sau khi rời hải cảng Daphni, đặt chân lên Núi Bà, rồi tiếp tục cuộc hành trình đến Thủ Đô Karyès — không ai nhìn thấy một bóng dáng đàn bà. Chỉ toàn đàn ông mang hai thứ y phục — Hoặc áo trùng. Hoặc «khủy» — Loại

váy ngắn.

Những anh Vệ Binh Quốc Gia, trông na ná giống như các «cozones» thường thấy ở Athènes — vận «khủy» trắng ngắn, xếp lằn, đi ủng cao cổ, có giây nịt vớ.

Những ông thầy tu mặc áo trùng rộng, và dài lê thê đến gót chân. Tất cả có chừng hai ngàn ông thầy tu, với số dân thế tục vào khoảng 3000 người. ở rải rác khắp nơi. Tuy nhiên, dân gốc gác, được kê như sống cố định ở đây, chỉ có chừng một ngàn. Kỳ dư, hai ngàn người khác, phần đông, từ Hy Lạp tới. Họ chỉ ở chừng vài ba năm, rồi lại trở về Hy Lạp.

Nói chung, sự sinh sống của lớp dân chúng thật dễ dãi, không

TENMIL

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM * NGON * NGỌT

đồn ép, xô bồ. Họ ở tản mát trong các làng bản, làm các nghề như : Trồng tía, thợ rừng, dệt vải, và vài ba thứ nghề linh tinh khác.

Một «kinh thành» vắng bóng xe hơi

Đối với những người mới đặt chân đến Karyès lần đầu tiên — thì đây quả là một «kinh thành» kỳ lạ, có một không hai trên Thổ giới.

Tất cả thành phố chỉ vãn vãn có hai quán ăn. Trên thực đơn không có món nào gọi là thịt. Dù khách muốn, với một giá thật mắc, nhà hàng cũng lắc đầu.

Những cửa tiệm bán đồ lễ, đều đóng cửa im ỉm khi có những cuộc hành lễ. Phở xá thì lờ mờ — Cuộc bộ cũng đã thấy vất vả. Ngoài ra, những phương tiện khác, như xe hơi quả là... vật hiếm. Ngay đến xe đạp, cũng thông đào đâu ra một chiếc.

Tuy nhiên, vào những mùa đông giá lạnh, du khách có thể gặp thấy

ở một vài con đường núi, đôi ba chiếc ca-mi-ông — Loại xe vận tải chạy bằng máy móc này, được thay thế chỗ xe bò, chở củi về các Tu viện đốt lò sưởi cho các ông thầy tu.

Tại Karyès, có một Hội Đồng Tối Cao, gồm chừng 20 ông Thầy Tu, đại diện cho chừng 20 tu viện trên khắp xứ. Cơ quan Hành Pháp — Nói nôm na là Chính phủ — chỉ có 4 vị do Hội Đồng Tối Cao đề cử.

Những du khách — xin nhắc lại là toàn đàn ông — muốn du nhập vào Athos, bắt buộc phải có giấy chứng nhận và giới thiệu, do Bộ Hải Ngoại ở Athènes (Hy Lạp) cấp. Sau đó, họ được xét và được nhà cầm quyền tại Thủ đô Karyès cấp cho một giấy thông hành. Sau hai phần thủ tục này, du khách có quyền đến thăm các nhà Thờ và các Tu viện trong toàn xứ.

Sự kiểm soát, và luật cấm khất khe, không cho đàn bà đặt chân đến vùng cấm địa «Athos», làm «thối chí» mọi khát vọng của các đấng nữ lưu muốn vượt qua bức tường trở ngại, với kỳ vọng

đặt chân đến Athos. Những thêm khát cũng như trí tò mò của người đàn bà, đối với Athos, có khi còn mãnh liệt hơn cả sức hấp dẫn của thứ «rái cá», mà họ thêm được thưởng thức một lần cho biết mùi vị ra sao?

Sự kiện này, các ông Thầy Tu, cũng như nhà cầm quyền Athos thừa hiểu. Nhưng đó là luật lệ bất di dịch từ ngàn xưa, không có cách gì sửa đổi. Do đó, những biện pháp chặt chẽ để chống lại những mưu đồ xâm nhập của nữ du khách, là mối quan tâm số một của nhà cầm quyền Athos.

Người ta kể chuyện: có lần, một Tàu Nga từ Hắc Hải cập bến yêu cầu nhà cầm quyền Athos cho phép họ được viếng thăm «Thánh địa».

Sau khi cứu xét, nhà cầm quyền Athos chỉ chấp thuận với điều kiện là vị chủ tàu phải cam kết không cho một người đàn bà nào được đi theo đóm thủy thủ viếng thăm bán đảo. Nếu vi phạm, sẽ gây hậu quả trầm trọng

không lường! — Sự ó mặt của một người đàn bà, bất kỳ d rớt hình thức nào, sẽ gây phản nộ lam chán động toàn thể Athos.

Nhưng rồi... Mặc dù, luôn luôn có những biện pháp phòng ngừa, và kiểm soát gắt gao. Một vụ «lọt lưới», được kể như «không tiền khoáng hậu» trong lịch sử đã xảy ra. Một cô gái, đã «t là h công» vượt bức tường trở ngại, đặt chân vào vùng đất, mà từ ngàn xưa thông một người đàn bà nào lọt vào được. Đó là ái nữ của viên Sư Thầy Hoàng gia Anh Lord Stratford de Redcliffe — Nàng Canning.

Nguyên do, phong cảnh ngoạn mục, và luật lệ kỳ lạ của Athos, vốn đã kích động trí tò mò của vị Sư Thầy. Nuân chuyển đi công vụ, ghé qua Hy Lạp, ông đề nghị cuộc viếng thăm Athos, được nhà cầm quyền ở đây chấp thuận. Canning đi theo cha. Nàng cải trang dưới lớp y phục của một thủy thủ, hầu cận vị Sư Thầy. Không một ai để ý. Nàng

đi thăm một số tu viện với lắm thông hành đặc biệt. Do sự cao búng, và hành diện, cô gái không ngăn ngại khắc ten, với những giòng lưu niệm, ở những nơi nàng đi qua. Chính các vị tu sĩ cũng không ngờ có sự đồng lõa «gian lận» của vị Đại sư khả kính. Sau này, khi khám phá ra sự thật, qua những giòng chữ lưu niệm trên các tảng đá nhai cầm quyền Athos có nhân ưng ra sao với viên Sư Thầy. Tuy nhiên cuộc «sét rào» của Canning vẫn không thể đã thành «chuyện đã rồi», khi đã tạo một «tiền lệ», mở hé cách cửa cho những người đàn bà khác muốn bước chân vào Thánh Địa. Đối với nhà cầm quyền, cũng như các vị Tu sĩ của Athos, trường hợp Canning chỉ là trường hợp bán hữu đáng tiếc, ngoài ý muốn của họ. Không thể vì thế, mà sửa đổi lại luật lệ, làm đảo lộn nền móng cổ truyền của Quốc Gia.

Chung quy luật lệ vẫn là luật lệ. Và giang sơn Athos vẫn là «vùng đất cấm đàn bà»!

● Những chiếc rở chuyện vận đồ tiếp tế bằng giấy cho các nhà «ẩn sĩ»

Tất cả những thầy tu không hoàn toàn sống trong các tu viện. Một số ẩn mình trong các am vắng Ở đây ngoài việc tu hành, họ phải tự kiếm sống bằng các nghề trồng tỉ, dệt vải, vẽ hình tượng, và một vài công việc nghệ thuật khác. Một số những thầy tu sống «hăm mình» trong những hang động lơ lửng trên triền núi — theo đúng nghĩa: Trên không thâu trời. Dưới không thâu đất — Những hang động này gần như thoát tục, người thường không ai đặt chân tới. Mỗi hang động như thế chỉ có một người. Nếu không, cùng lắm, là hai người,

Thức ăn được chuyển từ dưới núi lên bằng những chiếc rở, hoặc thúng, buộc ở đầu giây xuống từ sơn động...

Lại có những ông Thầy Tu lang bang không có căn cứ nào cố định, ở những khu rừng núi

vắng vẻ, không có bóng người lui tới. Họ cứ đi như thê, và chỉ ngừng lại khi hoàng hôn buông xuống. Ban đêm, họ lấy đất làm giường, lấy tàn cây làm mái nhà.

Những ông Thầy Tu thuộc loại ở ăn vừa kể, du khách khó gặp mặt Bởi vì, họ ở xa những con đường có người qua lại. Họ sống rất lặng lẽ trong những thâm sơn, cùng cốc.

Những vị Thầy Tu mà các du khách thường gặp là các tu sĩ trong các tu viện, trông khá diêm dúa, trong các bộ áo nhà dòng rộng thùng thình, những lọn tóc dài kết thành búi thả lỏng thông dưới gáy.

Khách ngoại quốc, nếu may mắn được tham dự một bữa tiệc trang trọng nhất, cũng chỉ được một ly nhỏ rượu mạnh, một ly lớn nước lạnh kèm theo, nhấp nháp với đồ ngọt.

Kỳ dư, bữa ăn thường trong các tu viện quả thật là thanh đạm: Những trái ô liu và những trái

ớt, được kể như món ăn phụ — Rau là món chính nhồi cho chắc bụng. Tráng miệng thì bằng trái cây. Lẽ dĩ nhiên, bữa ăn cũng có bánh mì. Nhưng đó là những mẩu bánh mì hẩm... rất khó nhai, và khó nuốt!

Nếu chỉ h ông ngoan phong cảnh thần tiên của Athos, với khuôn mặt thánh thiện của những ông Thầy Tu. Du khách có cảm tưởng mình lạc vào Thiên Đường. Nhưng, đối với những người đàn bà, thì đây lại là thành trì của những lớp... người vị kỷ. Sự nỗ lực bằng mọi cách để phá vỡ bức tường thành đã chặn đứng bước chân của họ, do những ông Thầy Tu, do thứ luật lệ khắt khe đều vô vọng, không khác nào ngọn gió không đủ sức rung chuyển ngọn Thái Sơn sừng sững.

Cho đến bây giờ, người ta vẫn tự hỏi: Vùng đất huyền bí này còn khép kín đến bao giờ? Những khát vọng của nữ giới, ánh sáng của nền văn minh bên ngoài chừng nào mới lọt qua được?... ★

Thiệt Lộ Tử Thần

● ĐẶNG-HỮU-HỒ

Le pont de la rivière Kwai, cuốn phim mà tôi chắc các bạn đọc đã từng một lần đi xem, đã dựa theo một cuốn tiểu thuyết của nhà văn Pierre Boulle cũng mang tên «Cầu Sông Kwai». Đó là câu chuyện những tù binh Đồng Minh bị quân Nhật bắt phải làm con đường sắt xuyên qua rừng rậm từ Thái Lan chạy thẳng lên Miến Điện. Đã bao nhiêu tù nhân bị chết khi tạo nên con đường sắt này. Đó là một câu chuyện có thật. Chúng ta hãy đi theo một cặp vợ chồng già người Anh từ London sang tận nơi có con đường sắt này. Họ có đứa con trai cũng bị chết tại đây trong thời Đệ Nhị Thế Chiến...



● Một nghĩa trang không thông thường

Một cặp vợ chồng người Anh, tuổi chừng sáu mươi, từ chính quốc đã tới đây — xứ Thái Lan — để tìm thăm mộ đứa con trai của họ đã chết trong thời Đệ Nhị Thế Chiến. Trên cuốn sổ mang hàng chữ «1939-1915». Những

người đã hy sinh cho Đế Quốc và Liên Hiệp Anh — Nghĩa trang quân đội Kanchanaburi», ghi tên những tù binh chiến tranh bị chết, ánh mắt của cặp vợ chồng già đã ngừng lại rất lâu nơi ghi tên đứa con trai của họ, ngày chết và tuổi tác. Chàng thanh niên kia đã chết ngày 8 tháng 6 năm 1943, hưởng dương 21 tuổi

Rồi hai vợ chồng già đi tới công nghĩa trang quân đội. Trước khi vào trong, cả hai ký tên vào cuốn sổ những khách viếng thăm.

— Trên thực tế, những kẻ đã hy sinh không có «nằm» trong nghĩa trang này mà họ «nằm» rải rác dọc theo con đường xe lửa. Ông chồng già đã nói với bà vợ khi cả hai đã bước qua cửa sắt của nghĩa trang.

Trước mắt họ, những ngôi mộ của hàng bao nhiêu ngàn tù binh chiến tranh trải dài ngút mắt.

Người đàn bà đã thốt kêu lên :

— Chiến tranh thật ác độc. Bất bao nhiêu đời sống thanh xuân đã bị hủy diệt vì những tham vọng ích kỷ !

Người chồng trả lời, mắt nhìn những tấm mộ chí bằng đá :

— Bà nói có lý. Trên thực tế chẳng ai được hưởng gì cả. Cả hai bên. Tôi tin chắc rằng, cả bên thắng trận cũng như bên bại

trận, đã có vô vàn các bậc cha mẹ đã khóc cho cái chết của đứa con trai mình.

Trong nghĩa trang có độ bốn năm người dân địa phương trong các ngôi mộ. Họ nhỏ còi còi như tưới nước các bông hoa. Một phía góc nghĩa trang có dựng một cây thập tự giá rất lớn quét sơn trắng. Những tấm mộ chí ghi rõ danh tánh cùng quốc tịch người chiến binh. Người quê ở Úc Châu. Người dân Tân Tây Lan. Còn người lính Mỹ kia 24 tuổi. Lại có người mới có 18 tuổi đời. Tất cả đều còn trẻ : hai mươi, hai mươi hai, hai mươi lăm, ba mươi.

Rời khỏi nghĩa trang, cặp vợ chồng già có đứng lại để đọc những dòng chữ khắc trên một tấm biển : «Đề tưởng nhớ tới lòng can đảm và sự hy sinh của những con người hùng đã gục ngã trong khoảng thời gian bị giam giữ để làm con đường xe lửa từ Thái Lan tới Miến Điện».

Cái nghĩa trang mà danh công thông thường này có nghĩa là những người chết mà của họ được khắc vào đá cặm ở đây đã không được chôn ở đây, mà họ đi nằm xuống, đây theo con đường sắt chạy đi Kanchanaburi tới tận là đây xứ Miến.

Cầu Sông Kwai

Như hầu hết những gia đình có con chết hay những du khách tới viếng thăm, đi vợ chồng già tới Anh này cũng như tới Anh ngẫm giòng sông Kwai. Đã từng được đọc cuốn truyện danh tiếng «Cầu Sông Kwai» của nhà văn Pierre Boulle, rồi lại được coi cuốn phim rút đề tài trong quyền truyện nói trên, giờ đây họ muốn chính tận mắt mình nhìn lại nơi mà con cái họ đã làm việc khổ sai.

Kia, chiếc cầu nằm trên con sông. Nhưng nó không giống như chiếc cầu đã nói trong truyện. Bởi vì chiếc cầu kia đã bị phá hủy, rồi vẽ sau một chiếc khác

được thay thế.

Nơi tù binh chiến tranh đã dựng lên những chân cầu gọi là Tamboul Tha Makham. Tiếng Thái Lan gọi con sông đó là Maenam Ki-wae Yai. Gần suốt năm, con sông này rất nông cạn, riêng chỗ cất cây cầu thì rộng, tới vài trăm thước. Bờ sông thì cao, và vào mùa nước lũ con sông đi mất hẳn vẻ hiền lành cổ hữu.

Cặp vợ chồng người Anh rón rén bước lên cầu bởi vì nó trơn trượt dễ té xuống sông. Những người dân địa phương đã đi bộ tiên cái một vài người dầy chặc xe đạp. Từng khoảng cách có chỗ tránh cho người đi bộ khi bất chợt có chuyển xe lửa chạy đến.

Vào những tháng Hai, Ba và Tư, khí hậu nơi đây rất oi nóng, làm cho mọi người liên tưởng tới những điều kiện ngột ngạt nghèo đói với những tù binh phải làm việc tại đây.

Nhờ một người thông ngôn,

cặp vợ chồng người Anh đã hỏi thăm dân trong vùng và được biết nhiều điều hữu ích.

Con đường sắt này gọi là Thang Rodfai Miorana, có nghĩa là «Thiệt Lộ Tử Thần».

Có nhiều người bản xứ già cả còn nhớ rõ những tù binh người Anh, Mỹ, Úc và Tân Tây Lan đã phải làm việc quần quật dưới sự canh gác của lính Nhật. Họ chết dần mòn vì các thứ bệnh (như kiết lỵ, sốt rét rừng, v.v...) vì thiếu ăn và cả vì kiệt sức. Công cuộc tiếp tế lương thực không bao giờ được đúng kỳ hẹn và khi lương thực đến tới nơi thì một phần lớn đã bị hư hỏng.

Người ta phải nói là mỗi một thanh tã vệt được đặt xuống đáng giá một mạng sống của binh sĩ đồng minh. Người ta cũng không biết rõ đích xác con số tù nhân bị chết, bởi vì quân đội Nhật không có ghi chép, nhưng người ta cũng ước đoán phỏng chừng từ 80.000 đến 100.000

người đã bỏ thây. Cùng làm việc chung với đám tù binh Đồng minh, còn có những người Mã Lai, Indonésia tới cùng với dân phu Thái Lan. Những người này cũng bị chết tới con số hàng ngàn.

● Thiệt Lộ Tử Thần

Trở về khách sạn, trong một thành phố lân cận, cặp vợ chồng người Anh tính chuyện sáng hôm sau phải đáp chuyến xe lửa để đi tới đoạn chót của con «đường sắt chết chóc» này, nơi gọi là Tok Khao Phang.

Vé khứ hồi cho mỗi người cũng không đắt lắm, độ 5 đồng quan mới của Pháp mà thôi. Chỉ có một chuyến xe lửa chạy đi mỗi ngày và ngày hôm đó không có chuyến chạy về. Hành khách phải ngủ lại giữa rừng sâu, nhưng

Neurotonic

BỒ OC

THÊM TRÍ NHỚ

được cái nơi đây cũng có tửu điếm.

Khoảng đường từ Kanchanaburi tới Wang Po và bên kia là thác nước Khao Phang, rất dễ chịu phong cảnh đẹp. Đoàn xe lửa chạy 3 tiếng đồng hồ để chỉ vượt qua được chừng 80 cây số ngàn. Đường xe lửa chạy xuyên qua rừng rậm và nhiều nơi có dây rầy thú dữ. Người ta nghe tiếng thoảng tiếng con công kêu. Tre mọc chi chít, và đàn chúng trong tỉnh Kanchanaburi vẫn tới đây để lấy gỗ teck.

Chương trình thiết lập con đường xe lửa này do chính người Nhật thảo ra. Ngay khi chiến tranh thế giới lần thứ hai

bùng nổ, quân đội Nhật Bản đã xâm chiếm Thái Lan. Vì không đủ lực lượng để bảo vệ nên xứ này phải ký hòa ước thần phục kẻ thắng trận.

Quân đội Nhật Bản muốn có một con đường xe lửa để bảo vệ lực lượng quân sự hùng hậu của họ tại Miền Điện Quang đường từ Nong Pladuk và Kanchanaburi tương đối dễ làm vì nơi đây đất bằng phẳng, nhưng khi công việc tiến lần tới con sông Rhwae Yai (Sông Kwa) thì những sự khó khăn đã bắt đầu. Họ phải khai phá rừng, phá núi cùng phải vượt qua hai con sông : đó là Khwae Yai và Khwae Noi.

Phân ưu

Rất đau đớn chia buồn cùng Cô Mười, Dượng Mười và gia quyến.

Và nguyện cầu hương hồn cháu Trần Chu được an giấc nghìn thu.

● NGUYỄN-VỸ

Thêm nữa, lại rất độc.

Hai toán tù binh làm việc từ hai đầu tiến dần lại nhau. Toán trước từ Miến Điện khởi công ngày 1 tháng 10 năm 1942 tại Thanbyuzayat. Toán sau tại Thái Lan, khởi công chậm hơn ít ngày tại Ban Phong. con đường sắt được hoàn thành vào cuối tháng chạp năm 1943, nhưng những chuyến xe lửa đã bắt đầu chạy từ cuối tháng 10 năm 1943. Đoàn xe chuyên chở binh lính và lương thực.

Con đường dài 423 cây số, chạy từ Thái Lan theo con sông Khwae Noi tới tận biên thủy đổ tới Moulmein Miến Điện.

Ngồi trong xe lửa khi tới Nam Jok Khao Phang, cặp vợ chồng già người Anh đã nhìn thấy từ xa con sông Khwae Noi lấy lánh, dưới ánh mặt trời. Bất thình lình khi nhìn qua cửa sổ họ tưởng chừng như đoàn xe lửa đang chạy thẳng đâm xầm vào dãy núi lồm chồm. Khi xe lửa tới nơi, họ nhìn thấy một tấm bảng viết một chữ Thái :

Yud (sì tốp). Tuân lệnh, đoàn xe ngưng hẳn lại.

Nhưng rồi, đoàn xe lại bắt đầu chạy, nhưng rất chậm. Bởi vì đường xe lửa được bắc trên những chiếc giàn rất cao đối với mực nước sông, và cả đoạn đường này rung chuyển dưới sức nặng của đoàn tàu.

Cặp hành khách người Anh nhận thấy cả cái gàn cầu được đặt móng trên nền đá vôi, và họ hiểu tại sao đoàn tàu phải chạy chậm, bởi nếu đất rung chuyển quá mạnh, nó sẽ làm cho những tảng đá trên lui rớt xuống tót toa xe. Ngừng đầu lên cao, họ thấy những tảng đá nhô ra như muốn che kín con lộ sắt, và đoàn tàu như đang chạy vào trong một thứ hầm vậy. Thỉnh thoảng, người ta tưởng như toa xe sẽ chạm phải đá, bởi có nhiều chỗ từ vách đá tới toa tàu chỉ cách có vài phân.

Bên này con đường sắt là con sông Khwae Noi. Cặp vợ chồng người Anh biết chắc rằng đoạn

đường này chính do tay những tù binh tạo nên.

Khi đoàn xe lửa bỏ dãy núi lại phía sau một khoảng thì dừng lại. Hành khách đã tới một ngôi làng nhỏ chỉ có lư thờ mấy nóc gia giữa rừng. Cách đó khoảng hơn một cây số có một ngọn thác. Hành khách có thể tới thăm được vì còn những hai tiếng đồng hồ nữa trời mới tối.

Hai vợ chồng già đi theo con đường sắt và chợt nhận thấy con đường sắt bị đứt quãng. Sự việc này làm cho họ ngạc nhiên vì từ đây tới biên giới còn xa. Nhưng rồi họ cũng hiểu rõ ngọn ngành: Sau chiến tranh, người ta đã dỡ đoạn đường giữa Kaho Phang và Ba Ngôi Chùa. Sở Hòa xa Thái Lan đã mua lại của quân đội Đồng Minh con đường sắt với giá 50 triệu Baht. Riêng đoạn cuối (khoảng chừng 130 cây số) vì làm không được cẩn thận, có thể gây nguy hiểm cho sự giao thông thương mại, nên người ta đã dỡ đi.

Mặt trời đã chiếu những tia sáng cuối cùng xuống khoảng rừng bao la khi hai vợ chồng già quay trở về ngôi làng. Nếu muốn đi xa hơn nữa, giữa người ta phải đi thuyền hoặc cưỡi voi. Ngày mai, cặp vợ chồng già sẽ quay lại Kanchanaburi rồi về Bangkok.

Cuộc đi thăm trong rừng về phía Đông Bắc xứ Thái Lan đã làm cho cặp vợ chồng già người Anh xúc động, bởi vì tại nơi đây con trai họ đã chết đã mấy chục năm rồi.

Quyển lưu niệm đặt tại nghĩa trang Kanchanaburi đã được họ ghi những cảm nghĩ vào đó, cũng như hàng ngàn, hàng ngàn những người du khách từ bốn phương trời tới đây để nhìn ngắm những tấm mộ chí ghi tên con họ, hoặc chồng hoặc người thân thích, đã ghi vào sổ những giòng chữ tỏ niềm mong ước Hòa Bình vĩnh cửu, hoặc «Đừng bao giờ có chiến tranh».

● □

Một đêm trăng khuyết

Đêm nay trăng sáng thật là trong,
Một nửa trăng thoi, một nửa vòng
Một nửa như buồn chưa trở lại,
Hay chờ thi-sĩ dưới trời đông.

Ta đến đây rồi, trăng ở đâu?
Về đây ghép lại một cung cầu.
Đề hồn ta khỏi buồn đơn chiếc,
Đề ý thơ sâu thoi đơn đau.

Chỉ một mình ta đang ở đây,
Vội làn mây trắng nhớn như bay.
Nửa vành trăng khuyết treo lơ lửng
Và tiếng côn trùng lên cổ cây.

Chỉ một mình ta đứng giữa trời.
Giữa khuya nghe rõ giọt sương rơi.
Và nghe tiếng gió ru trên lá,
Tiếng vạc ăn đêm nước nở lời.

Tiếng sóng mơ hồ nghe rất xa,
Biển đêm bạc ánh trắng ngà.
Như làn da trắng nàng trinh nữ,
Giữa lớp sương mờ trông thướt tha.

Ta thấy lòng ta như giá băng,
Giữa trời xa đó có cung trăng.
Mơ hồ nghe tiếng rên trong gió,
Như trút hồn thơ với ả Hằng.

THÙY-LINH
(Long Hương Cát trắng)

GIANG SƠN VIỆT NAM

Di-tích lịch-sử

tỉnh BIÊN-HÒA

● BÙI-THẾ-CANG

Tôi hân hạnh mời bạn vào thăm quê hương tôi, nơi có bốn mùa buổi ngọt, có giòng sông Đồng Nai, có đồng ruộng phì nhiêu đất vườn màu mỡ và là nơi đã từng làm bối cảnh lịch sử cho các thời đại ngày xưa. Nơi đây tôi sẽ đưa bạn đi viếng những di tích Lịch sử đã bao ngày còn tồn tại.

Trước hết bạn hãy cùng tôi, theo đường quốc lộ một, viếng cù lao Hiệp Hòa nằm phía nam tỉnh lỵ, tôi sẽ đưa bạn viếng ngôi chùa Đại Giác, cất bên vệ đường. Cờ tự này vốn do nhà sư Giác Liễu dựng lên tự thời

Minh Mạng. Theo Đại Nam Nhất thống chí, thì vào năm 1820, có người đem cúng một tấm biển giữa đề chữ «Đại Giác Tự» thếp vàng, bên tả đề: Minh Mạng nguyên niên mạnh đông cốc đàn niên hiệu Minh Mạng nguyên niên (1820); bên hữu đề Tiên Thiên Hoàng nữ Đế Tam Công Chúa. Ngày nay biển ấy vẫn còn,

Cuối năm 1959, chùa xây cất lại theo lối mới rất đẹp. Ngồi xe từ Saigon về Biên Hòa ngang qua cầu Rạch Cát vào tỉnh lỵ, ta có thể thấy ngôi đền sừng

sừng trên Cù Lao.

Xem xong chùa Đại Giác, tôi mời bạn quá bước về phía bờ sông Đồng Nai, gần Cầu Gành (cầu bốn nhịp), để viếng miếu thờ ngài: *Thượng Đẳng Công Thần, Đắc tiến phụ quốc Đại Tướng Quân chương* *co Nguyễn Hữu Cảnh.*

Miếu thờ ngài rất uy nghiêm, xây cất trong một vùng u tịch, cây lá xum xê, cửa tam quan xây quay ra giòng sông lưng lờ, đứng ra mà trông những bức tường vôi trắng ẩn hiện dưới tàn cây rậm rạp, thật hùng vĩ vô cùng. Hàng năm vào ngày 16 tháng 5 âm lịch, dân trong và làm lễ tế thần rất long trọng.

Tục truyền rằng ngày xưa, tại vùng đá Hàn trước thờ ngài, có một con cá gáy rất to, vóc lớn đến 6, 7 thước, đêm đêm bơi lội trước đền ngài, trũng giòng dừa nước, khi nhảy sóng thì lặn hụp, dân chúng cho rằng cá gáy ấy nhảy múa đề hầu

ngài, sự tích rầy trong sách *Đại Nam nhất thống chí* có chép đủ và viết tiếp như sau:

...«Đền sau bị Tây Sơn chiếm, trong đền Hương khói lạnh đạm có sĩ nhân lên *Lâm Tấn* cả tác bài thơ:

Bạch thảo thê thê cỏ lái trần,
Hoàng thành di kiến dã hoa tân.

Thiên tương sự nghiệp qui tiền đại
Địa dĩ sơn hà chúc hậu nhân.

Phong vô vị khôi chính chiến cốt,
Tử tôn trường thác loạn ly thân.

Bình sinh nhất trích tâm thường lự
Bất khắp trung thần khắp loại thần.

Bụi giặc niêm phong cỏ bạc màu,
Thành hoang hoa nở cảnh buồn xau (?)

Trời đem sự nghiệp hoàn
Đất giữ non sông gán kể sau.

Mưa gió chưa tiêu xương
Cháu con đã vương nạn binh đao

Bình sinh chẳng khóc tội
Chí khóc loạn thần quấy rối nhau.

Lúc đầu bản triều Trung hưng được cấp cho 10 từ phu để trông nom đền này, thường năm mùa xuân được chuẩn cấp một số tiền công quỹ để làm lễ tế, mỗi khi có cầu đảo việc gì thường thấy có nhậm ứng năm Tự Đức thứ 4 (1851) Tỉnh thần tư nói: đền này lâu năm mục nát lại bị ngọn nước soi lở, nên được cấp 400 quan tiền giao cho

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG

ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

dân sở tại lựa mua cây gỗ cất lại ở sau đền cũ cách 10 trượng để phụng sự (1)

Xem xong, ta cùng nhau đến viếng mộ ngài và nghiêng mình tưởng niệm người anh hùng đã chết. Nay được xây theo lối mới chỉ còn trơ lại đôi búp sen và một vách tường rêu phong. Mộ nằm trên một gò đất cao cũng thanh tịnh không kém gì đền thờ ngài.

Giờ đây, ta hãy trở lại châu thành Biên Hòa theo quốc lộ một, đến khu đài kỷ niệm, lại rẽ vào xóm, theo đường xe hỏa, đến viếng mộ cụ Trịnh Hoài Đức.

Thật là cổ kính, bạn hãy nghiêng mình trước mộ người quá cố rồi chúng ta cùng quan sát ngôi mộ.

Bao bọc bằng một vòng thành rêu phong, trụ cửa vào

(1) *Đại Nam nhất thống chí* — Quyền Thượng — Biên Hòa tỉnh trang 34 — 35.

đầu hình búp sen Quá vào trong là bình phong rồi đến hai ngôi mộ nằm song song chia cắt bởi một hàng rào nhỏ. Một bên là mộ cụ Trịnh, một bên là mộ Trịnh Phu Nhân.

Bia đá cụ Trịnh, còn lời mờ đôi giòng chữ Hán khắc như sau :

Trên đề : *Hoàng Việt.*

Bên tả đề :

Ất Dậu Trong Đông nguyệt kiến nhật ;

Giữa đề ;

Hiệp Biện Đại Học Sĩ Tăng Đặc Tấn Vinh Lộc Đại Phu Hưu Trú Quốc Thiệu Bảo Cần chánh Điện Đại Học sĩ

Trịnh Công chỉ mộ.

Bên Hữu đề :

Hiếu Tử Hàn Lâm Viên biền tu Thành xuân Tử Trịnh Thiên Nhiên lập thạch.

Bia đá cụ Trịnh Phu Nhân khắc :

Trên đề :

Hoàng Việt

Bên tả đề :

Hiệp Biện Đại Học sĩ Trịnh Công chánh Thất Lê Phu Nhân chỉ mộ.

Bên hữu đề :

Hiếu Tử Trịnh Thiên Bao Thiên nhiên, Thiên Đồng

Hỷ Tín

Thân ái mừng

TRẦN-THỊ-THU-THỦY, Dalat,

đẹp duyên với VÕ-VĂN-THÂN, Mỹ Tho.

Trăm năm hạnh phúc :

Cậu : NGUYỄN-VỸ

hạng kỹ.

Nơi bình phong có gác bần tiệc lớn của Viên Bào làng chùa nhận cờ tích chánh phủ nghị định số 1189 ngày 24-2-1938).

Quá về phía đông, cách một lối hào sâu, còn rải rác vài ngôi mộ của người trong thân tộc cụ.

Trở ra quần lộ, chúng ta lại theo quốc lộ 1 đến xã Tam Hiệp viếng mộ Đoàn văn Cự, một vị anh hùng bất khuất bao giờ cũng sống trong lòng người dân đất Bến Hưng. Nơi đây tôi sẽ đứng tưởng niệm trước mộ ngài cùng 17 liệt sĩ, tôi ước mong bạn nên tỏ vẻ tôn kính người anh hùng của tỉnh tôi. Dầu đó không lấy gì làm lạ nếu bạn được biết rằng ngôi mộ trước mặt bạn đã vùi lấp thầy vị anh hùng Đoàn văn Cự cùng 17 liệt sĩ cách mạng kháng Pháp năm 1905. Một ruộc cách mạng đã nêu cao gương kháng Pháp anh dũng của cả một dân tộc.

Xem xong ta lại ngược Quốc lộ 1 về Châu thành Bến Hoa theo đường Nguyễn Hữu Cánh đến viếng xã Tân Thành, một xã có rất nhiều cờ tích nhất tỉnh lý.

Trước hết, chúng ta hãy đến ấp Bình Thành để xem lại các di tích cổ. Tôi mời bạn đến viếng đàn xã tắc. giờ đây chỉ còn một nền đất cao có hai giòng đất lớn và rộng chạy dài. Xem trong quyển Đại nam nhất thống chí có chép : Đàn xã tắc ở thôn Bình Thành huyện Phước Chính (nay là quận Châu Thành). về phía Tây tỉnh thành, thờ thần Xã tắc lần tỉnh xây năm Minh Mạng 13 (1832), thường năm đến ngày Mậu tháng 2 và tháng 8 cúng tế, qui chế đàn này y như đàn ở Gia Định (1).

Chúng ta lại sang chùa Bửu Sơn để viếng một di tích của người Chăm Ngôi thờ này có thờ một tượng Phật bốn tay

(1) Đại nam nhất thống chí — Quyển Thượng trang 32-33.

bằng đá cao 1m50, lưng khắc chữ Châm.

Về tượng Phật này có truyền thuyết như sau : Cách đây rất lâu, vào khoảng 1898—1900, một hôm có một binh sĩ Pháp buổi tập dợt bắt gặp tượng Phật này trong bóng một cây dâu đã chết từ lâu. Họ bèn khiêng tượng Phật về vào Thành Cựu. Ít lâu sau, hương chức làng Bình Thành nhờ viên Tham Biện can thiệp đề họ được thỉnh tượng Phật về thờ tại chùa Bửu Sơn, cho đến ngày nay. Khi bắt được tượng Phật trong bóng cây có người cho rằng : ngày xưa, tự thuở loạn lạc giữa hai dân tộc Việt Nam và Chân Lạp, quân ta đánh đuổi quân Chân Lạp chạy sang Cao Miên. Trước khi ra đi họ đem tượng Phật dấu dưới gốc cây. Rồi thời gian qua cây lớn dần bao bọc lấy tượng Phật, đến bây giờ, cây lụn chết mới có người tìm được.

Tượng Phật được đem về thờ tại Bửu Sơn Tự thì ít lâu

sau có viên Tham Biện có vợ Miên đến xin thỉnh tượng Phật, nhưng Hương chức làng không thuận.

Xem tượng Phật và nghe sự tích xong, tôi mời bạn quá bộ đến ấp Tân Lại, một ấp kế cận ấp Bình Thành để thăm di tích Văn Miếu. Di tích này đến ngày nay chỉ còn lại một khoảnh đất trống hoang vu. Sách Đại Nam nhất thống chí chép : Văn miếu do Tấn thủ Nguyễn Phan Long, Ký lục Phạm Khánh Đức ở dinh Trấn Biên lập đất năm Ất Mùi là năm 25 (1775) đời vua Hiến Tôn Hoàng đế. Phía nam ngó đến sông Phước Long (sông Đồng Nai ngày nay) phía Bắc dựa núi Long An (tức là núi Bửu Long) ấy là thắng cảnh thứ nhứt của Trấn Biên. Năm

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỀN

Đinh Dần (1794) đời vua Thế Tổ Cao Hoàng Đế. Nguyên Đồ bộ lễ khâm mạng trùng tu

Ở trước Văn Miếu có biển gạch khắc 3 chữ Đại Thành Môn, phía đông có Thảnh khố vi xây tường gạch, phía tả là cửa Kim Thanh, phía hữu có cửa Ngọc Chấn ; phía tây có Khải Thánh có biển khắc 3 chữ Khải Thánh Điện ; chính giữa sân, trước cửa Đại Thảnh khố có Khuê văn Các, trên gác treo chuông trống ; trước cửa có cầu, phía tả có Sùng Văn miếu, phía hữu có Duy lễ đường và xây tường vuông ; mặt trước là cửa Văn Miếu, hai bên hữu là hai cửa Nghi Môn — trong miếu cột vẽ chạm trổ đều cách tinh xảo, thường năm năm thu dùng hai ngày đình làm lễ (1).

Giờ đây ta lại thăng lên núi Bửu Long, cách quận lỵ Biên Hòa 5 cây số để viếng ngôi Bửu Phong tự, một ngôi chùa cổ kính xây cất từ đời Gia Long.

Cửa chùa xây bằng đá và miếu kiểu và thờ vị thần 18 tay. Bạn sẽ lấy làm lạ khi nghe gọi là núi Bửu Long, vì theo sách sử từ trước đến giờ vẫn gọi là Long An. Tôi xin giảng bạn nghe. Bửu Phong là lấy chữ Bửu là chữ đầu của chùa Bửu Phong ghép cùng chữ Long. lấy chữ đầu của núi Long An. Nguyên núi Long An có hai trái núi, một hiện đang khai thác đá, trái còn lại vì chánh quyền muốn bảo tồn ngôi cổ tự Bửu Phong nên dành làm nơi du ngoạn.

Sau khi dạo chơi núi Long An và thăm chùa Bửu Phong rồi, tôi mời bạn cùng tôi theo đường lên thác Trị An (thắng cảnh đẹp nhứt của tỉnh Biên Hòa) ghé lại xã Thiện Tân để thăm mộ cô Hiền, một cô bóng nhưng được nhắc nhở mãi.

Chắc bạn cũng lấy làm lạ, tôi xin kể hầu bạn, trước khi chúng ta vào thăm mộ và miếu cô Hiền.

Dưới triều Tự Đức, tỉnh Biên

(1) Đại Nam nhất thống chí — trang 33.

Hòa thường bị bọn Côn Man phá rối, nhất là ở mạn Bắc Vua sai quan Tiền Quân Lê văn Lễ đem quân vào dẹp loạn.

Tục truyền rằng, cụ Chuẩn Lễ vì thấy mạn Bắc tỉnh Biên Hòa còn hoang vu không có đại lộ để quân đi, ông bèn dùng thuyền ngược dòng sông Đồng Nai đem quân dẹp loạn. Khi đại quân đi ngang vùng sông Bé, cụ Chuẩn Lễ nghe đồn có Bổng Hiền đoán quẻ rất tài lại thông cả việc kiết hung cùng quá khứ, cho nên dời vào vấn quẻ. Sau khi gieo quẻ, cô Bổng Hiền mới bảo rằng: Trước sẽ thắng nhưng sau lại bại và hỏi cụ Chuẩn Lễ khi đem quân về cụ sẽ đi bằng Đại lộ hay tiểu lộ. Vì là một danh tướng lại là người quân tử nên cụ bảo thắng với cô Hiền rằng: Cụ sẽ về bằng Đại lộ. Khi nghe cụ nói, cô Hiền khuyên cụ nên về đường bộ để bảo tồn tính mệnh. Cụ không nghe và có ý giận nhưng không nói lại cho tiếp tục tiến quân.

Về sau, cụ thắng trận vang, bình xong quân Côn man, cụ đem quân về Giộc đường nghĩ lại lời cô Hiền vì thấy không ứng nghiệm. cụ nổi giận sai quân về trước chém đầu cô Hiền. Nhưng bất ngờ khi đến đầu vàm Sông Bé cụ bị phục binh Côn Man dùng cung tên bắn cụ bị thương. Lúc bấy giờ, nghĩ lại cụ mới cho lời cô Hiền là đúng. định sai người theo hủy bỏ án lệnh, thì cũng cùng lúc ấy đầu của cô Hiền đã được đem về đến nơi. Phần bối hận, lại bị phục binh vây hãm, cụ tự vận mũi chét.

Triều đình nghe tin bèn phong chức cho cụ làm «nhất Thống Binh Man Khai nhật Nguyệt Lễ văn Lễ Đại Thần».

Giờ đây tôi mời bạn viếng mộ cô Hiền, mộ đắp bằng đất, vì được dân làng sùng kính nên bao giờ cũng sạch sẽ, đường đi quanh mộ trải cát trắng xóa. Ta lại đến viếng miếu cô Hiền tục gọi là miếu Ba cô, nơi đây tôi sẽ kể hầu bạn một truyền thuyết

miếu cô.

Tượng thờ cô làm bằng cây rất đẹp sừng sừng trước mặt, ngày xưa đã làm bối cảnh những vụ trộm cướp rất nhiều cười bạn ạ, và bây giờ tôi kể bạn nghe.

Ngày xưa, khi miếu cô Hiền được thành lập xong, dân làng vì mê tín cũng như quá tôn cô, nên làm tượng cô bằng gỗ mít và cho đeo kiềng bằng đồng thiết. Một thời gian sau, tượng trên cổ tượng vẫn không thay, mọi người đều cho cô rất linh hiển nên trộm vào loay lấy vàng đều bị cô bắt bớ cho đến chết. Vì thế

việc canh phòng tượng Cô có phần lỏng lẻo. Cho đến một hôm, có tên trộm từ xa đến viếng miếu cô, thấy có vàng tên trộm bèn lập kế để lấy — Sau khi dò hỏi và biết được sự linh ứng của miếu cô, tên trộm bèn chờ đến đêm khuya, trèo chuổi ngược vào bể kiềng vàng rồi trốn mất. Hương chức làng nghe báo hung tin, nhưng chỉ cảm giận tên trộm, và từ đó tượng cô không được trang sức bằng vàng nữa.

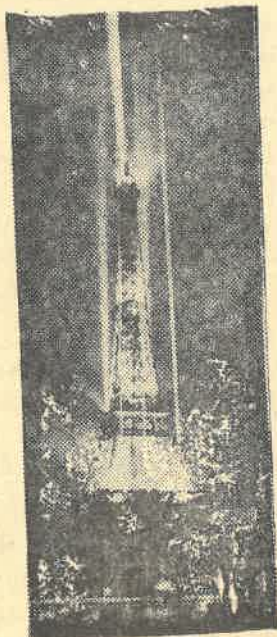
Đến đây, vì đường xa xa xôi, tôi không thể mời bạn đến viếng miếu cụ Chuẩn Lễ được. Tôi xin giả từ bạn và hẹn dịp khác tôi sẽ hầu chuyện bạn nhiều hơn.



lưu đọc

Ngục Tối Của Lòng Minh

truyện dài LAN-ĐÌNH
ĐỜI MỚI xuất bản



BỨC THƯ PARIS

Một
nữ thi sĩ lỗi lạc :
Bà

Raïssa Maritain

★ NGUYỄN-VĂN-CÔNG

BỨC THƯ PARIS

Có lẽ ít người biết tên tuổi nhà
thi sĩ Raïssa Maritain nếu
không có một bài báo phê bình
tuyên sách của bà mới phát
hành. Bài báo ấy đăng ở trang
văn chương (page littéraire) của tờ
Le Monde.

Chồng bà là một nhà triết học
Pháp trứ danh, tức là một người
mà lý luận luôn luôn chặt chẽ,
xác định, không mơ hồ, không
đồng nội. Nhưng một khi nói về
Thơ, ông rất chú trọng đến ý
hiển của bà. Nhưng từ trước tới
nay, trừ một nhóm quen biết,
thông thạo, thì tài nghệ của bà
ít ai biết đến.

Nay sách của bà đã được nhà
xuất bản «Desclée de Brouwer»
cho in lại, thì người ta chú trọng
ngay đến các tác phẩm của bà.

Lẽ tự nhiên sách của bà là
sách thơ, nhưng toàn vẹn hơn
nữa, là ngoài các bài thơ của bà,
nhà xuất bản cho in luôn cảm
nghĩ của bà về thơ, và về các thi
sĩ trứ danh pháp như ; Mallarmé,
Rimbaud, Baudelaire, Apollinaire,
v.v...

Tôi đã đặc biệt đề ý về thơ
của bà, và lời phê bình của bà về
các thi sĩ nói trên. Tôi đã nhận
thấy bà là một thi sĩ tài hoa, và
những lời phê bình của bà có
thể xem như những lời bình luận
của các nhà phê bình danh tiếng
như Sainte-Beuve, hay Brunetière.

Một người đàn bà có tài về
thơ, cái đó không lấy gì làm lạ.
nhưng sự phê bình của bà rất
chặt chẽ, đúng đắn, rõ ràng và
tế nhị đã làm cho các người yêu
văn thơ phải đặc biệt chú ý.

Ta thử nghe bà phê bình nhà
thi sĩ Mallarmé : «Thơ của
Mallarmé là một bản nhạc ngừng
đoạn (une musique discontinue)
vì mỗi chữ có một công tác riêng,
giống như mỗi một cây đàn
trong một dàn nhạc. (orchestre)..
Kỹ thuật (technique) của
Mallarmé thông thái (savante)
tế nhị, thần diệu... Nhưng ông
đã quá cố gắng về kỹ thuật, mà
quên hẳn sự cao siêu, mà ông
có thể đạt được cũng như
Baudelaire»

Lời phê bình ấy thật là xác đáng và cũng là lời khuyên, lời dạy những nhà thơ nào quá gò găm, «chơi chữ», mà xao lãng phần «thiên nhiên», «thu hẹp» cảm hứng, và bóp nghẹt «hồn thơ».

Rồi về Mallarmé, bà lại viết tiếp : «Nhưng cũng may mà Mallarmé không đi đến chỗ quá «nhân tạo», vì ông đã lãnh hội sự «đoàn kết chẳng dời» giữa thơ và nhạc (union indissoluble de la poésie à la musique)».

Về hai nhà thi sĩ đại tài Baudelaire và Rimbaud, bà Raïssa đã viết : «Hai thi sĩ này, tuy vẫn thận trọng khi dùng chữ, khi đem thơ và nhạc nối liền nhau, nhưng đã vượt qua «kỹ thuật», vì đã nhìn nhận «vũ trụ chân lý thực tế» (l'univers de la vérité objective), và không cho sự nhìn nhận ấy là một việc ngang trái, xấu xa (scandale).

Về Racine, mà bà đã xem như là thi sĩ đại tài nhất của nền thi Pháp, bà đã viết rằng : «Thường

thường, các thi sĩ, nhất là các thi sĩ thời đại mới, đều đi tìm kiếm sự thần diệu, nhưng không phải thần diệu đã etaten đứng tại hoa của Racine, mà chính là tôn giáo (jansénisme). Và bà kết rằng : «Sự tận mỹ bị cắt đứt (mutilée). Thật là một cuộc phiêu lưu bi thảm và huyền bí. (La perfection mutilée ! Quelle tragique et mystérieuse aventure). Rồi nói chung về thơ, bà viết : «Ý hướng thơ chưa hẳn là ý hướng rõ ràng (sens intelligible) cũng như linh hồn của một người, có phải là sự biểu diễn trong một bài diễn văn đâu ! Và trong các công tác về thơ, ý hướng thơ vẫn phải là nền cốt xây dựng thì vẫn». Nói như thế, thì thơ có quyền tối nghĩa hay không ? Sự tối nghĩa đó, phải tùy theo ý thơ và đề tài.

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
VÀ LỞ LOẾT BAO TỬ

Vì thế, nếu là một bài thơ nói về sự huyền bí, hay muốn cho câu thơ và nhạc được hoàn toàn tự do, thì sự tối nghĩa đó nhiều khi là một việc tự nhiên !»

Theo đó, ta cần nhận xét rằng một bài thơ không phải lúc nào cũng phải rõ ràng như hai và hai là bốn, hay phải đem cây đèn chiếu (projectun) mấy trăm «Volt» để cho người ta thấy rõ. Và nếu thấy rõ như hai và hai là bốn, hay như dưới đèn chiếu thì đâu còn là thơ nữa, cũng chẳng khác gì «cái đẹp của một người đàn bà là thân hình có tắm lụa che phủ, chứ không để cho thấy rõ những thớ thịt !

Chẳng hạn như mấy câu thơ này của đại thi sĩ Ôn như Hầu (Nguyễn gia Thiệu) trong «Cung oán ngâm khúc»

«Hình mọc thạch vàng kim
ố cổ,

Sắc cầm ngư u vũ, e phong,
Tiêu điều nhân sự đã xong,
Sơn hà cũng ảo, còn trùng
cũng hư».

Mỗi đọc, ta có cảm giác là tối nghĩa, nhưng thật ra khi suy nghĩ kỹ, ta mới thấy là hay, là sâu sắc, cũng giống như khi ta đang đi ở ngoài nắng, rồi đi vào một căn nhà, hay một ngôi chùa, ta tưởng đâu đi vào chỗ lu mờ, và phải một lúc sau, ta mới phân biệt các đồ đạc, và có lẽ sẽ thấy câu đối sơn son, thếp vàng, hay một lọ sứ cổ, hay một cành hoa tươi thắm. Và như hai câu thơ đây :

«Ngày xuân hoa nở duyên
lành,
Điểm trang tâm sự mấy cảnh
nhớ thương».

Ta thấy : «hoa nở duyên lành», là dụng ý không cho câu thơ quá rõ rệt, vì nói ngay là hoa nở đẹp, thì còn gì là lạ nữa ; rồi «điểm trang tâm sự», thường người ta nói điểm trang sắc đẹp, điểm trang căn nhà ; ở đây ta thấy cả tâm sự của con người được hân hoan, tươi đẹp vì có «mấy cảnh nhớ thương» ; nếu ta nói là mấy cảnh đó là «cảnh đào, hay cảnh cúc», thì ta sẽ chặn

đứng chắn trời (boucher l'horizon) của sự mơ màng và tưởng tượng. Hơn nữa, nhiều khi đọc thơ, ở xứ họ, ngày xuân không có bông đào, hay bông cúc, thì sự thưởng thức của họ bị giảm bớt rất nhiều. Trái lại, câu «mấy cành nhô thương» đã dành riêng một cõi mộng cho mỗi người, và để cho tình thơ triển miên, dịu dặt.

Theo bà Raissa, trong nghệ thuật làm thơ, người ta phải nhớ rằng dấu ý hướng thơ không cần phải luôn luôn rõ ràng (sens intelligible), nhưng lúc nào trong công tác thơ văn, cũng phải có ý hướng hợp lý (logique), tức là dấu mình có cố ý viết câu thơ tối nghĩa (obscur) hay trừu tượng (abstrait), thì lúc nào cũng cần phải «có lý», thì người đọc mới thông cảm được.



Sau khi đã đọc, và đã khám phục sự phê bình thơ và các nhà thơ của bà Raissa Maritain, tôi đề ý nghiên cứu thơ của bà.

Trước nhất, một thi sĩ đã phê bình thơ một cách đúng đắn

như thế, thì không thể nào làm thơ một cách vụng về, non nớt và lầm lỗi được. Thật vậy, trong các thi phẩm của bà, tôi đã nhận thấy cách dùng chữ, cách đặt câu, cách xếp đặt tư tưởng và ắp lang rất là hoàn bị: tức là vững chắc, hợp lý, gọn gàng, tề chỉnh.

Nhưng với những phẩm lượng ấy, chưa chắc đã có thể là một thi sĩ thiên tài, nếu không có cảm hứng thần diệu, ý và lời thơ vượt hẳn khuôn khổ thông thường, và thiếu nhạc điệu tuyệt vời.

Sau khi đã đọc các thi phẩm của bà Raissa, tôi cảm thấy bà đã đạt được những đặc điểm nói trên:

Ta hãy đọc bài thơ «Le Revenant» của bà.

(Chữ Revenant có nghĩa là «bóng ma hiện về», hay là một người đi xa đã lâu, và như đã xem là một lịch bóng trở lại. Trong bài thơ này «Le Revenant» là một kỷ niệm bất thần

trở lại trong trí nhớ) và tưởng chừng cũng giống như một bóng ma.

LE REVENANT

Miroir effacé des saisons
Dans la pâleur de l'horizon
Décoloré, lavé, livide
Se lève un souvenir perfide
Carillon des songes profonds
Que frappe la lame de fond
Des peines à peine amorties
Et des regrets inabols.

«Grêle d'oiseaux qui me couvre
d'écume
Et de neige bleue et de chants
emperlés

Hauts cris brisants des cieux où
les astres allument
Les feux perpétuels de leurs
chemins ailés

Il courut les forêts et les grèves
Chevalier à l'épée de cristal
Et mourut sans sortir de son rêve
D'un amour immortel et fatal.

Raissa MARITAIN

Những bạn nào thông hiểu Pháp ngữ, và nhứt là hiểu nghệ thuật thơ Pháp, chắc đã thấy rõ cách dùng chữ, và đặt câu rất

là xác định, chặt chẽ: những chữ như: qui, que, dont không cần ich, đều bị bỏ, và các chữ «chủ từ», hay «động từ» phụ thuộc cũng bị bỏ bớt nhiều.

Trước khi dịch bài thơ này sang Việt ngữ — và tôi chắc việc này không dễ dàng gì, — tôi cần phải định rõ nghĩa vài chữ, và vài câu: Chữ «lavé» có nghĩa là giặt sạch, và cũng có nghĩa là pha loãng;

— Hai chữ «des peines à peine», chữ «peines» có nghĩa là buồn đau, còn chữ «à peine» là «vừa mới», «mới một chút».

Tác giả ghép lại «des peines à peine» để gây lên một âm điệu dài dài đề tả nỗi buồn hận triền miên. Khi dịch sang Việt ngữ, tôi đã cố gắng nâng cao khả năng của tiếng nước mình, đề cũng «chơi chữ» như ai, và đề chứng tỏ rằng tiếng nước mình cũng dồi dào, phong phú. Và tôi đã dịch câu «des peines à peine amorties» với hai âm thanh của câu Pháp, sang hai âm thanh Việt Nam:

«Những buồn đau đã giảm đau» mấy chữ buồn đau.. giảm đau» cũng gọi nên một âm điệu triền miên.

Sau đó là những câu : «Kỷ niệm xưa như một làn sóng vỗ mạnh, đánh vào chuông. vào chuông của mộng cũ reo lên». rồi đánh thức dậy bao nhiêu nỗi buồn đau. tủi hân, và câu «những ngôi sao thấp lửa trên trời của con đường sao di, giá tỷ như một con đường mà hai bên có những cây đèn thấp sáng trong đêm. mà con đường ấy trong bài thơ này là con đường của những vì sao. và các vì sao đâu có đứng nguyên một chỗ như những cây đèn ở ngoài đường phố dưới trần gian ; trái lại những vì sao đó chuyển theo guồng máy của vũ trụ. nên con đường sao như cái cánh bay đi (des chemins ailes), tức là «đường tung cánh ngàn». Hình ảnh chót, trong giấc mơ xưa là hình một tráng sĩ vượt qua rừng vượt qua bãi bể trong đêm trăng, tay cầm thanh gươm thủy tinh. Nhưng người ấy đã «chết trong

mộng tỉnh, một mối tình không dứt được và sự đau khổ cũng là do tiền oan nghiệp chướng gây nên, và tác giả đã dùng «Et mourut sans sortir de son rêve», ta có thể dịch được là «chết trong giấc «mộng», nhưng ở đây tác giả dùng chữ «sans sortir», tức là không ra khỏi không thoát được vì vậy ta nên dùng «không thoát được» để giữ ý cao sâu của tác giả là «vì có oan kiếp. thì làm sao thoát được». Mỗi tình mang xuống tuyến đại chưa tan».

Và đây là bài của tôi dịch sang Việt ngữ, và xin hù thật là tôi đã mất rất nhiều thì giờ, và chưa chắc đã lột được tinh thần của bài thơ của bà Raissa ; nhưng đâu sao đi nữa. chúng ta cũng cần phải luôn cố gắng.

TENMIL

TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM NGON ★ NGỌT

Bài dịch :

Bóng hiện về

Ấm gương xóa nhạt bao
Giữa chân trời xạm, phai
Hiên lên kỷ niệm ác non
Sông ngăm vỏ đánh chuông
Những buồn đau đã giảm
đau
Và bao nhiêu mối hận sâu
chưa nguôi.
Đàn chim tung bọt vào tôi
Tuyết lam, va ngọc của lời
ca vang
Vút trời. tình tú đốt bùng
Lửa thiêng vĩnh viễn đường
lung cánh ngàn
Vượt sơn lâm, vượt hải tân

Một người tráng sĩ gươm
thần thủy tinh
Chết không thoát mộng phủ
sinh
Vội tình bất tử, vội tình
nghiệp oan.

(Bài thơ Pháp của bà Raissa
Maritain. — Dịch qua Việt ngữ
Ng. Văn Cồn)

Lâu nay tôi chưa có dịp viết
bài khảo cứu, nay tôi rất vui hiến
các bạn đọc Phở Thông một bài
trình bày tài hoa của một nữ thi
sĩ chưa mấy người biết đến. Tôi
mong đây là món quà mọn của
ngày xuân mới tới.

Thân mến
NGUYỄN-VĂN-CỒN



LỚP NHẠC

FLAMENCO

- Lớp nhạc căn bản của các bạn yêu nghệ thuật.
- Thời gian ngắn, kết quả mỹ mãn.
- do G.S. Đào Kim tốt nghiệp trường Q.G.Ả.N, hướng dẫn.
- Ghi tên : 205/1 Cô Giang -- Phú Nhuận

thơ chữ HÁN của NGUYỄN-DU

● KHÁNH - XUYỀN



BÊN cạnh truyện *Kiều*, Nguyễn Du còn để lại cho chúng ta những tác phẩm khác như :

— Văn chiêu hồn,

— Thơ chữ Hán : gồm 250 bài thơ của 3 tập :

✱ Thanh thiên thi tập.

✱ Nam Trung tập ngâm.

✱ Bắc hành tạp lục.

Trong phạm vi bài này, chúng tôi muốn trình bày tổng quát tâm tình của Nguyễn Du đã ký thác vào thơ chữ Hán của ông.

Nhìn lại hoàn cảnh lịch sử, chúng ta thấy Nguyễn Du sống vào thời đại triều Nguyễn, làm việc hương lộc triều Nguyễn nhưng trong tâm hồn ông còn một hình ảnh triều đại khó quên : nhà Lê. Dù vua Nguyễn có cải tổ tiến bộ, nhưng những điều lê

THƠ CHỮ HÁN

phải không được thể hiện rõ ràng trước mắt. Đây là một thời kỳ giằng co quyết liệt giữa nhiều xu hướng chính trị khác nhau. Trong đời sống tư tưởng có từng mảnh nhỏ và hệ thống giáo lý cơ hồ bị lung lay, bị lật xéo đến gốc rễ nên không ít những khủng hoảng tinh thần. Thêm vào đó những cuộc rối loạn còn liên tiếp xảy ra khiến cho trí thức đương thời phải hoài nghi vào khả năng trị quốc an dân của nhà Vua. Những màu sắc phẫn khởi và tuyệt vọng, lạc quan và bi quan lẫn lộn.

Nguyễn Du vừa chứng kiến tận thân kịch chôn mình của một Lý Trần Quán, thì tiếp theo phải ngơ ngác tái phong thái ung dung của « tân triều » Ngô Thời Nhiệm, trong khi ông đang xót xa tủi nhục cho tình cảnh « đầy đàn tan nghé » của nhà Lê và nhà Chúa Trịnh đi theo là tiếng sấm vang dội của anh hùng Nguyễn Huệ phá tan 20 vạn quân Thanh. Nguyễn Du chưa làm quen được với chế độ của người hùng « áo vải » thì sững sờ nhìn thấy tận bi kịch đổ vỡ của Tây Sơn và

thấp thoáng phía sau là cơ đồ phục quốc của Gia Long.

Một cảnh ba hồi đầy kịch tính của lịch sử Việt Nam vào cuối thế kỷ thứ XVIII đến nửa đầu thế kỷ thứ XIX mà Nguyễn Du chịu đựng khá dồn dập. Khiến ông choáng váng tư tưởng muốn tìm cho mình một lối thoát nhưng thật khó khăn. Thực tế của cuộc đời với những sắc thái phức tạp, muôn vẻ của nó, mạnh mẽ quá, hấp dẫn quá làm cho ông phải bàng hoàng nghi ngại để sau đó bắt đầu chuẩn bị tinh cảm và chấp nhận.

Trung tía đao đầu vô túc thị.

(Giữ lòng trung kiên nhưng khi gặp nguy vẫn không có chỗ nương cậy).

Lúc ông chạy về quê vợ, Nguyễn Du có tính kế phò Lê chống Tây Sơn, hành động của ông không có gì khó hiểu, nhưng có một điều làm cho chúng ta ngạc nhiên là mặc dù chống Tây Sơn, nhưng Nguyễn Du không hề lộ ra một thái độ hằn học nào đối với triều đại đó :

Ngã hữu thôn tâm vô dĩ
ngữ

Hồng sơn sơn hạ Quế
giang thâm (1)

(ta có một chút tâm sự không
biết tỏ cùng ai, Dưới chân núi
Hồng và Sông Quế sâu thẳm)

Có phải thực tế bao nhiêu năm
vào những năm đen tối dưới
triều nhà Nguyễn đã lay chuyển
đần độn tâm của Nguyễn Du
làm cho ông có một cái nhìn đôi
phần khác hơn trước đối với
Nguyễn Huệ?

Những biến chuyển cứ dồn dập
tới mãi, cơ nghiệp của anh hùng
vừa đến lại bay đi như chớp
mất khiến ông không còn tin
tưởng đến một sự vững chắc lâu
dài, mất chỗ bám víu.

Bồi hồi phủ ngưỡng bi phù
sinh
Như thử anh hùng thả như
thử

(bản khoăn nghĩ ngợi thương
cho kiếp phù sinh
anh hùng như thế còn như thế)

Tất cả những đau thương còn
lại gì đây, hay là anh hùng
khánh tướng, kẻ đại người ngu
tranh giành cướp đoạt nhau rồi
rồi cũng còn lại một năm mờ
xanh cỏ úa:

Cổ kim hiền ngu nhất khấu
thồ
(Xưa nay kẻ hiền người ngu
cũng trơ lại một năm mờ)

Đêm tối của không gian, thời
gian hay là đêm tối của tâm hồn.
Có lẽ chính tâm hồn của ông tối
đen nên chẳng hy vọng tìm được
một tia sáng nào để soi rõ những
cảnh vật chung quanh để phân
biệt được màu sắc âm thanh và
sự di động của lẽ phải đều trái,
từ đó ông thấy buồn, vương vấn
lo âu.

Hắc dạ thiếu quang hà xứ
tâm?
tiều song khai xứ liễu âm âm
(Đêm tối đen tìm đâu thấy
cảnh xuân tươi sáng?)

(1) Những câu thơ dịch trong
bài này trích trong thơ chữ
Hán của Nguyễn Du, bản cũ.

Chỗ cửa sổ hé mở nhìn thấy cảnh
âm u)

Từ chỗ chán chường đó,
Nguyễn Du tìm cho mình thú
sầu khiếm. Hành lạc của ông
không phải như của Nguyễn công
Trứ. Nguyễn Du chỉ nói đến
ái thú dâm của mình trong
những lúc quẩn bách. Khi buồn
hán thi nhân thời xưa thường
tùng me, rượu để giải sầu, say
để quên đi cảnh đau đớn trước
mặt, như một Lưu Linh, một Lý
Bạch. Nhưng đối với Nguyễn
Du say sưa bất tỉnh là một
biết nguy hiểm, vì không phải nó
làm mất phẩm giá của ông mà
hính nó làm cho ông không còn
tinh táo để suy nghĩ, mà không
suy nghĩ đối với Nguyễn Du là
một điều ông không chịu được.

Hà tự thanh tình khan thế
sự
Phủ bình nhiều nhiều cánh
kham ai.

(Cứ tỉnh để xem việc đời như
bững cánh bèo trôi giạt đáng
trởng kia).

Chính cái ý thức «cứ tỉnh để
xem việc đời» này đã cứu vớt
Nguyễn Du. Nơi trái tim và trí
não của ông không phải để hành
động mà sức tích sự trần tư mặc
tưởng. Con người ấy tiếp nhận
mọi cay đắng trong đời với một
thái độ lặng lẽ, chịu đựng. Thực
ra đời đó không phải là một sự
đau hàng, đó là một cuộc tranh
đấu ngấm ngấm chống lại mọi sự
sa ngã bên trong. Dồn nén xúc
tích lại thành nỗi đau vô xé tâm
can chóc không được giải phóng
bằng hành động.

Tuy sống trong chế độ phong
kiến, nhưng Nguyễn Du biết quý
đời sống tự do. Đối với chuyện
công danh của Nguyễn Du bày tỏ
thái độ ghê sợ không dấu diếm
khi phải đặt chân vào vòng «bể
loạn» của Gia Long. Nguyễn
Du chưa chát nghĩ rằng mình đã
vào vòng.

Thử thân dĩ tác phản lung
vật

Hà xứ trùng tâm hãn mạn
du

(thân này đã là vật trong lòng cui

Tìm đâu cho được cuộc đời tự
do nữa)

Khi lãnh chiếu chỉ đi trấn ở
Nam Quan, Nguyễn Du than
như người tui :

*Xuân vũ như cao cốt tự
hàn.*

(Mùa xuân thấm nhuần như
vậy mà mình thấy lạnh buốt tận
xương)

Đau khổ, nhưng Nguyễn Du
không khi phách «quyết xây bạch
độc lại lâu dài của Cao bá Quát.
Con người ấy chỉ biết nâng đau
khổ lên thành triết lý đến nỗi
không nhìn thấy nguyên nhân
gốc rễ của mình. Trọn đời ông,
nhà thơ vẫn phải nhẫn nhục
đóng vai một «hàng thần lơ lảo»
dưới trướng vua Gia Long vẫn
làm nghề thơ. Ông kêu gọi :

*«An đắc huyền quang minh
nguyệt hiện,
Dương quang hạ chiếu phá
quần âm»*

(Mong sao vầng trăng sáng xuất

hiện trước cửa
ánh sáng dội xuống xua đuổi mọi
bóng tối)

Trong thơ của Nguyễn Du
có một bài cảm hứng cũng nói
như vậy :

*«Cường khởi thoi song vọng
minh nguyệt
Lục ôm trùng điệp bất di
quang»*

(gắng dậy mở cửa sổ xem trăng
sáng

Bóng râm quá nhiều không thể
lọt tia sáng nào)

Và chính hai câu thơ sau nói
lên trọn vẹn tâm tình của Nguyễn
Du hơn bao giờ hết :

*«Cổ mạc hàn phong cộng
nhất nhân
Hắc dạ hà kỳ mê thất hiên,*

(Trên đường lối cũ gió lạnh vào
người,

Đêm tối mờ mịt chẳng biết bày
giờ là bao giờ, chẳng thấy ánh
sáng)

Tâm tình của Nguyễn Du

cũng như một người đi lạc vào
rừng, mất phương hướng chơi
vơi không biết lối nào tìm ra. Do
đó ông phách họa chân dung của
mình lúc bối rối lo sợ hãi hùng.
Rồi cũng đành quanh quẩn trong
khu rừng bao la âm u tăm tối đó.
Ngoài chân dung của Nguyễn Du
chúng ta còn bắt gặp trong chữ
Hán một lời tố cáo kín đáo trước
một tấn bi kịch sử đương thời
còn oằn oại chưa xót chưa nguôi.

Giá trị phơi bày sự thật của
Nguyễn Du sẽ càng tăng thêm
khi nhà thơ hướng ngòi bút sang
một đối tượng khác : Những
người chẳng may khá sinh ra bị
cơ cực, đau khổ về phương diện
này trong thơ chữ Hán của
Nguyễn Du cũng không kém phần
thống thiết với truyện Kiều và
văn chiêu hồn của ông. Cái thống
thiết làm rung động con người
đã phản ánh một thái độ hiện
thực của nhà văn.

Nguyễn Du không phải là
người chỉ biết thu mình trong
đau khổ cá nhân. Đoạn đường
đời gặp ghềnh có «bụi bay mờ

mịt» như đeo đẳng đi suốt cuộc
đời ông. Tấm lòng nhà thơ sẵn
sàng mở ra để đón lấy những vui
buồn tan loãng đó và sẵn sàng
kềa đồng với cảnh vật chung
quanh. Ông thương con trâu già
bị ruồng bỏ suốt cuộc đời phải
vất vả hy sinh. Một bông hoa
rụng, một vì sao rơi trước mắt
của một nhà khoa học cho đó là
tuần hoàn luân chuyển của tạo
vật. Nhưng đối với thi sĩ là
người duy nhất biết đau xót cảm
thông. Cho nên hơn ai hết thi
sĩ họ Nguyễn đã gần bó với
người gánh củi mà ông đã gặp
được dọc đường.

*Dã túc phùng tiều giả
Tương liêu bất tại đồng*

(Đêm trọ giữa miền quê gặp bác
tiều
thương nhau không phải chỗ
giống nhau)

Trái tim của Nguyễn Du được
quí mến hơn nữa khi ông nhìn
người hát dạo giúp vui cho khách
chơi ở Châu Thái Bình. Ông
quan sát thật tỉ mỉ và có nhận

xét rất tế nhị, từ bàn tay xương run run, đôi mắt mù lòa cổ mở lớn ra để nhìn thấy đường đi khi bước xuống thuyền. Đến lúc hát cũng chính bàn tay đó đôi ba lần đưa cao lên đề cảm ơn... Nguyễn Du đã ghi lại:

*Quan giữ thập số tịnh vô
ngữ
Đãn kiến giảng phong liên
tiên giang nguyệt minh»*

(hơn chục người xem đều yên lặng
gió sông hiu hiu, trăng sáng vàng vạc)

Tất cả trong cái không khí trầm mặc mà Nguyễn Du phác họa ra kia đã nhanh chóng đổ sập xuống khi canh hát kết thúc với một sự thật ngao ngán:

*«Đàn tạn tâm lực cơ nhất
canh
Sở đắc đồng tiền cận ngũ
lực»*

(gắng hết tâm sức suốt một trống canh,
mà chỉ được năm sáu đồng tiền)

Một hiện tượng khác bất gặp trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du tưởng như mâu thuẫn, như phần trên chúng tôi đã trình bày, ông bất lực và ghê sợ trước số mệnh, mặt khác ông vẫn trình bày được cái hình ảnh cụ thể giữa số mệnh và cuộc đời. Sở dĩ Nguyễn Du trình bày và giải thích được cái mâu thuẫn đó là nhờ ông được đi nhiều, tiếp xúc với nhiều hạng người. Nhà thơ đã nhận rõ trong xã hội có nhiều hạng người, những qui lại có hai hạng chính yếu sau: người nghèo khổ và người có tài sắc bị bạc đãi, còn một bên là người có quyền thế có của cải. Hai lực lượng ấy đối kháng nhau dưới một quan hệ không hoà hoãn để tìm cho mình một thế để tồn tại. Cho nên những hình tượng đối lập xuất hiện theo cái thế song song tương

Neurotonic

BỒ OC

THÊM TRÍ NHỚ

phản thành từng cặp đôi một với nhau. Hình ảnh của Sở Khất Nguyễn ôm tấm lòng trung kiên chìm xuống đáy sông thăm thẳm, gắn liền với hình ảnh một người dương dương đắc chí, «ra ngoài ngựa ngựa xe xe, ở nhà vênh vênh vào vào», đứng ngồi bần tấn như một ông Cao ông Quý».

Cái chết đầy tiếc thương của ba chiến sĩ hào hùng: Kinh Kha, Điền Quang và Phàn ô Kỳ được đặt bên khung cảnh oái oăm ở kinh đô Hàm Dương trong đó «vua Tần vẫn ngồi cao vòi vọi»!

*Mạc đao chủ thủ cảnh vô lễ
Yết can trăm mộc vi thiên
thanh»*

(chớ nói đao găm không làm nên
việc gì)

Nó mở đầu cho việc dựng cờ
khởi nghĩa sau đây)

✱

Thơ chữ Hán của Nguyễn Du hiện nay chưa tìm lại đủ. Những bài thơ chữ Hán của ông đã sưu tầm được không phải bài nào

cũng có giá trị — Bên cạnh những bài được xem là kiệt tác, có những bài nói về giai nhân tài tử, có những bài không nói được gì ngoài tâm trạng cô đơn sầu tủi của nhà thơ. Dù giá trị không ngang nhau, tất cả bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du đều là những tài liệu rất quý để chúng ta tìm hiểu thật cận kề tư tưởng của Nguyễn Du thường xuyên có hai mặt mâu thuẫn rõ rệt trong thế giới quan.

Tuy vậy, nơi đây chúng ta cũng nhận được sự trưởng thành quý báu về tình cảm cũng như tư tưởng với phong độ nghệ sĩ đã kéo Nguyễn Du vào cuộc sống có nhiều sự tiếp giáp và liên hệ mà ông đã phát hiện ra nét đẹp rực rỡ của tạo vật với con người.

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
VÀ LỞ LOÉT BAO TỬ

STALINE

Đã làm cách nào để đoạt năm trăm tấn vàng của TÂY-BAN-NHA ?

○ Sưu tầm của LÂM-TÙNG-SINH

DƯỚI đây là tài liệu trong một bài tường thuật tỉ mỉ của ông Alexandre Orlov, chứng nhân lịch sử vụ lường gạt trắng trợn này. Ông Orlov đã từng là một nhà ngoại giao có tài, một cựu tướng lĩnh của ngành phản gián Nga Xô Viết, một sĩ quan điều tra có cấp bậc cao nhất được điện Cầm Linh giao phó những công tác trọng đại.

Hiện nay ông Alexandre Orlov sống ở Mỹ. Ông đã cho xuất bản cuốn «The Secret History of Stalin's Crimes», kể những tội ác ghê gớm của trùn đỏ Staline.

STALINE

Một buổi chiều tháng 10 năm 1936. Trên cuốn lịch ngày chỉ số 22,

Điểm khởi hành của chúng tôi là Carthagène, một hải cảng miền Đông Nam nước Tây Ban Nha. Màn đêm dần xuống, nhưng bóng tối chưa bao trùm hẳn không gian. Trong xe, ngồi bên tôi là một nhân viên cao cấp của Sở Ngân Khố Tây ban Nha. Ông ta không trấn áp nổi sự kích thích thần kinh để lộ trên nét mặt và cử chỉ.

Nổi đuôi chúng tôi là một đoàn công xa 20 chiếc cam nhông trọng tải 5 tấn. Tiêu đích của chúng tôi nằm ở giữa những ngọn đồi về hướng Bắc, cách xa 7, 8 cây số ngàn : nơi đặt kho đạn của Bộ Hải quân Tây ban nha. Nhưng mục đích của chúng tôi không phải là đến vận chuyển những thùng đạn dược, những thùng thuốc nổ, mà là một thứ gì quan trọng hơn, quý giá hơn.

Khi chúng tôi đến nơi thì màn đêm đã đen dày. Đoàn xe ngừng

giữa sườn núi. Trước mắt là một dãy cửa bằng gỗ dày sừng sừng án ngữ. Sau khi trao đổi mật khẩu, một trong những người lính canh gác cần mật rút những then sắt cài ngang lớn bằng cổ tay và mở rộng một chiếc cổng có hai cánh nặng nề. Bên trong là một khu đất rộng có ánh sáng mờ mờ của vài ngọn điện yếu ớt.

Sáu chục thủy binh Tây ban Nha túc trực đợi lệnh chúng tôi. Hàng ngàn chiếc thùng gỗ, kích thước vuông vắn như nhau, được xếp dọc theo chân tường : bên trong chứa đầy vàng — vàng thoi và vàng miếng — trị giá hàng chục tỷ phật lạng Pháp. Cả cái kho tàng gom góp từ bao nhiêu thế kỷ của quốc gia I pha I ho có nhiều ngàn năm lịch sử. Và đó cũng là mục đích tìm đến của tôi. Nhiệm vụ của tôi là đưa những thùng vàng này về Mạc tư Khoa, trót lọt.

Thời gian này, cuộc nội chiến Tây ban Nha mới bùng phát được vài tháng, và kế hoạch dời chuyển số vàng cũng mới được tôi nghiên

cứu hoàn tất từ mười ngày về trước. Nguyên do : Có một số nhân vật cao cấp của đảng Cộng Hòa (dang đang nắm chánh quyền Tây Ban Nha) lo ngại kho tàng quốc gia bị rơi vào tay phe độc tài Franco. nên nảy ra ý nghĩ đem gửi Joseph Staline giữ hộ.

Thế rồi, trước những diễn tiến trầm trọng bất lợi về phía họ, những nhân vật lãnh đạo quốc gia Tây Ban Nha mới quyết định đi từ ý nghĩ đến thực hành, cái thực hành không được hợp pháp lắm. Và cũng chính vì tính cách không hoàn toàn hợp pháp đó mà vụ lường gạt lớn lao nhất trong lịch sử được hình thành.

Cho đến bây giờ, hơn ba mươi năm sau, dư luận quần chúng Tây Ban Nha vẫn không ngớt xôn xao vì ba phần tư số vàng của nước họ trị giá hơn 100 tỷ bạc Việt Nam — mọc cánh bay sang liên bang Xô viết. Trong số rất ít tham dự vào vụ này, chỉ có hai người còn sống :

Một người Tây Ban Nha và tôi.

★

Tôi đến Madrid (thủ đô Tây Ban Nha) ngày 16-9-1936, hai tháng sau khi cuộc nội chiến tại nước này phát khởi, để điều khiển một công tác trọng đại. Với tư cách một tướng lãnh của ngành NKVD (phần gián Nga), tôi là yếu nhân chánh thức của Nga xô làm cố vấn cho chính phủ Tây Ban Nha trong việc tổ chức ngành điều tra, phần gián và chiến tranh thâm nhập, ngành tôi phụ trách từ hai năm qua.

Văn phòng tôi đặt trên tầng cao nhất của tòa lãnh sự Nga tại Madrid để liên lạc với Mạc Tư Khoa, tôi có máy phát thanh loại tối tân nhất thời bấy giờ. Trước đây non một tháng, trong khi tôi đang làm việc thì chủ nhân mật mã của tôi bước vào, trình trọng : Thừa Thiếu tướng có tin điện từ Mạc Tư Khoa. Tôi đã dịch những giòng đầu : «Tối mật, Schwed phải tự giải dịch mật mã».

Schwed là bí hiệu của tôi. Dĩ nhiên là tôi tuân lệnh. Năm phút sau tôi đã đọc xong phần còn lại của bức điện tín tối mật :

«Ông hãy thuyết phục ông Chủ tịch Hội đồng Tư vấn Caballero để ông ta gửi số vàng dự trữ của Tây Ban Nha sang Xô viết. Xương tiện chuyên chở sẽ bằng tàu Nga. Bí mật tuyệt đối cần thiết. Nếu người Tây Ban Nha đòi giấy biên nhận, ông phải từ chối—tôi nhắc lại, ông phải từ chối, ông trả lời họ là một tờ biên nhận, chính thức sẽ được Gosbank thảo lập tại Mạc Tư Khoa. Cá nhân ông hoàn toàn chịu trách nhiệm về thành quả của công tác này. (Ký tên) Ivan Vassiliévitch.»
Riêng cái chữ ký Ivan Vassiliévitch cũng đã đủ nói lên tầm mức tối quan trọng của bức điện tín, vì đó là bí hiệu ít khi được dùng đến của Staline.

Những câu hỏi nan giải được đặt ra trong trí tưởng tôi :

— Liệu Largo Caballero và

các đồng chí của ông ta—những nhà ái quốc chân chính Tây Ban Nha—có thể nào khờ khạo mà đem vàng nước họ đi gửi Staline ? Liệu họ có thể ngây thơ mà tin tưởng rằng Cầm Linh sẽ quân từ đến độ trả lại họ số của cải lớn lao như vậy không ?

Tôi hiểu ngay rằng cái ý nghĩ muốn kho tàng không lọt vào tay tướng Franco đã nhen nhúm trong tâm trí các nhà lãnh đạo Cộng Hòa. Và tiếp theo ý nghĩ đó là ý muốn thực hiện bằng cách dời chuyển nó sang nước bạn Nga xô.

Những diễn tiến trầm trọng của cuộc nội chiến đã thúc đẩy những nhà lãnh đạo Cộng Hòa Tây Ban Nha thực ý nghĩ khờ khạo họ. Lúc đó quân đội của tướng Franco ngày một xiết chặt vòng vây uy hiếp Madrid, và thành phố này có thể bị thất thủ trong một sớm một chiều. Cuộc dời chuyển số vàng và cất trong hầm ở Ngân Khố Tây Ban Nha đã được thực hiện bởi một sắc lệnh bí mật ký

bởi Tổng thống Azana và bác sĩ Negrin, bộ trưởng Tài chính, ngày 13 tháng 9. Sắc lệnh đó chỉ định đưa số kim khí quý báu ra khỏi thủ đô Madrid, đến một nơi được bảo vệ chắc chắn. Sắc lệnh còn quy định rằng sự điều hành trong công việc dời chuyển sẽ chỉ được đề trình cho quốc hội chấp thuận vào thời gian thích nghi nhất, nghĩa là thời gian thực hiện. Song trên thực tế, sắc lệnh không có cơ hội được thông báo cho quốc hội.

Tuy nhiên, dù hợp pháp hay không, sắc lệnh đó không hề đề cập đến sự đưa số vàng quốc gia ra khỏi lãnh thổ Tây Ban Nha. Nhưng tình hình chiến sự căng thẳng đã thúc đẩy ông Bộ trưởng Tài chính Negrin hối hoảng liều lĩnh vượt quá quyền hạn của ông ta. Bị quan về viễn ảnh thất trận, bác sĩ Negrin tính

toán đến chuyện gửi Staline giữ hồ kho tàng Tây Ban Nha. Ông không đề trình lên Tổng thống, cũng chẳng thông báo cho Quốc hội, tư động đánh thông điện cho Mạc Tư Khoa. Staline vội ngay lấy cơ hội ngàn năm một thuở.

Hai ngày sau khi nhận được lệnh của Staline, tôi tiếp bác sĩ Negrin tại văn phòng thuộc tòa lãnh sự. Tôi tìm thấy ngay những nguyên do đã làm ông ta có quyết định liều lĩnh khờ khạo: Là giáo sư khoa sinh lý học mới được bổ nhậm chức bộ trưởng Tài chính, ông Negrin đã không am hiểu những thủ đoạn sâu sắc của Staline mà lại có tư tưởng thần phục lý thuyết Cộng sản, phần bị mặc cảm có thể bởi đối phương (phe Franco) được Hitler và Mussolini yểm trợ nên chỉ còn trông cậy vào Nga xô la đồng minh duy nhất có đủ

khả năng giúp đỡ phe Cộng Hòa.

Tôi hỏi bác sĩ Negrin:

— Thế số vàng hiện giờ ở đâu?

Ông Bộ trưởng đáp:

— Ở Carthagène, một trong những kho hầm ở dùng làm nơi trữ đạn được của Hải quân.

Tôi giật mình lăm lăm: Staline thật là quá may mắn! Công việc của tôi sẽ được đơn giản rất nhiều vì lúc đó tàu hàng của Nga sẽ hễ neo lại ở Carthagène chuyển nhập vũ khí và đạn được cho Tây Ban Nha. Và dĩ nhiên ngoài số vận tải hạm, đơn vị Hải quân này còn có cả một lực lượng chiến đấu hạm hùng hậu để bảo vệ.

Trong vụ này tôi thấy cần phải có sự hỗ trợ của một nhân vật cao cấp trong chính

quyền Tây Ban Nha nữa. Người đó là ông Indelacio Prieto, bộ trưởng Không và Hải quân. Sự cần thiết là phải được các đơn vị chiến đấu của Prieto hộ tống trong khi di chuyển qua Địa trung Hải và Hắc Hải cho đến tận Odessa. Trờ ngại này đã được san phẳng sau khi ông Negrin thuyết phục được ông Indelacio.

Công tác này tôi tính phải thực hiện đến giai đoạn, về ngoài sự trốn tránh con mắt tuần thám của Hải không quân Đức-Ý, điều quan trọng hơn nữa là lo sợ dư luận quần chúng Tây ban Nha phong thanh nghe biết số vàng quốc gia bị đưa ra khỏi lãnh thổ, chắc chắn họ sẽ hy sinh bằng bất cứ giá nào để giữ lại kho tàng quốc bảo.

Nhờ sự chỉ dẫn rành rẽ của bác sĩ Negrin về những chi tiết từ địa điểm đến

hình thức của những kết vàng, tôi điều động công tác bằng những phương pháp thần tốc. Tất cả có chừng 10.000 kết, kích thước giống nhau 48 phân chiều dài, 30 phân chiều rộng và 18 phân chiều cao. Mỗi kết chứa đựng 65 ki lô vàng, cộng chung vào khoảng 660 tấn.

Ngày sáng hôm sau tôi đi Carthagène. Vị chỉ huy đoàn chiến hạm Nga Số ở đây là một người bạn cũ của tôi : đô đốc Nikolai Koutnetsov (sau này làm Bộ Trưởng Hải quân Nga Số trong thời kỳ đệ nhị thế chiến). Tôi bảo ông trưng dụng tất cả các tàu biển của Nga ở Carthagène, bắt rõ mọi thứ hàng hóa ngay lập tức và tức tức sẵn sàng chờ tôi sử dụng chúng tôi còn thuyết phục được viên chỉ huy căn cứ hải quân Tây ban Nha cho tôi mượn 60 thủy binh.

Xong vấn đề Hải quân,

tôi bắt tay ngay vào bài toán đem số vàng từ trong kho hầm ra hải cảng. May sao cách đó 15 ngày, có một thiết đội cơ giới Nga Số vừa đổ bộ lên Carthagène và hiện đóng tại Achena, cách chừng 60 ngàn cây số. Thiết đội này dưới quyền chỉ huy của đại tá Krivochéine, mà người Tây ban Nha thường gọi là Melè. Đại tá Krivochéine chuyển đến tôi 20 chiếc cam nhông và 20 tài xế chọn lọc trong những chuyên viên lái thiết giáp tài giỏi.

Kế hoạch đã được sửa soạn chu đáo. Giờ hành sự bắt đầu. Trên bộ, đoàn quân xa của tôi khởi hành từ Carthagène, trên mỗi xe tài xế là lính Nga mặc quân phục Tây ban Nha. Còn về phần 60 tên thủy binh bản xứ, tôi đã cho đưa tới kho hầm chứa 10.000 kết vàng từ một hai tiếng đồng hồ trước. Dưới nước, tất cả các

tàu Nga đều tức tức sẵn sàng, chờ nhổ neo sau khi đã được chất đầy những kết vàng được gửi giữ.

Ngày đó là ngày 22-10-1936, lúc màn đêm dần xuống.



60 thủy binh Tây ban Nha đều là những tân binh trẻ và yếu ớt được đưa từ dưới tàu ngấm lên. Phải hai người mới khiêng được một kết chất lên cam nhông. Tôi giới hạn mỗi xe chở đúng 50 kết và cứ được đầy 10 xe thì cho đi ra hải cảng.

Khi mười chiếc trước trở lại — chừng hai tiếng đồng hồ — thì mười chiếc sau cũng vừa chất xong 500 kết và sửa soạn chuyển bánh. Mỗi chuyến đều có hoặc tôi hoặc một sĩ quan NKVD phụ tá tôi đi cùng với một công chức của sở Ngân Khố Tây ban Nha đi theo.

Trong khi đang chất hàng, tôi lại quay sang người công chức đại diện sở Ngân Khố và hỏi một cần đã được tôi nghiên cứu kỹ:

— Chẳng rõ phải chở bao nhiêu nhĩ ?

Dĩ nhiên là viên công chức nọ không được thương cấp chỉ định rõ ràng nên ông ta ngơ ngác trước câu hỏi đột ngột, bèn đáp bằng quơ :

— Ồ - Chắc là hơn một nữa, tôi đoán thế.

Còn phần tôi, tôi nhăm nhăm là sẽ cho chở càng nhiều càng tốt.

Công tác này được thực hiện trong 3 đêm liền, từ 7 giờ chiều hôm trước đến tảng sáng hôm sau. Những đêm đó là những đêm tối trời, không trăng sao. Thành phố Carthagène nằm trong tình trạng thiết quân luật nghiêm khắc, nên quân xa của chúng tôi không dám

mở đèn pha. Đồi lần có anh tài xế xe sau mất hút xe chạy trước, và chạy lạc lối. Những lần đó tôi sợ hãi đến run cầm cập vì lẽ tài xế mặc quân phục Tây Ban Nha, nhưng lại là những tên lính Nga không biết nói một tiếng địa phương. Nếu rủi ro bị một toán quân cảnh tuần tiêu bắt gặp và tình nghi là gián điệp Đức thì nguy to, nhất là trong thời kỳ nội chiến, bản án sẽ hết khắc nghiệt, và nếu họ khám xét thấy những kết vàng chất trên xe thì hậu quả sẽ còn tai hại đến chừng nào.

Ngoài ra lại còn một sự nguy hiểm khác nữa; Nguy cơ bị máy bay Đức oanh tạc. Vì những kho hầm bên cạnh chứa đầy đạn dược, chỉ một trái bom nhỏ trúng đích là tất cả tan xác. Và nữa, nếu chúng tôi sẽ bị chìm đắm hết.

Mỗi ngày tôi không nhắm mắt ngủ được tới 4 tiếng

đồng hồ. Bị nhốt kỹ trong kho hầm nằm dưới lòng đất, 60 tên thủy binh Tây Ban Nha nằm bừa bãi trên nền đất. Tôi phân phát cho chúng những chiếc bánh sừng nych, cà phê, nước ngọt và đậu phộng rang. Đề giết thì giờ, trong bọn có những tên giờ bãi ra đánh. Thật là mỉa mai khi tôi nhìn thấy bọn chúng ngồi giữa những kết vàng mà ăn thua nhau bằng những đồng tiền kẽm hoặc những hạt đậu phộng.

Thần may mắn đã theo chúng tôi đến đêm thứ ba và cũng là đêm cuối cùng. Vào khoảng bốn giờ sáng, một đoàn oanh tạc cơ bay là sát các ngọn đồi. Trong hầm tối, chúng tôi nghe rõ những tiếng nổ chát chúa từ phía bên tàu vọng lại. Khi đoàn công voa trở lại cho chúng tôi hay là một chiếc tàu vận tải Tây Ban Nha đậu gần hạm đội Nga số đã bị trúng bom và chìm lịm. Tôi quyết định cho hạm

đội Nga số sửa soạn rút neo, khởi hành.

Đêm đó, khi chiếc cam không cuối n rời dây núi, tôi hỏi người công chức Tây Ban Nha kiểm soát cuộc vận chuyển về con số kết toán, ông ta đáp :

— Tất cả 7.800 kết, 507.000 ki lô, vào khoảng 3 phần 4 số vàng dự trữ.

Ngày 25 tháng 10, vào khoảng 10 giờ sáng thì chiếc kết cuối cùng được chất lên vận tải hạm. Cái phút bối rối không thể tránh được đã đến với tôi : Viên chức Tây Ban Nha đòi tờ biên nhận.

Tôi ái ngại nhìn đôi mắt đáng thương và đỏ ngầu như muốn ứa máu của ông ta, đáp giọng quyết liệt :

— Biên nhận à ? Nay ông bạn, tôi không nhận được chỉ thị của thượng cấp điều đó. Nhưng ông chờ lo nghĩ, số Ngân khố Số viết chúng

tôi sẽ giao cho quý quốc một bản sau khi đi cân và kiểm soát số hàng này.

Ông ta đứng chết sững, miệng há hốc vì không biết nói sao, hành động thế nào. Mà thật thế, nếu tôi ở địa vị ông ta, tôi cũng không biết tỏ thái độ gì.

Ý nghĩ lo sợ ông ta báo động về Madrid lượn trong tâm trí tôi, tôi bèn đề nghị ông ta cắt cử mỗi người công chức số Ngân Khố Tây Ban Nha lên một chiến hạm của tôi, với tư cách là nhân viên áp tải châuu thức số vàng vận chuyển. Thực ra trên lý thuyết, biện pháp này chẳng có gì là chắc chắn đối với họ, song trong lúc bối rối, ông ta không biết làm gì hơn là theo lời đề nghị của tôi.

Hai tiếng đồng hồ sau, đoàn hải thuyền nhổ neo ra khơi. Tôi báo tin cho Mạc tư khoa biết chuyển hàng

quý báu đang nhắm hướng Odessa.

Ít ngày sau tôi được các sĩ quan ngành điều tra báo cáo cho biết từng chi tiết về đoạn kết của chuyến hàng lịch sử.

Khi đoàn tàu Nga số về đến hải cảng Odessa thì tại đây đã có mặt một số lớn sĩ quan cao cấp của N.K.V.D từ Moscou và Kieo chờ đón. Dĩ nhiên cuộc rở 7.800 két vàng cũng như chuyên chở về Mạc tư Khoa được cả hàng chục toán sĩ quan binh sĩ áp tải và bảo vệ an ninh chặt chẽ.

Đề ăn mừng thành quả, khi 500 tấn vàng chở bằng thiết lộ về tới thủ đô Nga số viết, Staline cho tổ chức một bữa tiệc trọng đại tại điện Cẩm Linh. Một vị tướng lãnh tên Iéjov kể lại rằng ông ta nghe thấy viên trùm đồ kêu lên vì khoái trá :

Hừ ! Bọn Tây Ban Nha

khờ khạo. Chúng không bao giờ có dịp may thu hồi lại số vàng này mà chỉ hy vọng được nhìn thấy bằng những đôi tai mà thôi !

Tong thời gian 21 tháng từ ngày công tác thực hiện và lúc tôi soạn tuýt chế độ Số viết, tôi đã phải tiếp xúc với nhiều nhân vật lãnh đạo phe Cộng Hòa Tây Ban Nha nhưng sự việc ở nguyên tình trạng âm thầm đau đớn giữa chúng tôi. Chỉ có một lần, vấn đề được khơi động lại : Lúc đó bác sĩ Negrin làm Chủ tịch Hội đồng Tư vấn than thở với tôi :

— Ông có nhớ đến bốn viên chức Sở Ngân Khố đi tháp tùng theo 4 vận tải bạm của các ông không ? Hời oi ! Đã hơn một năm rồi mà họ hãy còn ở lại bên quý quốc. Tôi tự hỏi tại sao các ông không trả họ về với gia đình họ ?

Mãi sau này, tôi mới khám phá được rằng bốn kẻ đáng thương kia chỉ được rời khỏi đất Nga sau khi cuộc nội chiến Tây Ban Nha chấm dứt.

Và ngay khi chiến được thủ đô Madrid, nhà độc tài Franco đã hay biết câu chuyện 500 tấn vàng. Song suốt mười tám năm cầm quyền, ông ta không hề nói một tiếng. Nếu người ta đã biết ngân khố quốc gia gần trống rỗng, tiền tệ nước này đã bị yếu kém thì sự suy sụp cũng chỉ là một việc tất nhiên không thể nào tránh được.

Và chỉ mãi đến tháng 12 năm 1956, sau khi bác sĩ Negrin chết, sự im lặng chính thức kia không còn duy trì được nữa. Tim tôi trong văn khố lưu trữ riêng của ông ta (bác sĩ Negrin), bộ Ngoại giao Tây Ban Nha xác nhận đã thu lượm được

một tờ biên nhận chính thức về số vàng gửi sang Liên Bang Xô viết.

Vài tháng sau, tờ Pravda (Sự Thật) của Nga nhìn nhận là năm 1930 chính quyền Xô Viết đã nhận được 500 tấn vàng của nước bạn Tây Ban Nha. Nhưng, cũng theo tờ báo, số vàng không phải kỹ vật (gửi giữ) mà là để thanh toán tiền mua phi cơ, vũ khí và các thứ hàng hóa của Nga số gửi cho chính phủ Cộng Hòa Tây Ban Nha. Kết toán, số vàng đó mới chỉ trang trải được một phần, quốc gia này còn nợ Nga số viết một số tiền trị giá bằng 250 triệu phật lạng nữa.

Dịch vụ này ngừng từ ngày đó, không bên nào muốn đề cập thêm làm gì.

LÂM-TÙNG-SINH





Mộng về quê cũ

Thôi nhắc làm chi truyện lửa bình,
Đất nghèo quê cũ cảnh buồn tênh !
Ai về.. gửi đến dòng sông biển,
Tiếng khóc ly hương, khúc biệt hành.

Ai thấp hộ lời ngọn nến hồng,
Bên bờ cát trắng, dưới trời Đông,
Triền miên sóng vỗ niềm thương nhớ,
Đề nắm mộ cha khỏi lạnh lòng !

Mẹ già tóc đã bạc màu sương,
Đêm bước lẻ loi mấy dặm trường.
Khoác áo nâu sông cho trọn tiết,
Vọng về Thánh Điện ngậm ngùi thương.

Con biết từ lâu mẹ nhớ nhiều,
Những mùa trăng sáng chốn thôn liêu.
Dừa xanh lá ngọn bên bờ suối,
Tiếng hát ru hòa tiếng gió reo.

Trải mùa xuân máu giữa Kinh thành,
Mẹ tái tê lòng truyện lửa bình.
Đất nước còn đau tình cốt nhục,
Mộng về quê cũ chắc mong manh ?

MẠCH-QUẾ-HƯƠNG

Mừng di l...



APOLLO 10

đã chuẩn-bị
lần cuối-cùng

(18-26 tháng 5-1969

trước khi APOLLO 11

Sắp đồ bộ

xuống

Mặt Trăng

(Tháng 7-1969) ———?

Bà Tú bỏ tờ báo xuống nệm, ngó đồng hồ đeo tay dễ trên bàn ngủ. Ông Tú cũng vừa tỉnh giấc trưa, hỏi bà :

— Máy giờ, em ?

— Mới có 2 giờ rưỡi.

— Anh đi tắm.

Bà Tú nhong nhẹo :

— Minh nằm với em một tý nữa đã. Minh giảng cho em cái vụ Apollo này đi. Apollo 10 lên trăng lần này là lần thí nghiệm cuối cùng để chuẩn bị cho Apollo 11 sắp đổ bộ thật sự lên Trăng trong trung tuần tháng 7, phải không Minh ?

Ông Tú châm diếu thuốc «con ngựa xanh», phì một hơi khói nhẹ :

— Ừa.

— Họ thí nghiệm cái gì nữa, hả Minh ?

— Đây là cuộc tập dượt lần chót, phối kiểm lại tất cả các yếu tố cho một cuộc đổ bộ 2 người

xuống mặt Trăng, chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện và địa điểm đổ bộ để có kết quả mỹ mãn và cả phương tiện trở về địa cầu sau hai ngày công tác trên mặt Trăng.

— Em vừa đọc tin tức trong báo Việt Nam không nói rõ các chi tiết về cuộc thí nghiệm chót của Apollo 10. Minh giảng giải thật đầy đủ cho em nghe, đi Minh.

— Phi thuyền Apollo 10 được Hỏa tiễn Saturn 5 chở đi. Hỏa tiễn được phóng lên hồi 12 giờ 48 trong đêm chủ nhật 18-5-1969 tại Không cảng Kennedy ở Mỹ, tức là vào 12 giờ 40 trưa ngày 19-5 ở Saigon). Cả Hỏa tiễn và phi thuyền nặng 3.100 ton. Bề cao : 109 mét.

Mỗi giây đồng hồ hao hết 13.000 lít dầu xăng. Hỏa tiễn bay lên được 150 dặm đồng hồ cao khỏi Mặt Đất 61 Ki lo mét thì tầng thứ nhất của Hỏa tiễn phóng phi thuyền lên, trong phi thuyền đó có 3 phi hành gia Mỹ. Phi thuyền được phóng lên với



3 phi hành gia Apollo 10, từ trái qua phải :

Eugene A.Cernan (điều khiển LEM) Thomas P.Stafford (điều khiển Apollo 10) John W.Young (điều khiển Command Module)

tốc lực 9,600 Ki lô mét một giờ.

— Ba phi hành gia tên gì, hả Minh ?

— Thomas P. Stafford, John W.Young, và Eugene A.Cernan. Tầng thứ hai cháy trong 6 phút, tốn hết 500 tons khinh khí nước và dưỡng khí nước (thay vì dầu xăng) và phóng phi thuyền lên cao 182 Ki lo mét,

với tốc lực hơn 22.000 Ki lô mét một giờ. Tầng thứ ba cháy vừa đủ sức để tăng thêm tốc lực lên 28.100 Ki lô mét—giờ, và đưa phi thuyền vào quỹ đạo gần tròn chung quanh Địa cầu, cao khỏi mặt đất 184 Ki lô mét.

Khi bay được một vòng chung quanh địa cầu, và bắt đầu bay vòng thứ hai, (nghĩa là hai tiếng đồng hồ sau khi hỏa tiễn được phóng

từ Mặt Đất), các phi hành gia đốt thêm tầng thứ ba trong 5 phút 30 giây, để tăng tốc độ 39.000 Ki lô mét giờ.

Tốc lực này đẩy hỏa tiễn và phi thuyền ra khỏi sức hút của trọng tâm Địa cầu, và bay vọt lên quỹ đạo Nguyệt cầu, còn xa đến 350.000 Ki lô mét.

Khi còn cách Mặt Trăng 48.000 Ki lô mét, (nghĩa là đã xa cách Địa cầu 320.000 Ki lô mét), thì tốc lực của phi thuyền giảm xuống còn 3.360 Ki lô mét giờ. Đến đây phi thuyền lại lao vào sức hút của trọng tâm Nguyệt cầu, lại bay mau hơn.

Còn cách mặt trăng 9.000 ki lô mét (tức là 3 ngày sau khi rời mặt Địa cầu), sức hút của Mặt Trăng sẽ lôi kéo phi thuyền với tốc độ 9.100 ki lô mét giờ.

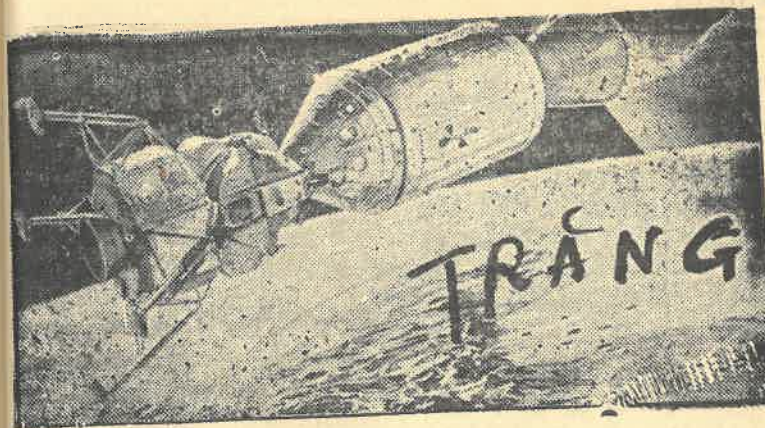
Nhưng giờ đây, các phi hành gia phải xử dụng hệ thống S.P.S (Service Propulsion System) để giảm bớt tốc lực của phi thuyền còn 5.950 ki lô mét giờ thôi. Cần

phải giảm tốc lực đến mức độ này để điều khiển phi thuyền bay vào quỹ đạo Mặt Trăng. Bay ba vòng quỹ đạo chung quanh Mặt Trăng, chỉ còn cách Mặt Trăng 112 ki lô mét.

Bây giờ Phi thuyền Apollo 10 còn hai bộ phận: Command Module (Mô đơn Điều khiển, hay là Thuyền Mẹ Mother Ship), và Lunar Module (Lunar Excursion Module, viết tắt: L.E.M mô đơn đổ bộ xuống Mặt Trăng hay là: Mô đơn du lịch trên Mặt Trăng).

Công việc nguy hiểm bắt đầu. Hai người phi thuyền trưởng Thomas P. Stafford và pi lốt Eugene A. Cernan, chui vào cái hầm nổi từ chiếc Thuyền Mẹ qua chiếc LEM. Còn John W. Young thì ở lại trong chiếc Thuyền Mẹ để điều khiển chiếc thuyền này.

Stafford và Cernan tách chiếc LEM rời ra khỏi Thuyền Mẹ, và đây là lần đầu tiên trong Lịch sử, hai phi thuyền đều có người



Chiếc LEM (hình giống như con rệp), đang tách rời khỏi Thuyền Mẹ, bay gần đến Mặt Trăng.

ngồi trong, đều bay tiêng rế chung quanh mặt Trăng.

Stafford và Cernan lái chiếc LEM vào một quỹ đạo Nguyệt cầu, bay thấp dần dần xuống chỉ còn cách mặt Trăng 15 kilômét. Hai người tha hồ nhìn thật rõ vào mặt Trăng, cũng như một chiếc phi cơ của ta bay sát thấp xuống mặt đất, chỉ còn cách mặt đất 15 cây số vậy.

Nhưng chiếc LEM của Apollo 10 không đổ bộ xuống mặt Trăng. Cái vinh dự đó để dành cho Apollo 11. (Chiếc LEM của

Apollo 11 sẽ thực sự đổ bộ xuống mặt Trăng trong tháng 7 tới) Nhiệm vụ của chiếc LEM Apollo 10, là chỉ bay gần sát Mặt Trăng 15 kilômét, để quan sát và chụp hình hai địa điểm trên mặt Trăng mà hai người Mỹ sẽ đổ bộ, trong chiếc LEM tương tự của Apollo 11.

Tuy chiếc LEM Apollo 10 không đổ bộ, nhưng Stafford và Cernan lái chiếc LEM này cũng phải sắp đặt một cuộc đổ bộ giả, để thực tập về các phương tiện đổ bộ thật sự, và xem xét tỉ mỉ

và đích xác những cách thức cần phải áp dụng lúc lái chiếc LEM từ giả mặt Trăng, để trở về với Thuyền Mẹ. Vì trong khi chiếc LEM bay gần sát mặt Trăng 15 kilômét để quan sát và chụp hình (Apollo 10) cũng như khi chiếc LEM sẽ đổ bộ và hai người Mỹ sẽ công tác xong trong 2 ngày ở trên Mặt Trăng (Apollo 11), thì chiếc Thuyền Mẹ vẫn cứ đơn phương bay vù vù chung quanh mặt Trăng, (với một phi hành gia ngồi điều khiển ở trong), để chờ đón chiếc LEM. Cũng như bà Mẹ chạy quanh đó để coi chừng đứa con. Xong công tác, Stafford và Cernan lái chiếc LEM con bay đón đường Thuyền Mẹ trong Quỹ đạo mặt Trăng, để ghép vào Thuyền Mẹ. Hai người lại chui qua cái hầm nối từ chiếc LEM con qua chiếc

TENMIL

TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM ★ NGON ★ NGỌT

Thuyền Mẹ, nơi đây họ gặp lại chàng Young.

— Thế rồi hai mẹ con Lơ-LEM cùng nhau trở về Mặt Đất hả Minh?

— Không. Lơ-LEM lại bị tách rời ra, và bị bỏ lại một mình, bơ vơ trong Quỹ đạo mặt Trăng..

—Ồ! Sao thế, Minh? Sao thuyền Mẹ không đem nó về Quả Đất?

— Về cái trần gian gió bụi này, chỉ vương vãi Thuyền Mẹ, có ích gì đâu.

— Bỏ nó lại trong Quỹ đạo mặt Trăng, nó sẽ làm gì?

— Nó sẽ bị sức hút của trọng tâm Nguyệt cầu thu hút nó rơi xuống mặt Trăng. Nó sẽ làm món đồ chơi cho Chú Cuội.

— Rồi qua tháng 7, Apollo 11 lên Trăng sẽ lấy LEM ở đâu để đổ bộ?

— Sẽ có LEM khác chứ.

— Còn chiếc Thuyền Mẹ trở về Địa cầu cách nào?

— Thuyền Mẹ, trong đó có đủ 3 phi hành gia, còn ở lại «cua» 15 vòng nữa chung quanh Mặt Trăng, nghĩa là trong 30 giờ đồng hồ, để quan sát bổ túc, Stafford và Cernan còn phải thí nghiệm vài ba điểm đo lường Khoa học về cơ cấu của Mặt Trăng, và các hiện tượng thu hút trọng tâm gần Mặt Trăng.

Sau khi ở trong quỹ đạo của Trăng hai ngày rưỡi nữa, nghĩa là còn bay 31 vòng chung quanh Trăng, các phi hành gia lại sử dụng hệ thống S.P.S. (Service Propulsion System) để tăng gia tốc lực phi thuyền đến 8 800 kilômét giờ để thoát ly ra khỏi vùng thu hút của Hằng Nga Ngọc Nữ.

Phi thuyền Apollo 10 còn phải bay hai ngày rưỡi trong khoảng không gian đen tối như mực của vũ trụ Liên hành tinh, rồi mới gặp lại sức hút của trọng tâm Địa cầu. Sức thu hút này lôi phi

thuyền bay đến tốc độ 40.000 ki lô mét giờ, với sức nóng ngoài phi thuyền 2.300 C, vì chạm mạnh vào không khí của Địa cầu.

— Vậy thì 3 phi hành gia ở trong đó bị chết cháy còn gì?

— Không, họ có hệ thống duy trì nhiệt độ ở bên trong phi thuyền, cũng mát như trong phòng khách có máy lạnh. Và phi thuyền đáp xuống Thái Bình Dương cách 1.600 Kilômét phía Tây Nam đảo Hawaii.

— Tổng cộng khứ hồi từ Đất lên Trăng và từ Trăng về Đất có đến mấy vạn cây số không hành nhĩ?

— Cuộc du lịch của Apollo 10 gồm hơn 1.000.000 Kilômét, và lâu trong 8 ngày.

— Đúng ngày nào thì Apollo 11 sẽ đổ bộ thật sự xuống Mặt Trăng hả Minh?

— Đúng ngày 20 tháng 7-1969.

MÌNH ƠI

— Họ có cho biết trước danh sách 3 người Mỹ sẽ đổ bộ xuống Mặt Trăng lần đầu tiên đó không Minh ?

— Neil Armstrong, Michael Collins và Edwin Aldrin.

— Còn 1 tháng 20 ngày nữa. Để xem ra sao, Minh nhỉ.

Bà Tú âu yếm dỗ ông Tú dậy :

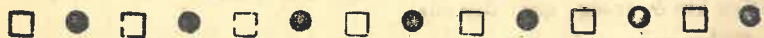
— Thôi Minh đi tắm. 3 giờ

rồi. Em đã nấu chè đậu xanh. Minh tắm xong ăn chè rồi đi làm. nhé cưng !

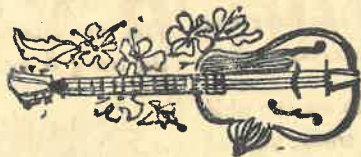
— Anh muốn uống 1 ly cà phê đá cơ.

— Vâng, có cà phê đá sẵn rồi đây, thưa ông Tú không nhé, của em ạ.

Diệu Huyền



Bài Hồ Xuân-Hương
Xin gác tại số báo sau



PARIS

*Dưới mắt một
du khách V.N.*

Khảo sát viên máy hơi nước

(Tiếp theo P.T 223)

Mở mắt ra, tôi thấy một ánh sáng lơ mơ trong phòng. lật đặt tuột xuống giường và kéo màn ở cửa sổ. Làn gió xuân thoảng qua, tôi cảm thấy mát mẻ và vui vẻ khác thường.

Một ánh sáng tươi dịu tỏa lên nóc nhà thờ Notre Dame des Champs và tòa nhà kế cận mà căn mặt đất, 83 đại lộ Montparnasse, vừa là một quán cơm vừa là một nơi hội họp của các văn nghệ sĩ. Trên cửa cái của căn nhà ấy có treo một tấm bảng to lớn đề : Trung tâm Montparnasse. Muốn ghi tên nơi đây đương sự phải trình thẻ căn cước và đóng 200 quan mỗi năm. Giá mỗi món ăn của Trung tâm rẻ hơn các nhà hàng khác ít nhất là vài chục quan. Bầu không khí ở đó rất là vui vẻ và thân mật, thành thử các hội viên ngoại quốc đều có cảm tưởng không bị bơ vơ và lẻ loi giữa Paris hoa lệ.

Mỗi năm Trung tâm ấy có tổ chức một đêm dạ hội mà sự ồn ào và những trò lố lăng diễn ra ngoài phố, khiến cho dân

Montparnasse khó quên được.

Trước mặt tôi, một thanh niên tay ôm tấm cát tông, ăn mặc lôi thôi, đi thủng thính như một người vô tư lự và quẹo vào Grande Chaumière (1), một viện dạy hội họa nổi tiếng khắp Âu Mỹ. Vừa bước vào khỏi cửa Grande Chaumière, người ta thấy một người đàn bà khỏa thân ngồi dưới ánh đèn như một pho tượng ; phía dưới vài chục sinh viên nhìn nàng từng nét một và vẽ.

Ngoài Grande Chaumière ra, còn có nhiều viện dạy hội họa nữa như viện Notre Dame des Champs (2), viện Szabo (3) v.v...

Các họa sĩ lừng danh trên thế giới như Picasso, Van Dongen,

- (1) Académie de la Grande Chaumière, 14 Rue de la Grande Chaumière.
- (2) Académie Notre Dame des Champs, 58 rue Notre Dame des Champs, 58 rue Notre Paris VI.
- (3) Académie SZABO, 22 rue Delambre Paris VI.

Modigliani, Utrillo v.v... đều có ăn dầm nằm dề ở Montparnasse. Khi chán xóm này, họ vượt qua sông Seine và lên đóng đô ở Montmartre. Lắm họa sĩ hồi còn sanh thời rất là nghèo khổ, bữa đói bữa no, đem tranh bán mà không có người mua ; rồi khi họ qua đời, tranh của họ vụt lên giá một cách khó tưởng tượng được. Modigliani ở trong trường hợp đó ; hiện thời tranh của chàng bán không dưới vài triệu quan mỗi tấm.

Montparnasse được coi như một thiên đường họa sĩ. Các họa sĩ trên hoàn cầu đều muốn đến đó thở không khí tự do, sống với Cà phê — Croissant giữa các bạn đồng nghiệp Pháp cũng say mê nghệ thuật như họ vậy.

Sau bữa điếm tâm, tôi xuống đại lộ Montparnasse, dừng chân trước mặt một anh bán báo, do dự không biết mua tờ báo nào vì các đại nhật báo như Le Journal, Le Matin, Le petit Parisien v.v., mà tôi thường đọc trước thế chiến đều mất tích. Tại sao ?

Trong thế chiến thứ nhì, nước Pháp bị quân đội Hitler chiếm đóng ; các nhật báo kể trên xuất bản dưới chế độ quân thù, đều bị coi là những tờ báo Pháp gian, nên bị những tổ chức kháng chiến tấn công khi xảy ra cuộc giải phóng Paris ; tòa soạn và nhà in của chúng đều bị các tờ báo kháng chiến như *L'humanité*, *Le Combat*, *Le Parisien Libéré* v.v... chiếm. Còn các ký giả Pháp gian thì đều bị tù hoặc bị xử tử.

Đề tiêu diệt các cơ quan ngôn luận phản quốc, chánh phủ lâm thời De Gaulle ban hành hai sắc lệnh ngày 30-9-44 và ngày 17-12-1945 cấm sử dụng tên cá báo đã xuất bản dưới thời kỳ Đức thuộc.

Ngày này, ở Paris chỉ còn còn có hai tờ như tờ báo tiền chiến sống sót là *L'humanité* và *Figaro*.

L'humanité, cơ quan của đảng Cộng sản, là một trong những bảy mươi bảy tờ báo bị

mật xuất bản trong thời kỳ kháng chiến mà số mật thám Đức Gestapo ghét nhất. Hề cộng tác viên của L'humanité bị bắt thì liền bị Gestapo xử tử như Gabriel Péri chẳng hạn.

Trường hợp của Figaro thì khác. Năm 1940 trước sự tiến nhanh của quân đội Hitler, phần nhiều các báo ở Paris đều rời thủ đô theo chính phủ Pháp dời về miền Nam nước Pháp.

Trong lúc bà Cotnareau, chủ nhân Figaro, tỵ nạn ở ngoại quốc, Figaro chạy xuống Lyon, tái bản và tự đóng cửa vì không chịu cộng tác với người Đức khi quân đội Hitler chiếm cứ khu vực tự do chính phủ Thống chế Pétain cai trị.

Hiện thời Figaro là một đại nhật báo ở Paris, xuất bản mỗi ngày trên 500.000 số. Cũng như các nhật báo khác; giá mỗi số là 15 quan. Nếu so sánh giá nay với giá tiền chiến là 25 xu, một độc giả hậu chiến trả 60 lần nhiều hơn một độc giả tiền chiến.

Tôi mua một tờ báo, dở ra

thấy mấy hàng chữ lớn như vậy :

Tổng đình công 48 giờ.

Ngành chở chuyên công cộng Paris :

a) Xe điện ngầm : hoạt động lại rồi.

b) Ô tô buýt : vài chiếc chạy.

Sau này, tôi có gặp được hai anh thợ kỹ của Lực lượng thợ thuyền vùng Paris là René Patoux và Darmagua, họ cho tôi biết rằng có 80 0/0 công nhân đã tuân lệnh tổng đình công, còn 20 0/0 thì đi làm như thường lệ. Các tổng công đoàn không có quyền bắt buộc 20 0/0 kia ở nhà vì người Pháp sống dưới chế độ dân chủ, và sự tự do cá nhân phải được phe mạnh tôn trọng.

Ở Pháp có hai thứ đình công : đình công xây vắn và tổng đình công.

— Đình công xây vắn là đình công do lệnh riêng của nghiệp

đoàn hết nghiệp đoàn này đình công đến nghiệp đoàn khác... Tổng đình công do các tổng công đoàn ra lệnh; là một thứ khí giới nguyên tử của thợ thuyền, làm tê liệt tất cả các ngành hoạt động và gây thiệt hại nặng nề cho nền tài chính quốc gia, nên thường đạt được mau lẹ nhiều kết quả khả quan.

Trước khi hạ lệnh tổng đình công, các tổng công đoàn cùng nhau hội họp, cứu xét, cân nhắc kỹ lưỡng sự thành công cũng như sự thất bại của nó.

Mục đích của đình công và của tổng đình công đầu là yêu cầu tăng lương.

Nếu dở bản đồ Paris ra thì người ta thấy có nhiều lần mực đỏ nổi với các điểm đen và chẳng chịt khắp cùng như một lưới nhện : ấy là những đường xe dện tục kêu là Métro (Métropolitain).

Trong thế kỷ thứ mười chín Paris trở nên thủ đô của một đế quốc, của một nền thương mại và

kỹ nghệ, nên dân số tăng lên gấp bội. Để di chuyển đó đây, dân Paris đi bằng xe ngựa, xe điện... nhưng các thứ xe này không thể chở được nhiều hàng khách mà lại phải chạy chậm chậm hoặc ngừng nhiều lần, nhất là trong những giờ đông đúc, trên các con đường chật hẹp ở trung tâm Paris. Vì vậy, sự lưu thông ở Ba lê trở thành một vấn đề quan trọng mà các nhà cầm quyền cố tìm phương giải quyết. Thoạt tiên người ta nghĩ đến xe lửa, vì nó vừa chạy mau vừa chở được nhiều hành khách; và có hai kế hoạch được đưa ra. Cái thứ nhất là xe lửa chạy trên cầu cạn nhưng dân chúng phản đối, viện lẽ rằng khói và tro của nó làm mất vệ sinh, và cầu cạn coi xấu xí và giảm vẻ đẹp của Paris; cái thứ nhì là thiết lập đường xe lửa dưới đất nhưng khói xe làm ngộp hành khách. Vì vậy hai kế hoạch ấy đều bị bỏ rơi. Mãi đến gần đầu thế kỷ thứ 20, sau khi Luân đôn và Nữu ước đều có Métro, người ta mới bắt đầu đào hang ở Paris để thiết lập con

đường xe lửa ngầm chạy từ Porte Maillot đến Porte de Vincennes. Ngày 19-7-1900 con đường ấy được khánh thành và, từ Porte Maillot đến Porte de Vincennes, Métro chỉ chạy có 25 phút, còn xe điện phải mất một giờ rưỡi. Thấy Métro vừa chở được nhiều hành khách vừa chạy mau, người ta liền làm thêm hai khúc đường xe điện ngầm nữa là Étoile Dauphiné và Étoile Trocadéro, và hai khúc đường này được hoàn thành trong vòng vài tháng sau.

Năm 1900, tổng số chiều dài của đường xe điện ngầm là mười kilômét và tổng số trạm xe là 18.

Hiện thời Métro gồm hai hệ thống đường : hệ thống thành thị và hệ thống ngoại ô.

Hệ thống thành thị gồm 14 con đường 179 kilômét và 284 trạm. Trong 284 trạm ấy, có trạm Franklin D. Roosevelt ở thông lộ Champ Élysées là đẹp nhất. Ánh đèn mát mắt ; các gian hàng đều ngoạn mục : quần áo, sách

vở, báo đều được sắp đặt có thứ tự và đẹp đẽ ; các tấm quảng cáo làm bằng kính màu sắc sỡ khiến cho hành khách ngắm xem không muốn thôi.

Chiều dài của mỗi khúc đường giữa hai trạm là dưới 500 thước thành thử mỗi xóm ở Paris đều có vài trạm Métro. Thật là một điều rất tiện cho dân chúng đi đó đây biết mấy.

Hệ thống ngoại ô gồm có mười con đường 17.500 kilômét và 23 trạm.

Ngoài hai hệ thống ấy, còn có một con đường Métro được coi là trẻ trung và trí thức nhất của nước Pháp : ấy là con đường Sceaux. Nó có tất cả 17 trạm, nối liền khu Latin với các xóm phía Nam Paris, qua gần trú khu đại học và cư xá Jean Zay. Ra khỏi hai nơi đây, sinh viên liền có Métro để đến Viện đại học Paris, Tiện quá !

Mỗi sớm mai, đúng 5 giờ rưỡi, các trạm Métro đều mở cửa ; dân Paris hết làm chim ngủ trên lầu, trở thành chuột chui xuống hang,

rồi đứng nổi đuôi mua vé và trào lên tuột xuống các nấc thang mau lẹ như khi trên nhàn. Khi họ thấy cửa tự động của Métro khép lẩn lẩn lại trước khi xe đến trạm họ lật đặt thúc bước và lướt qua khỏi cửa như một luồng gió. Những người chậm chạp ; buộc lòng phải đợi, nhưng không lâu, chỉ lẩn chừng một phút rưỡi trong các giờ đông đúc 7g30—9g.17g.19g30) và vài phút trong những giờ khác.

Mỗi ngày, trung bình Métro chở được bốn triệu người—mùa đông 4 triệu rưỡi—và nhà nước

thâu được lổn chừng 100 triệu quan.

Chưa ra những giờ nghỉ làm việc của Métro (1g-5g 30), đời sống dưới Paris rất là nhộn nhịp ; ồ ồ xe tới và chạy ; kẻ vượt qua dưới sông Seine mà không hay, người đứng cách mặt đất 3 thước mà không dè, người lại thấy ba xe chạy ở trên ba tầng lầu khác nhau.

Mau, rẻ tiền, và không tai nạn ; ấy là những điểm thành công rực rỡ của Métro.



LỚP NHẠC FLAMENCO

— Lớp nhạc căn bản của các bạn yêu nghệ thuật.

... Thời gian ngắn, kết quả mỹ mãn.

do G.S. Đào Kim tốt nghiệp trường Q.G.Á.N, hướng dẫn.

Ghi tên : 205/1 Cô Giang -- Phú Nhuận



Ai ? Những ai ?

● LÊ-VĂN-HUY, và một nhóm Sinh viên. Saigon.

Những lời dưới đây, xin các bạn coi như là tiêu biểu cho ý kiến của số đông sinh viên chúng tôi, chứ không phải của riêng một vài cá nhân. Ý kiến đó có thể tóm tắt tất cả sự ngao ngáo, sự chán nản, của các giới tuổi trẻ có đôi chút ý thức về tình thần trụy lạc và bẽ bối cực

điểm của số đông thanh niên hôm nay.

Chúng tôi không ngại gì mà không nói thẳng ra rằng lớp trẻ ấy là sản phẩm của một xã hội bị «Mỹ hóa» một phần lớn, và bị chiến tranh xâm lăng tàn phá do Cộng sản gây ra,

Chúng tôi nói : bị «Mỹ hóa», vì người Mỹ đã nhập cảng vào miền Nam chúng ta một số phong trào xấu xa Beatniks, Happy, phim cao bồi, phim dâm dục, nhạc kích động v.v... đầu độc tinh thần tuổi trẻ không ít. Chúng tôi cũng nói : «bị chiến tranh Cộng sản», vì chiến tranh này, ai cũng biết rằng do Cộng sản gây ra. Tình trạng chiến tranh này tạo ra một sự xáo trộn trầm trọng về văn hóa, xã hội, Kinh tế, gia đình, học đường.

Bây giờ muốn «khương kiện hóa» tuổi trẻ của thời thì phải cách mạng tất cả, cách mạng toàn diện. Một vài cái cách nguyên tắc về một vài khía cạnh, đã không đem lại hiệu quả nào khả quan cả.

Nhưng Ai, hay là Những ai, đứng ra cõ võ cuộc cách mạng quét cường toàn diện đó ?

Theo nhận xét thực tế của sinh viên chúng tôi, thì nhà cầm quyền chính trị và hành chánh hiện nay mặc dầu đã cố gắng với nhiều thiện chí, nhưng chẳng thành công được chút nào. Vì

họ làm việc theo lối công thức, không một chút thông cảm với tuổi trẻ, — có thể nói là họ không hiểu gì về thực trạng của tuổi trẻ chúng ta.

Chúng tôi muốn đặt vấn đề với một số nhà trí thức có uy tín đối với thế hệ chúng tôi (như Bác N.V., nhà thơ, nhà văn, nhà cách mạng quốc gia chân chính, có tư tưởng tự do, tiến bộ), nhưng xin nói thật : chúng tôi rất e ngại Hình như các bậc đàn Anh đáng tin nhiệm ấy cũng không mấy sẵn sàng ra tay hoạt động (vì lẽ gì ?) Vậy thì ai, hay là những ai sẽ hướng dẫn thế hệ bẽ bối, chán nản này; qua giai đoạn khủng hoảng tinh thần trầm trọng ?

Hay là đành để mặc tuổi trẻ hôm nay buông trôi theo giòng... định mệnh ???

Chúng tôi xin đặt câu hỏi, chờ các bạn trả lời,

— Lê văn Huy

— Bảo Phương

— Trần thạch Khoa
(Sài Gòn)

Sách Báo Nhi Đồng S.O.S.

★ HUYỀN-NGA
(Tân-dịnh)

Tôi xin góp lời với quý Bà Trần Tuyết Mai. Lê thanh Tâm, v.v... đăng trong Phở Thông số kỳ rồi về những tai hại của các loại «sách báo nhi đồng». Vâng, đúng thể ă. Chúng tôi cũng thường xuyên kiểm soát các cháu trong gia đình chúng tôi về các loại sách báo, tiểu thuyết của các cháu đọc, nhưng các cháu vẫn mua lén, hoặc mượn của bạn bè, nhiều thứ sách báo rất nhảm nhí, rất tai hại cho việc giáo dục của chúng.

Sách báo ấy được chính phủ cho phép bán tự do, thì làm sao chúng ta cấm tiệt được con cháu đừng mua coi ? Chúng ta dù lo sợ cho con cháu bị các ông bà «vấn sĩ» (1) đầu độc tinh thần, nhưng thuốc độc bán đầy nơi đầu đường xó chợ, chúng ta không cho tiền mua thì các cháu

cũng lén mượn đọc. Không dám đọc ở nhà, thì chúng đọc ở ngay nơi sân trường, hoặc cả trong lớp học, ai mà kiểm soát nổi ? Chúng tôi hết sức lo lắng về vấn đề này.

Tôi rất tán thành ý kiến của quý bà đã đăng trong Phở Thông, là quyền báo lãnh mạnh nhất hiện nay, và có uy tín nhất với độc giả. Dám mong nhà thi sĩ kiêm Giám đốc tạp chí Phở Thông hãy lên tiếng kịch liệt đòi hỏi các cấp lãnh đạo Quốc Gia phải dùng biện

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỪNG ĐAU
VÀ LỞ LOÉT BAO TỬ

110

pháp nào chặn đứng phong trào sách, báo, tiểu thuyết nhảm nhí, khiêu dâm, dốt sóng mới, hip pi, cao bồi, v.v... đòi phong bãi tục, đầu độc tinh thần thanh thiếu niên, nhi đồng ở xứ ta.

Thành thật mà nói, thì chúng tôi cũng chỉ biết hy vọng nơi quý ông mà thôi, chỉ tin tưởng nơi tiếng nói có giá trị của quý ông, ngoài ra chúng tôi còn biết kêu ai được nữa ?

Thưa ông Nguyễn Vỹ, chúng

tôi chỉ biết kêu một tiếng : S.O.S. cho thể hệ thiếu nhi Việt Nam hiện nay, xin ông lưu ý đề cứu vớt hàng triệu thiếu niên nhi đồng V.N. đang bị đắm chìm trong ao tù văn chương bùn lầy dơ bẩn.

Tin tưởng nơi Ông. Một nữ độc giả thân ái kính chào ông.

HUYỀN-NGA

Hai Bà Trưng Tân Định



lời đọc

Ngục Tối Của Lòng Minh

truyện dài LAN-ĐÌNH
ĐỜI MỚI xuất bản

Tình Quê

★ NGUYỄN MẬU LÂM ★

(Truyện ngắn trúng giải thưởng Văn nghệ năm 1967,
do Thiếu Tướng Tổng ủy viên Thông Tin Chiêu Hồi tổ chức,
trao tặng)

Chiếc máy bay của Hãng Hàng Không Việt Nam đang quàng một vòng trên không phận Đà Nẵng rồi từ từ đáp xuống phi trường. Ánh nắng ban mai mát dịu làm Linh cảm thấy nhẹ nhàng khoan khoái. Đã gần một năm nay, chàng sống xa gia đình, hôm nay là lần đầu tiên chàng được đặt chân về trên mảnh đất quê hương, lòng chàng rộn lên một niềm vui khó tả. Vội vã với chiếc Cartable trên tay, chàng bước xuống tàu. Nhìn đồng hồ mới chỉ 8 giờ hơn, chàng lẩm bầm: «Thế nào nội trong chiều nay mình cũng sẽ có mặt ở Đại Bình. Nhanh nhẹn, chàng bước

lên chiếc xe «Air Vietnam» rời khỏi phi trường, và sau đó chàng bước lên chiếc xe đồ chạy về Trúng Phước. Xe chạy không đầy 3 phút đã ra khỏi nội ô thành phố, qua ngã ba Huế, rồi tiến thẳng trên con đường đi Nam Phước. Ngồi trên xe nhìn ra cánh đồng lúa chạy dài theo con đường quốc lộ, nhưng bông lúa thơm mùi sữa mẹ làm chàng tăng thêm cảm giác say sưa và thích thú. Chàng sung sướng cất tiếng hát:

Ôi quê hương biết bao tình mến,
Ôi quê hương biết bao tình yêu
Tuy phương trời xa, nhưng
ta có bao giờ quên...

TÌNH QUÊ

Chàng nhìn đến rừng tre xanh ngất lạng ngả mình trên dòng nước chảy, những con cò trắng đang nhẹ nhàng vỗ cánh bay về tận phương trời xa vô tận, tất cả đều là hình ảnh quen thuộc và mến yêu. Chàng nhớ lại một buổi xưa kia trong cuộc tiễn đưa tại bến đò Trung Phước mẹ chàng đã lên tiếng dặn dò:»

— Con vào đến nơi nhớ gửi hơi về mẹ, đừng quên quê hương con nhé. Quê hương ta tuy nghèo khó, nhưng đời nó đã từng có mẹ có con.

Và, mấy đứa em nhỏ của chàng cũng nhiều lần vậy hay khi chiếc đò từ từ rời bến.

— Nhớ bọn em nghe anh Linh.

Bao nhiêu lời thấm thiết dần dần hiện ra trong trí óc chàng. Chàng có quên sao được những ngày vui sống bên nhau với mẹ với con, vườn rau luống cải, với đàn em nhí nhảnh cười đùa. Một thời gian qua, chàng đã theo tiếng gọi của quê hương, chàng đã há g hái xung phong vào trường Võ bị Quốc gia hủ Đức,

để rồi hôm nay chàng được ra trường với vinh dự trên vai cấp bậc Chuẩn úy. Chàng tự thấy hành diện với bộ quân phục trong mình: Chàng làm tròn được bổn phận của một người sinh viên sĩ quan. Chàng rất vui lòng và mãn nguyện vì chàng đã biết chắc rồi đây chàng cũng sẽ đóng góp một phần không nhỏ trong công cuộc bình định nông thôn tái thiết xứ sở.

Nghĩ đến đây, Linh tự nhiên thấy nao nức trong lòng một nguồn ước vọng vô biên. Xe chạy đến 11 giờ trưa thì đến Nam Phước, một thị trấn nhỏ hẹp thuộc Quận Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Xe đỗ ở bến, chàng đi thẳng vào một quán nhỏ ăn qua loa vài tô mì, rồi tiếp tục lên xe đi về Trung Phước. Đường đi từ Nam Phước lên Trung Phước thật rất vất vả. Hành khách trên xe phải thấy mệt nhọc mỗi lần xe phải trèo qua những đoạn đường gồ ghề khúc khuỷu. Có lần lúc phải rùng mình khi chiếc xe nghiêng qua nghiêng lại bên cạnh sườn núi cheo leo

TÌNH QUÊ

đặt đồ. Xe chạy cứ chừng 5 cây số thì lại gặp một trạm kiểm soát của những anh em chiến sĩ áo đen »Dân vệ địa phương«. Nhìn những gương mặt rắn rỏi của những anh em lính địa phương giữa những khoản đường đầy đồi núi hoang vu chàng không khỏi thần phục cái tinh thần dũng cảm với đức tính hy sinh chịu đựng gian khổ của những anh em chiến sĩ áo đen này.

Qua khỏi triển núi chàng nhún xuống giòng sông Thu Bồn như con rắn dài không lồ đang uốn mình theo dãy núi dâu xanh ngắt chạy về phía chân trời xa thăm thẳm. Chàng khe khẽ ngâm nga :

— Ông Thu Bồn, bờ dâu xanh ngắt,

Nước Thu Bồn trong vắt lơ thơ»

Thật êm dịu đẹp để làm sao. Chàng nhớ lại nơi đây đã từng dẹt lại bao nhiêu tuổi mộng yêu đương giữa những chàng trai thời chiến và những nàng con gái bến sông Thu. Người con

gái sông Thu có tiếng đẹp nhất ở tỉnh Quảng Nam, nhưng họ có một tinh thần cao thượng là họ rất yêu những chàng chiến sĩ. Vì thế những anh chàng chiến sĩ nào được cái điểm phúc được những cô gái sông Thu đề ý đến thì tha hồ được họ chiều chuộng. Chàng tự nhủ : Biết đâu rồi mình cũng sẽ được điểm phúc đó.

Linh đang say sưa trong những hình ảnh đẹp ở quê nhà, thì xe đến Trung-Phước lúc nào chàng không biết. Nhìn đồng hồ chàng đã thấy 3g30. Chàng vội vã bước xuống xe. Nơi đây chợ làng Trung Phước tuy nhỏ hẹp, nhưng người buôn bán rất đông đúc.

Nhìn qua những dãy quán hai bên đường, chàng đã thấy bộ mặt ở đây đã thay đổi rất nhiều. Trước kia hai bên này toàn là quán bằng tranh, bây giờ đã lợp ngói cả rồi. Chàng ngỡ ngàng rất nhiều trước cuộc sống của dân làng này. Nhanh nhẹn, chàng xách Cartable qua một ngõ hẻm đi qua sông đề



qua dò về nhà. Nhà chàng ở bên kia sông thuộc làng Đại Bình, đối diện với làng Trung Phước. Làng Đại Bình kể ra rất đẹp và nên thơ vì nằm sát ngay bờ sông chảy xuống Thu Bồn. Nơi đây

rất nhiều trái cây cam, quýt, bưởi, dọc theo bờ sông có trồng dâu và bắp. Chiều chiều có những cô thôn nữ ra gánh nước, hái dâu hoặc bẻ bắp bên bờ sông, phong cảnh có vẻ hữu tình và ngoạn

mục.

Linh vừa qua khỏi đồ thì gặp ngay những cô gái hàng xóm đang gánh nước kêu to :

— A anh Linh về kia kìa. Lập tức mấy cô bỏ gánh chạy lại, vây quanh hỏi thăm rồi rít. Các cô nhìn Linh trân trối :

— Chà anh Linh lúc này trông rắn rỏi : khỏe mạnh hơn lúc ở nhà mà lại có vẻ đẹp trai nữa chứ. Một cô khác nói :

— Lúc này là sĩ quan rồi ; bọn mình phải kêu là ông quan chứ sao lại cứ gọi là anh Linh hoài. Mà quên... ông quan đây còn bà quan đâu rồi. Linh mỉm cười đáp :

— Bà quan còn ở xa xôi lắm. Mấy cô nàng cũng vui vẻ :

— Non cao đất rộng, bà quan biết phải tìm nơi mô. phải không anh Linh ? Cả bọn phá lên cười. Lũ trẻ đang vui đùa với nhau nghe tiếng reo cười vội bỏ cuộc chơi chạy lại vây quanh Linh

mừng rồi rít.

Một lát sau, tin Linh về đã được truyền đi nhanh chóng. Bà Tư, mẹ Linh cũng lật đật ra đón Linh, theo sau là ba đứa em của Linh ; một cô gái chừng 15 tuổi, 2 cậu trai, cậu lớn độ 14 tuổi và cậu nhỏ hơn hết ước độ 12 tuổi. Chàng sung sướng nghẹn ngào nắm tay mẹ.

— Mẹ, mẹ mạnh giỏi chứ ?

Bà Tư năm nay đã ngoài 50 tuổi, nhưng vẫn còn khỏe mạnh. Bà nhìn Linh nói :

— Con đã ra trường rồi hả con ? Đã đỗ đạt gì chưa ?

— Thừa mẹ, con vừa ra trường với cấp bậc Chuẩn úy.

— Chuẩn úy hả con. Mẹ mừng cho con đấy. Rồi đây con

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

còn hiu hắt lại nữa, mẹ rất hài lòng.

Mấy mẹ con Linh vui vẻ dắt tay về nhà. Nhà Linh nằm trên thửa đất rộng chừng bốn mẫu tây, cách bờ sông 300 thước. Xung quanh vườn có trồng cau, dừa, cam, quýt, bưởi v.v., các thứ cây ăn trái. Con chó đen đang nằm giữa sân nghe tiếng thì thảo phía bên ngoài liền nhảy chồm ra sủa, nhưng bà Tư liền lên tiếng hì nó lại nguây nguây bám sát heo Linh mừng rồi rít.



Một chốc Linh vào nhà thì bà

con hàng xóm lần lượt đến thăm đông chật nhà. Bà Nhung ôm chầm lấy Linh :

— Linh con, bà trông Linh hoài, bây giờ mới gặp con đây. Rồi bà quay sang nói với bà Tư :

— Nó lớn chừng nào giống ba nó y như đúc. À mà quên, lúc này nó đã làm đến chức gì vậy bà ?

Bà Tư ôn tồn đáp :

— Nó vừa ra trường được Chuẩn úy.

— Chuẩn úy hả, mấy ra trường cầm quân đánh giặc nhớ trả thù cho Ba đấy nhé. Linh cúi người nhìn lên bàn thờ, chiếc di ảnh của cha chàng còn đó. Chàng nhớ lại 2 năm trước đây trong một buổi đêm đông lạnh lẽo bọn V.C. đã man dã vào nhà bắt cha chàng mang đi rồi hạ sát. Chàng cảm

Neurotonic

BỒ OC
THÊM TRÍ NHỚ



thấy rờn rợn trong người và oán thù bọn Việt Cộng, mặt chàng đỏ bừng, 2 mắt chớp lia lia... Hình như đoán được ý nghĩ đau buồn của Linh về cái chết của cha chàng 2 năm về trước, bà Nhung vội nói sang chuyện khác.

— Linh về chắc mấy đứa con tôi ở bên nhà tôi chưa hay biết gì cả đề tôi về tôi tin cho bọn nó hay đề qua mừng. Tôi nghiệp bọn nó cứ nhắc Linh hoài.

Nói xong bà Nhung lại lặng bước ra cửa.

Tối hôm ấy.. Cảnh nhà của Linh khá: hân mọi hôm. Chiếc đèn măng sông được treo hẳn giữa trần nhà, ánh sáng tỏa ra tận ngoài sân làm tăng thêm cảnh vui ở nhà Linh hơn nữa. Ngồi trên chiếc đi văng cũ kỹ, bà Tư vừa nhai trầu bồm bồm vừa nói chuyện với mấy bà hàng xóm về mặt tươi cười đặc ý, Còn Linh thì đang ngồi hầu chuyện với mấy cụ bô lão và mấy người nông dân cùng làng. Họ vui vẻ hỏi thăm Linh về mức sống ở

Sa'go về sự sinh hoạt của Linh trong quân ngũ. Linh lễ phép đáp từng câu hỏi của từng người một. Mọi người cũng không quên kể chuyện cho Linh nghe những biến cố hồi tháng 4, khi VC về cướp bóc dân làng. Ông Hương Tư bằng một giọng chậm rãi :

— Này Linh, bọn VC hân tham lam tàn ác, nhưng hân nhất gan như thỏ, kỳ đó hân về cướp lúa xóm trên, bắt heo bắt gà, nhưng khi quân đội Quốc gia đến thì hân chạy có khối, mạnh ai nấy chạy, còn một số chạy không kịp thì chết không kịp gập. Khi m liếng súng đồng bào mình kéo đến xem thì thấy xác chết bọn hân nằm ngòn ngang nào dẹt cao su, ống tiêu ống muối bỏ lại bừa bãi cả đường. Ông Hương Tư vừa nói đến đây thì mọi người phá lên cười khoái trí. Chị Cả Ướt người ít nói nhất lúc ấy cũng chen vào ;

— Giá lúc ấy có cậu Chuẩn út Linh này nữa thì bọn chúng cũng phải mất mạng nữa.

Linh mỉm cười đáp :

— Giá lúc ấy có cháu nữ thì cháu cũng cho bọn ấy một trận toi bời nữa.

Ông Lý nghe Linh nói vậy liền vỗ mạnh vào vai :

— Cậu Linh lúc này hăng hái quá xá, đâu còn yếu đuối như lúc ở nhà.

Bà Tư đáp :

Lúc này là lính rồi, đâu có cái chuyện học trò như ngày trước.

Ông xã Khâm nhìn lên khung ảnh ông tư trên chiếc bàn thờ nói lớn :

— Chị Tư như vậy là gia đình có phước lắm, anh Tư có mất đi bây giờ con anh đã làm tròn nên danh phận, như vậy bọn tôi rất mừng cho chị.

Bà Tư sung sướng đáp :

— Nhờ ơn trên phò hộ cho con tôi mạnh khỏe, trước đề trả nợ nước, sau thù nhà. Bà ngâm ngùi nói tiếp ; — Bọn VC tàn

ác, bà con tính hồi năm trước nó vào nhà bắt cha thằng Linh đem đi giết, tôi theo khóc lóc năn nỉ, nó chẳng động lòng, lại còn vác bần súng đánh vào đầu tôi nữa. Thật là quân tham bao.

Ông xã Khâm vừa phà xong khỏi thuốc nơi miệng, ông tiếp :

— Ai chứ tằng Linh, bọn tôi tin tưởng ở trong tương lai hẳn nhiều hẳn sẽ thành công trong cuộc đời quân ngũ, sẽ trả được thù nhà, nợ nước.

Linh cảm thấy sung sướng vì tất cả mọi người đã đặt để niềm tin nơi chàng bất giác chàng nói lớn :

— Con sẽ luôn luôn nghe lời dạy bảo của bà con cô bác, dù ngày mai con có đi xa ngàn vạn dặm, nhưng tình quê hương con vẫn giữ mãi ở lòng, con sẽ cố gắng làm tròn bổn phận mà bà con đã đặt lòng tin tưởng nơi con.

Đêm đã khuya.. ánh trăng hạ tuần vừa bắt đầu lộ dạng phía chân đông.

Giòng sông Thu Bồn vẫn im lìm phẳng lặng. Xa xa dãy núi Cà Tang như một bóng đen nhô lên giữa nền trời xanh thẳm.

Vài loạt súng ở phía đồn Nông Sơn nổ vang lên như để báo tin cho bọn giặc biết rằng lực lượng trong đồn lúc nào cũng sẵn sàng ứng phó. Mọi người cáo từ bà Tư ra về, Linh lễ phép đưa mọi người ra tận bờ sông và trở vào với một niềm vui thoải mái.

Chàng sung sướng nhủ thầm :

— Tình quê hương mật thiết đậm đà, Ta sẵn sàng vì quê, hy sinh đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ quê hương xứ sở.

NGUYỄN MẬU LÂM



Bến Nghé

«Con đường mòn»

của ông Giáo Sư PHẠM-KIM-VINH

dẫn lớp tuổi trẻ đi về đâu ?...

Thợ viết này vốn đã từng bị tiêu phí khá nhiều thì giờ về những «vụ» diễn thuyết. Và, cứ mỗi lần đi nghe các nhân vật «khả kính» diễn thuyết, là y như rằng, về nhà, phải nuốt tủy thuốc an thần, mà đầu óc vườn cứ u u mê mê như đóp lằm phải món «cháo lú Âm Phủ».

Hóa cho nên, lần này đến cái xác đi nghe ông Giáo sư Phạm kim Vinh, diễn thuyết, là tự nhiên phải có lý do «chiềng lằng» ngay rồi — Chiềng lằng rằng : «Sở dĩ thợ viết có mặt trong buổi diễn thuyết hôm đó — Không phải vì cái «mác» Giáo sư của ông Phạm kim Vinh. Cũng không phải vì cái đề tài — không lấy gì làm mới mẻ — ông ta đưa ra trong buổi nói chuyện — Mà, chính vì cái... danh nghĩa Nghiệp Đoàn ký giả Việt Nam, do quý ông Thanh Thương Hoàng, và Thanh Chiêu đứng ra tổ chức.

Theo ông Thanh Thương Hoàng : «Ông» diễn giả được

«bê» lên trong buổi nói chuyện này, không phải chỉ đơn thuần là một Giáo sư. «Ông» vốn xuất thân là một luật gia, tốt nghiệp Trường Đại Học luật khoa Saigon. Từng là giảng viên Trường Đại Học Quân sự... Hiện là Giáo sư trường... Tây Ta-Be. Và, «hiện» là ký giả trong... «đám» ký giả Đại nhật báo Chính Luận, chủ nhiệm Đặng văn Sung.v.v... và v.v...

Thợ viết, tuy không phải cái ca líp đứng dưới «trướng» Chính khứa lằng tự kiêm chủ Báo Đặng văn Sung. Nhưng, sau khi bắt được vài đường bực thom «thân thể, và sự nghiệp» của diễn giả, cũng bèn lấy làm một sự... lằng lằng lằm — ít ra, trong hòng ngũ ký giả, thỉnh thoảng, cũng cần cho lọt vào một vài anh khoa bảng, đề «thỉnh thoảng» bốc lên cho ăn nói. Nhờ đó, mấy ông lãnh tụ «Nghiệp Đoàn Thợ viết» mới có việc làm... quảng cáo ! Nhất là, đề cho bọn «khoa bảng» com thầy com cô bên ngoài

ngó vào, thấy lá con mắt — Xin lỗi ! Hòng ngũ ký giả «thiếu giống» gì khoa bảng ?

Ồi ! Phải chi, bên cạnh cái thành tích khoa bảng, ông ký giả Phạm kim Vinh lại có được thêm quả «bội tinh» của «nhà nước», to hơn cả quả bội tinh của ông nhà «ký giả người hùng» Thanh Chiêu nữa, thì lằng báo này... đẹp mặt biết mấy !..

Có điều, đáng tiếc buổi diễn thuyết đã được Ban Tổ chức tính toán khá kỹ, nhả đúng ngày Chúa nhật (11.5-69). Lúc mười giờ sáng — Giờ, những phân tử, dù được liệt vào thứ đại là : nhít, cũng đã ngủ gáy, và cũng đã đóp com tấm sáng, dễ sẵn sàng đi nghe diễn thuyết được rồi — Nhưng, thực tế lại phủ phàng àm sao !.. Cho đến 10 giờ thiếu 20 phút, thỉnh phòng trung tâm báo chí vẫn chỉ lơ thơ tờ liều buồn ngủ mành... Đại diện Ban tổ chức Thanh Chiêu phải lên máy «vi âm» giao hẹn với quan khách, rằng chờ thêm 15 phút nữa.

Tức là thay vì 10 giờ khai mạc, thì 10 giờ 15 mới có thể khai mạc được.

May mắn, nhờ có nhóm Nam Nữ Hướng Đạo kéo đến lấp kín được khá nhiều hàng ghế trống Nhưng, cuối cùng, khi phát pháo khai mạc, vườn còn ế tới ba, bốn hàng ghế k ông có khứa.

Trên hàng «thượng khách» danh dự vẫn vẹn được hai cụ «hượng» — không có «hượng người nhà» Đặng văn Sung — với hai quý vị trong Tổng Hội Hướng Đạo.

Đại diện «nhà nước» — Nếu nói là không được mời, thì vô lý ! Vì, không mời «nhà nước», lấy ai ký giấy phép cho ? — Bởi vậy, cái chắc, là «nhà nước» có được mời, nhưng không có vị «nhà nước» nào thêm đến !

Đề tài cuộc diễn thuyết : «Thử tìm một đường lối thoát thích hợp cho thanh thiếu niên» : — Một vấn đề,

ti eo sự hiểu ngầm của thợ viết, báo chí đã tốn khá nhiều giấy mực, thâu lượm cả 1001 ý kiến với 1001 lời thoát rất hay ho. Nhưng khi áp dụng vào thực tế thấy trật lắt!

Ông Phạm kim Vinh, nếu có vô ngục tự hào rằng: Tất cả những khía cạnh ông đưa ra không phải chỉ là lý thuyết. Mà ông còn có cả một quá trình hoạt động thực tiễn, bảo kê cho sự chủ quan của ông — Ấy là: Những hoạt động của ông trong Hướng Đạo. Thêm vào đó, ông đã từng tham gia «một vài» công tác xã hội, tại một... «màng» nào đó, trong quận 8 — *Xin nói về ông hay: Thợ viết cũng là dân Quận 8* — trong biến cố Tết Mậu Thân. «Gan dạ» hơn nữa, ông lại còn dám có «vòi» chuyển đi trăm «tiền đồn», ngũ nghệ tâm sự với anh em chiến sĩ tiền tuyến.

Nhưng, theo thiên ý, từng ấy chưa đủ để ông vô ngục tự hào cái luận cứ của ông là «nhất» đầu. Nhiều người còn làm hơn

ông. Và, chỉ với những thành tích mà ông tưởng là ghê gớm như vừa liệt kê — Thợ viết cũng có thể bút xa hơn ông nhiều.

Nói đầu xa, những cái trật, và những mâu thuẫn. Nó hiện ra ngay trong bài thuyết trình trước giảng đại hải của ông — Chưa cần đợi đến lúc đến ra thực hành — Chính ông, vì quá tin vào cái lăng kính mù quáng của ông, ông đã tự đào cái hố, mà ông còn là *cách biệt giữa trẻ và già*. Thực sự, nếu cái «hố» này, có chẳng, thì nó cũng chỉ do một nhóm người — rất ít — như ông chẳng hạn — Những kẻ ưa «chê sơi tóc lôm lôm», quan trọng hóa vấn đề — Xã hội này, đã có sẵn những cái hố kỳ thị, phân hóa từ địa phương, đến tôn giáo. Từ tôn giáo đến chính trị. Giờ đây ông lại đào thêm cái hố già trẻ, làm xuy đổ cả nền móng gia đình nữa sao?

Hay là, bằng cứ vào mấy bức thư của một số độc giả, tự

nhận thuộc giới trẻ, gửi đến báo Chính Luận — Ông coi đó là bằng cứ, đặt mình vào vị trí vô tư, khách quan, đề trồn lần sự phê phán của những người, còn vô tư, còn khách quan hơn ông, đến cả vạn lần? — Thư hỏi, độc giả Chính Luận của ông được bao nhiêu, trong số 15 triệu dân? Và mấy lá thư, kể cả những số thư ông gộp nhật được, từ khi ông bước chân vào Chính Luận, được bao nhiêu, trong số ngót ba triệu thanh thiếu niên trên đất nước này?

Hài hước hơn, ông lại còn dành cả phần lớn thì giờ cho những lời lẽ sĩ vĩa, bên cạnh công trình xây dựng (2) của ông — Ông sĩ vĩa bọn trẻ chưa ráo máu đào, mà ông cho là đời trụ. Rồi ông sĩ vĩa đến các bậc cha mẹ không lo việc dạy dỗ con cái, vì... bà tha đã đành. Nhưng cái tội được ông coi là nặng hơn cả, là cái tội... *giàu có* — Thật cộng tội cho họ! Và tội luôn cho cái đất nước không chủ trương vô sản hóa

con người, để biến họ thành thứ nô lệ ngoan ngoãn như kiểu Cộng sản.

Chà hết. Ông còn lớn lối đã kích «nhà nước» — Vâng! Đã kích «nhà nước» được lần! vì không có đại diện «nhà nước» nào ngồi ở đó — Ông đã kích sang «nhà lập pháp» — Có hai cụ thượng ngồi lù lù trước mặt ông. Ông nói thẳng vào mặt các cụ! *«Chúng tôi bầu các ông lên ngồi đấy làm gì? !...»* — Hay lắm, và cũng... lịch sự lắm! — Nặng hơn cả, là nước bạn Huế Kỳ, được ông «chiếu cố» tàn tệ về những sản phẩm đời trụ, mà ông nước bạn này có nhà ý du nhập qua đây — Nặng, lắm, và đáng lắm! Nhưng không hiểu, trước khi «vụt» Mỹ, ông Phạm kim Vinh có tham khảo ý kiến nhà lãnh tụ Chủ Báo Đặng văn Sung không?

Chỉ tiếc, mục «Sinh Khí Văn Nghệ» của Báo Phở Thông, bị đặt trong một khuôn khổ quá eo hẹp. Không rộng rãi được như tờ

báo 12 trang, ra hàng ngày, như Đại nhật báo Chính Luận, nên dù muốn diễn tóa cho thật tỉ mỉ, Thơ viết cũng không có «vô» gì diễn tóa nổi hết ý mình.

Bởi vậy, xin tóm tắt đại khái một vài nét chính về buổi diễn thuyết — Sau khi nhà diễn giả đi khá sâu vào một vài chi tiết, và sau khi đưa cử tọa đi một vòng ngao du Sơn Thủy Thế Giới Kỳ quan (Theo kiểu truyền bá Hàm Thu) và, sau khi «pháo kích» xong một số những mục tiêu cần phải «pháo kích», Diễn giả đã mở hé ra cho chúng ta thấy : *Con đường... mòn có hai nhánh* là : Một nhánh mang tên «*Tình thương*» theo giáo điều của ông nhà sư kiêm nhà chính sách Thích Nhất Hạnh. Nhánh thì hai mang tấm bằng bằng hai chữ viết hao «*Hướng Đạo*».

Đặc biệt lúc đề cập đến mấy bức thư của một số bạn trẻ, và sinh viên gởi đến Chính Luận thì diễn giả lấy làm trịnh trọng lắm — Đọc thật rõ ràng từng lời

lẽ trong bức thư. Nhưng khi cuộc thuyết trình vừa chấm dứt, một bạn Thanh Niên, và cũng có thể là sinh viên, gởi tay xin có ý kiến, thì diễn giả dẫn mặt ngay bằng một câu không lấy gì làm nhà nhận cho lắm.

«*Đây là cuộc diễn thuyết do sự bảo trợ của Nghị Đoàn kỷ giả Việt Nam Được «nhà nước» cho phép. Chúng tôi xin miễn tiếp nhận các ý kiến*» !

Thật khó hiểu !.. Nhưng xét ra, bài viết của mình trong khuôn khổ eo hẹp, thế nào chả có một vài đoạn tối tăm. Vậy thì, tôi gì không mượn đỡ câu nói cuối cùng của ông diễn giả này, làm «*khuôn vàng thước ngọc*», giao hẹn trước với qu vị độc giả thân mến của báo Phổ Thông.

«*Bài này Thơ viết, viết đề đóp tiền nhuận bút. Được ông Nguyễn Vũ cho phép đăng, chúng tôi, tức Tác giả xin miễn tiếp nhận ý kiến của bất cứ bạn đọc bốn phương nào gởi đến*» !

VĂN CÔNG

Cáo phó

Chúng tôi đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc :

Cố Thiểu Úg **TRẦN-CHU**

Khóa 21 Thủ Đức, pháp danh Tâm Diệp, đã từ trần hồi 14 giờ ngày 15-5-69 tại nhà thương Chu Lai.

Thi hài đã được đưa về Dalat và an táng tại nghĩa trang Phái giao Dalat.

- Cha mẹ — Ông Bà Trần Ba
- Cha mẹ vợ — Ông Bà Phạm đẳng Khánh
- Vợ — Bà quả phụ Trần Chu nữ danh Phạm thị Lý
- Con trai — Trần nguyên Tường Minh
- Anh trưởng — Trung Úy Trần Nguyên Hoàng vợ và các con
- Em trai — Trần xuân Phong
- Em gái — Trần thị Liên Chiêu chồng và các con
- Trần Quý Nhự
- Trần thị Liên Nhự
- Trần thị Thanh Tuyền
- Trần thị Xuân Nương

Tang gia đồng khắp cáo.

(Cáo phó này thay thế thiệp tang)

Con chim non bay về tổ bơ vơ

Bơ vơ ố bơ vơ.

Con chim đậu trên cành
Cỏ bay qua lạnh lạnh
Chim đứng rĩa lông xang
Liu lo bãi hoang lạnh
Nắng chiều vàng hanh hanh
Chim xuống đây cùng ta
Hai tiếng nói ngẹn ngào
Có đơn sầu lẻ lá
Vị đời puá mĩa mĩa.
Chim xanh ôi chim xanh
Cớ sao đậu trên cành ?
Không bay vào vô tận
Nắng vàng còn hanh hanh ?
Con chim đậu trên cành
Với giọng buồn nức nở
Tình đời quá mong manh !
Chim xanh ôi chim xanh
Sao ca bãi hoang lạnh
Không hát bản ân tình
Sao trách đời mong manh ?
Ô hay ? sao không nói
Rĩa cánh mãi trên cành
Mất buồn mờ hoang lệ
Buổi chiều vàng hanh hanh
Buông tiếng nói ngẹn ngào
Chim bay vào vô tận
Có đơn sầu vây quanh.
Ta về trong hoang lạnh
— Con chim đậu trên cành

VÕ-THANH-TÂN
(Quảng Ngãi)

MỌI NƠI

TRONG MỌI GIA ĐÌNH



Nước ngọt CON CỌP mỗi chai
là nguồn vui mạnh kéo dài tuổi Xuân

Nhà hàng Đại-La-Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lăng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lâu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bần thần đã dưng hay là đang hành
kinh mà đau bụng, ấu ăg. Lối Công Hoàn « Ông Tiên ». Các tiệm
thuốc có Bắc bán lẻ. Nhà thuốc Ông-Tiên » Phú-Lâm Cholon.
K.N.BYT. số 9-5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu ăn lan tới
đó không phải thoa phết sớ sai ngoài da mà hết. Uống Giả
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên » Trên 30 năm danh
tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc Ông Tiên Phú-Lâm, Cholon
(K.N. BYT. số 3—9-5-63)

Bưu-phieu hay thư từ tiền bạc xin đề :

Ô. NGÔ-QUANG-PHƯỚC

TY QUẢN-LÝ TẠP-CHÍ PHỒ-THÔNG

231 Phạm-ngũ-Lão Saigon

Giấy phép số 292 CDVTTINH ngày 9-10-1961

Chủ-nhiệm : NGUYỄN-VŨ

THU LÂM ẮN HƯ QUẢN
231, Phạm-Ngũ Lão -- SAIGON
ĐT. : 25.861

GIÁ : 30 đồng
Công sở : gấp đôi



NEUROTONIC

CÔNG HIỆU NHƯ THẦN

- ★ BỒI BỔ ÓC
- ★ TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ
- ★ BẢO VỆ SINH LỰC